

15 THÁNG 8 NĂM 1970

# BACH KHOA

*năm mười bốn*

NHẤT HẠNH *đạo Phật ngày nay* \* LÂM NGŨ ĐƯỜNG  
*hài hước tại Đông-phương và Tây - phương* \* TỪ TRÍ  
*chính thể Cộng-sản Cuba năm thứ 12* \* VIỆT PHƯƠNG  
*những chuyện hướng chính trị tại các nước Tây-phương*  
*trong mấy năm qua* \* TRẦN VĂN TÍCH *lược khảo về*  
*dược liệu Đông-Y* \* CUNG GIỮ NGUYÊN *bánh vẽ và*  
*cọp giấy* \* THẾ UYÊN *Trịnh Công Sơn, cuộc hành trình*  
*làm người Việt-nam* \* NGUYỄN TRỌNG VĂN *chiếc nón*  
*bài thơ* \* ĐỊNH NGUYỄN *hiu hắt* \* PHẠM CAO  
HOÀNG *đời thông* \* NGUYỄN TĂNG LIÊN *dừng dừng* \*

**SINH HOẠT** *thời sự*

*thế giới* \* *thời sự khoa*

*học* \* *thời sự văn nghệ*

# 327







*Activité locale accrue sans répercussions générales*

# **l'Hydrocortancyl**

en applications topiques

*crème*

Flacon de 8 g à 0,5 p. 100  
de delta-hydrocortisone  
dans un excipient fluide,  
non gras, hydrodispersible

*collyre*

Flacon compte-gouttes  
contenant 3 ml soit 15 mg  
de principe actif, d'une  
suspension d'acétate  
de delta-hydrocortisone  
titrée à 0,5 p. 100

*gouttes nasales*

Acétate de delta-hydro-  
cortisone en suspension  
aqueuse titrée à 0,50 p. 100  
Flacon de 8 ml

---

**LES LABORATOIRES ROUSSEL**

35, BOULEVARD DES INVALIDES - PARIS 7<sup>e</sup>

---

**ROUSSEL VIETNAM, 6, Boulevard Nguyễn-Huê - SAIGON**

---

Distributeur : **PHARMASIA, 246, Rue Công-Quynh - SAIGON**

---





# B Á C H

# K H O A

Số 327 ngày 15 - 8 - 1970

NHẤT HẠNH đạo Phật ngày nay	5
LÂM NGŨ ĐƯỜNG hài hước (u-mặc) tại Đông-phương và Tây-phương (NGUYỄN lược dịch)	19
TRẦN VĂN ÍCH lược khảo về dược liệu Đông-Y	23
VIỆT PHƯƠNG những chuyển-hướng chính-trị tại các nước Tây-phương trong mấy năm qua	31
CUNG GIỮ NGUYÊN bánh vẽ và cạp giấy (Danh và Lý)	39
THẾ UYÊN Trịnh Công Sơn, cuộc hành-trình làm người Việt-nam	47
TƯ TRÌ chính thể Cộng-sản Cuba năm thứ 12	55
NGUYỄN TRỌNG VĂN chiếc nón bài thơ	64
NGUYỄN TĂNG LIÊN đứng đưng (truyện)	69
ĐỊNH NGUYỄN hiu hắt (thơ)	78
PHẠM CAO HOÀNG đôi thông (thơ)	79
<b>SINH - HOẠT</b>	
TƯ TRÌ thời sự thế giới	80
TỬ DIỆP thời sự khoa học	83
THU THỦY thời sự văn nghệ	84

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU  
Chủ bút :  
Tòa soạn 160, Phan-Đình-Phùng Saigon  
Điện-thoại : 25.539  
H. T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG LAI  
133 Võ-Tánh Saigon  
GIÁ : 50đ Công sở : 100 đ  
Cao Nguyên và Miền Trung  
thêm cước phí máy bay



## Sử ký của Tư Mã Thiên

GIAN CHI và NGUYỄN-HIÊN-LÊ giới thiệu, trích  
dịch và chú thích

Tư Mã Thiên là nhà văn lớn nhất, đau khổ nhất, có tâm trạng u uất nhất của Trung Hoa chịu sống nhục để hoàn thành bộ sử ký ; cảnh già thật cô độc, không ai biết chết năm nào và ở đâu.

Sử học, tư tưởng, chí hướng cao cả và tâm sự bi thảm của ông gửi cả vào bộ đó mà về phương diện nghệ thuật, Lỗ Tấn khen là bộ *Ly Tao không vần*, về phương diện sử học, tất cả các học giả Đông, Tây đều nhận là một công trình vĩ đại làm vẻ vang cho nhân loại, hơn hẳn các bộ sử của Hérodote, Tacite. Ảnh hưởng của nó tới văn hóa Trung Hoa chỉ đứng sau các bộ Kinh của Khổng Tử, Lão Tử và Trang Tử.

Chavannes ở Pháp, Watson ở Mỹ đã dịch nhưng chưa trọn bộ vì tác phẩm lớn quá : 130 thiên, 526.500 chữ.

Ở nước ta, trước Thế chiến, Nhưộng Tống mới trích dịch được ít đoạn ngắn, nhưng giới thiệu sơ sài không chú thích, mà lại không dịch trọn bộ: thiên nào nên đọc giả không thấy được cái bi hùng cuộn cuộn trong bộ sử mệnh mông đó.

Lần này hai ông Gian Chi và Nguyễn Hiến Lê trích dịch nhiều hơn, giới thiệu và chú thích kỹ càng như đã giới thiệu *Chiến Quốc Sách*. Nhà xuất bản Lá Bối sẽ in thành một cuốn sách dày. (Giấy mắc, công in tăng, nên số in phải hạn chế, bạn nên đặt trước ở hiệu sách quen ; chắc chắn không thể tái bản). Một cố gắng thật bực của tác giả và nhà xuất bản.

Nhà xuất bản Lá-Bối  
120 Nguyễn Lâm Chợ-lớn



# Đạo Phật ngày mai

L.T.S. Thượng Tọa Thích-Nhất-Hạnh, tác giả những tác phẩm nổi danh : « Đạo Phật ngày nay », « Đạo Phật đi vào cuộc đời », « Đạo Phật hiện-đại-hóa », lại sắp cho xuất bản một tác phẩm mới nhất với nhan-đề « Đạo Phật ngày mai » do nhà Lá-Bố ấn hành. Trong tác phẩm này tác giả « Đạo Phật ngày nay » muốn nói về « số phận đạo Phật, số phận con người » và ông đặt vấn đề như sau : « Ngày mai, đạo Phật còn sẽ có mặt tại Việt-Nam không, và nếu có thì trong những hình thức nào ? Câu hỏi đó tuy là câu hỏi về ngày mai, nhưng thực sự có liên hệ mật thiết đến tình trạng hiện tại. Biết mình sẽ đi về đâu cũng là một phương cách để tìm biết mình là ai, và ngay bây giờ mình phải làm gì. Câu hỏi không chỉ dành riêng cho Phật tử mà chung cho tất cả mọi người Việt-Nam nào có ý thức về vai trò văn-hóa và xã hội của đạo Phật trong hiện tại và tương lai của đất nước... »

Dưới đây chúng tôi xin trích đăng một chương trong tác phẩm nói trên về bảo vệ đạo pháp nằm trong phần giải đáp câu hỏi mà tác giả nêu trên đây, từ đoạn mở đầu của « Đạo Phật ngày mai ».

Nhân loại đang được đặt trước một tai họa lớn do chính con người tạo ra: tai họa tiêu diệt. Chúng ta có đủ thì giờ cứu chữa được tình-trạng không ? Hàng ngàn nhà khoa-học và sử-học đã la lớn: chậm quá mất rồi. Một nhà sử-học hiện-đại, ông W. Warren Wagar, sau khi phân tích cho ta thấy những khía cạnh của hiểm họa đó, đã kết luận rằng viễn-tr vọng thế-giới tiêu diệt đã thấy rõ ràng trước mắt. « Nếu các ông hỏi tôi làm sao cứu chữa được, tôi cũng chẳng biết nói sao. Có lẽ chúng ta không còn hy vọng nào được cứu thoát đâu, nhất là cứu thoát bằng sự tăng cường mức khôn khéo của nền kỹ-thuật » (1). Thảm thương nhất là khi ông nói đến

bốn đứa con mà vợ chồng ông đã lỡ sinh ra. Ông nói : « Tôi nhìn về thế-giới tương-lai của bốn đứa con tôi, và tôi tiếc tình yêu đã đưa chúng ra đời và nuôi chúng lớn đến ngày nay » (2)

Chỉ cần 250 quả hỏa-tiến liên-lục-địa là Hoa-Kỳ có thể tiêu diệt được Liên-bang Sô-viết và hầu hết dân chúng của Liên-bang. Hiện giờ Hoa-Kỳ có tới 2.500 hỏa-tiến liên-lục-địa, như thế và tất cả đều hướng về Sô-viết đợi sẵn. Theo đà sản xuất hiện tại, Hoa-Kỳ sẽ có tới 8.000 hỏa-tiến liên-lục-địa vào năm 1975. Hiện tại, Liên-bang Sô-viết

(1 và 2) W. Warren Wagar, *The Outlook For Man*, Fellowship Publications New York.



cũng có tới trên 1.000 hỏa tiễn lên-lục-địa hướng về Hoa-Kỳ. Thừa thải đề tiêu diệt Hiệp-chúng-quốc, và đến năm 1971 thì số đó cũng tăng lên tới 5.000. Trung-Hoa và Pháp-quốc cũng đã và đang chế tạo cho mình những loại hỏa-tiền đó và nhiều quốc-gia khác cũng đang âm thầm lo trang bị cho mình bằng thứ khí giới ghê gớm kia. Chiến-tranh nguyên-tử có thể bùng nổ bất cứ lúc nào khi những cuộc chiến-tranh phản chiếu xung đột quốc-tế như chiến-tranh Việt-Nam và Trung-Đông còn đang tiếp diễn. Đó là những chiếc ngòi rất bén nhọn mà khả năng kiểm soát của con người thì rất mong manh.

Tốc độ gia tăng dân-số thế-giới hiện giờ đi tới mức thần-ầu quỷ-khóc. Từ khi loài người sanh ra trên mặt đất, nhân loại đã đề tới 200 000 năm mới đạt tới dân số hiện thời là ba tỷ rưỡi (3.500.000.000). Nhưng theo tốc độ sinh-sản hiện giờ, các nhà chuyên-môn nói, thì trong khoảng 25 năm nữa, dân số thế giới sẽ tăng gấp đôi tức là vào khoảng 7 tỷ (7.000.000.000 người). Trong 25 năm nữa, trái đất sẽ phải nuôi thêm ba tỷ rưỡi miệng ăn... Đây đó trên thế giới đã có nhiều vùng đói kém. Thiên-hạ đã và đang chết vì thiếu ăn và thiếu dinh-dưỡng. Nhà khoa học C.P. Snow, trong một bài diễn thuyết tại Wesminster college, Missouri, nói rằng chỉ trong khoảng bảy năm nữa là các vùng chết đói (local famine) xuất hiện đề cuối cùng tạo thành những biển chết đói (sea of hunger) vào cuối thế-kỷ (1).

Đói kém, chiến tranh luôn luôn đi đôi với nhau. Và đói kém mức thế giới sẽ đi theo chiến-tranh mức thế-giới tức là chiến tranh nguyên-tử.

Trong khi đó những tài nguyên của trái đất đang được xài phí mà không được bồi đắp. Không có một nguồn nguyên-liệu thiên-nhiên nào mà thực sự bất tận cả. Xử dụng mà không bồi đắp, nhất là phung phí trong những mục-đích không cần thiết tức là không nghĩ đến tương-lai. Tờ Nữ-Uớc thời-báo số chủ nhật nặng gần hai ký, đề có đủ giấy in một số báo này, người ta phải tiêu thụ cả một khu rừng lớn bằng một quận để làm bột giấy. Hàng chục triệu mẫu đất bỏ hoang ở A-Châu không giúp được ích gì cho các quốc-gia chậm tiến đang khổ sở vì bao nhiêu vấn-đề vấp bực, không có thì giờ khai thác và sản xuất. Dưới áp lực gây nên sức phát triển của các nước lớn, các quốc-gia đã lỡ chậm tiến khó có hy-vọng vượt lên ngang hàng các quốc-gia tiến bộ. Họ thiếu đủ thứ, nào đất tốt, nào nguyên-liệu, nào tư-bản, nào sự vững chãi chính-trị, nào tiến-bộ kỹ-thuật... Đó là số phận của hầu hết các nước Phi-Châu, Nam Mỹ-Châu, và Nam Á-Châu. Chiến tranh giải phóng sẽ tiếp tục phát sinh và tiếp diễn đề đi đến chiến tranh diệt chủng. Một phần lớn sông hồ đã bị kỹ nghệ làm cho dơ dáy, bầu khí quyển càng ngày càng bị nhiễm độc vì các nhà máy và các xe hơi. Giáo sư Ritchie Calder trong một khóa giảng tại Đại-học-đường Edingburg nói rằng ngày nay không có đứa trẻ con nào sinh ra trên thế-giới mà trong xương không có chất phóng xạ nguyên tử (2). Tình trạng nguy nan đến nỗi không còn có thể có những giải pháp cục bộ cho những vấn đề cục bộ.

(1) *The New York Times*, 13-11-1968.

(2) *Unesco Courier*, Décembre 1962.



Bất cứ vấn-đề nào cũng liên-hệ đến sự tồn vong của toàn thể nhân-loại, và chỉ có những cố gắng tập-thể của toàn nhân loại mới mong có hy vọng cứu vãn được tình thế. Nếu không, người áp bức chết mà kẻ bị áp bức cũng chết, nước nhược tiểu chết mà nước tiến bộ cũng chết. Chúng ta thực đã lâm vào tình trạng "đồng sinh cộng tử".

Hàng ngàn nhà chuyên-môn về kinh-tế-học, nhân-chủng-học, sinh-vật-học đã la lên tiếng la thất thanh của họ. Nhưng tại sao hầu hết nhân-loại chưa nghe thấy? Tại sao phần đông còn như đang mê ngủ?

Có hai lý do chính.

Lý do thứ nhất là con người không nắm được bản chất hiện-sinh mình. Lý do thứ hai con người đang mãi mê trong những xung đột đặc thất cục bộ.

Cả hai lý do đều chứng tỏ sự suy đồi rõ rệt của đạo Phật và của tất cả những nguồn tuệ-giác khác trong gia tài văn hóa nhân loại. Người phật-tử hãy xét lại mình, đừng tự-thị và tự-đắc một cách nông-cạn và quê mùa.

Trên đại thể, những ngôi sao chứng ngộ trong giới phật-tử trên thế giới hiện thời rất lác đác ít ỏi, và bầu trời Phật-giáo rất buồn tẻ. Nền Phật-học ở Nhật-bản và ở một số các nước Tây phương biết xử dụng phương pháp nghiên-cứu sử-học có thể chứng minh cho một sự tiến bộ rõ rệt về phương-diện tra-cứu học hỏi. Nhưng đó chẳng qua chỉ là một nền Phật-học mà không phải là một luồng sinh khí Phật-giáo. Hơn nữa, nền Phật-học ấy thiên trọng về mặt từ-chương và kẹt vào những kỹ-thuật ngữ-học và khảo-cổ đến nỗi người học Phật quên mất chủ đích tìm hiểu và đón nhận tinh-hoa của nền sinh

hoạt tâm linh Phật-giáo. Đã có những nơi người học sinh có thể đậu những mảnh bằng cao-học và tiến-sĩ về Phật-học. Nền học được tổ chức khoa-học hơn, ai cũng có thể học Phật và thi đỗ được, nhưng không phải vì thế mà cái học bây giờ đem tới nhiều kết quả thực tiễn hơn là cái học trong các tu viện thuở trước. Ngày xưa, cái học là một phần của cái hành. Cái học ấy giúp điều-kiện phát sinh chứng ngộ. Mà sự chứng ngộ là điều căn-bản. Chúng ta thiếu thốn sự chứng ngộ mà không thiếu thốn sự học hỏi.

Trở lại với Phật - giáo Nhật-bản. Ngày xưa sinh-khí Phật-giáo ở đất Phù-tang rào rạt mọi lãnh-vực tư-tướng, văn-học, nghệ - thuật. Ngày nay tuy chùa tháp vẫn ngự-trị khắp nơi, tuy số-lượng tăng-sĩ không giảm bớt, tuy các tổ-chức giáo-hội và các trường học, nhà thương, (và cả chính đảng nữa) của phật-tử tồn tại khắp nơi nhưng sinh khí đạo Phật hiện nay được xem như vô cùng yếu ớt. Cái vỏ thì to lớn huy hoàng mà cái ruột thì không còn đáng cho chúng ta ước muốn nhiều lắm. Phật-giáo tại các nước Miến-điện, Tích-lan và Việt-nam vươn lên tới ý thức tự-giác thì đã bị lâm vào tình-trạng bị khống-chế. Phật-giáo Tây-tạng chưa có dịp bừng tỉnh thì đã bị chế-ngự. Phật-giáo tại các nước Thái-lan, Cam-bốt và Lào không cự quậy được trong cái vỏ tự hào, còn chưa tỉnh giấc và đang bị chính-trị địa-phương lợi dụng. Bà hoàng Poon của Thái-lan nói chuyện chống Cộng-sản vô-thần không khác chi một nhà quân-sự hoặc tư-bản Mỹ. Hoàng thân Souvanna Phouma của Ai-lao rất sợ Phật-giáo Lào làm chính-trị và đề ngăn cản ảnh hưởng Phật-giáo Việt-nam tại Lào, vừa trục xuất vị



lãnh đạo tối cao của Phật-tử Việt-kiều tại Lào. Vua Sãi Cam-bốt mĩa mai tăng-sĩ Việt-Nam « làm chính-trị » và chủ trương tăng - sĩ chỉ cần tham thiền và thụ hưởng sự cúng dường. Ở ba nước này, đạo Phật được xem như là quốc-giáo, nhưng chính quyền không dung bất cứ một vị tăng nào có tư tưởng tiến bộ.

Ở miền Bắc Việt-Nam, các tu viện vắng người, nhất là vắng giới trẻ. Giới trẻ phải lo sản xuất, học tập, chiến đấu, thì giờ đâu để gõ mõ tụng kinh. Ở miền Nam Việt-Nam, chiến-tranh tàn phá miền núi non đồng ruộng, phần lớn các tu viện dời về đô thị, tăng sinh một phần bị bắt lính, một phần được Giáo-hội xử dụng trong các công tác của Giáo-hội. Không còn tu viện theo thanh qui nữa. Nhiệm vụ hiện thời của tăng sĩ là « bảo vệ Phật giáo » « hoằng dương Phật pháp, chứ không phải là tu chứng bản thân. Thích-Trí-Quang từ hai mươi năm nay kêu gọi : « Phải cải tạo con người trước khi cải tạo xã-hội ». Nhưng trong vòng hai mươi năm nay cả cộng đồng Phật-giáo Việt-Nam đã bị cuốn theo làn sóng dồn dập của cộng đồng dân-tộc.

Chiến tranh phải chăng là lý do khiến cho đời sống tu viện bị xáo trộn và do đó người tu chứng ít xuất hiện ? Không phải hẳn thế. Ở Nhật-bản, ở Thái-lan, ở Cam-bốt có chiến tranh đâu ? Thế mà các bậc tu chứng vẫn ít xuất hiện. Ở Nhật chẳng hạn, các tu viện như Tổng-Trì, Vinh-Bình của Thiên-Tông, Cao-Dã-Sơn của Chân-Ngôn-Tôn và Tỷ-Duyệt-Sơn của Thiên-Thai-Tôn, những tu viện này hiện đang nhắm tới việc đào tạo cán bộ tôn giáo cho các Giáo-hội hơn là nhắm tới vấn-đề tu-chứng.

Không có cơ sở nào tránh khỏi việc làm đối tượng cho người du lịch tò mò. Tu viện nào cũng biết quảng cáo chút đỉnh để thu vào thêm lợi tức cho mình. Đời sống tu viện có quá nhiều liên-hệ đến đời sống ngoài tu viện và người sống trong tu viện phải lo đến chuyện ngoài tu viện. Con người ngồi không yên, gốc rễ con người không có thì giờ đâm sâu xuống nền tảng hiện-sinh mình. Đây không phải là cái lỗi riêng của người Phật-tử. Đây là tình trạng con người nói chung. Con người đã phóng thê như vậy thì sống trong tu viện cũng vậy mà ngoài tu-viện cũng vậy ít có cơ hội để tự giác-ngộ.

Rải rác đây đó ở Âu-Châu và Mỹ-Châu, có những vị tăng-sĩ từ các nước Phật-giáo như Tích-lan, Tây-tạng, Nhật-bản cư trú và hành đạo. Nhưng hoạt động của các vị này chưa thực sự làm cho đạo Phật đâm được gốc rễ xuống mảnh đất Âu Mỹ. Ở Âu Châu đã có một số tăng sĩ Nam Tông đến hành đạo thuyết pháp nhưng không đạt tới một kết quả nào đáng kể. Các hội Phật-giáo không thể nào phát-triển được, phần lớn đều là những nhóm nhỏ năm bảy chục người. Có lẽ vì những nhà truyền-giáo Phật-tử này không nắm được căn-cơ của người Tây-phương, không thông hiểu văn-hóa Tây-phương và không đủ sức tạo ra cho Tây-phương những hình-thái tư duy và sinh hoạt Phật-giáo thích hợp cho người Tây-phương. Họ chỉ biết đem nguyên mẫu sinh hoạt Phật-giáo từ truyền thống xứ sở họ tới và muốn người Tây-phương áp-dụng theo. Cố nhiên họ không thể thành công được. Ở Mỹ-Châu cũng vậy, có gần một trăm vị tăng sĩ Phật-giáo Nhật-bản, vài ba vị tăng sĩ Trung-hoa cũng như Tích-lan



và năm bảy vị tu sĩ Tây-tạng đang cư trú và hành động tại Bắc Mỹ, nhưng đạo Phật vẫn không có cơ thâm nhập được văn-hóa và dân chúng Mỹ-Châu. Các hội Phật-giáo phần lớn là đề qui tụ và phụng sự những Phật-tử Á-Châu sinh hoạt tại Mỹ quốc, phần lớn là người Nhật-bản và Trung-hoa. Tôi có được đi nghe một bài thuyết-pháp của các hội này tổ chức. Số người Mỹ đi dự rất ít. Họ chỉ ưa phần trình diễn đàn tranh, y phục Đông-phương, nghệ thuật cắm hoa v.v... đối với bài thuyết-pháp, họ không thấy có gì hứng thú. Krishnamurti và Daitzeiz Suzuki là hai người nổi bật trong số người quý giá từ phương Đông đến đã thực sự hấp dẫn được người Tây phương, đã khai thị được phần nào cho Tây-phương về tinh ba đạo học. Suzuki đã thực sự gây được hứng thú về Thiên học và đã thổi được một phần sinh khí vào trong nền Phật-học khô khan của Tây phương. Krishnamurti cũng làm công việc tương tự trong lĩnh vực đạo-học và tâm-linh-học nói chung. Nhưng những cái rễ đâm được xuống mặt đất Tây phương ấy có đủ nuôi lớn cây đạo Phật không, hoặc vì thiếu người tiếp tục nuôi dưỡng và sáng tạo, những cái cây nhỏ bé kia sẽ bị héo hắt trong một mai một chiều. Tây-phương rất cần đạo Phật, nhưng không phải đạo Phật trong hình thức Tích-lan hoặc Nhật-bản hoặc Tây-Tạng hoặc bất cứ một xứ sở nào mà Văn-hóa quá khác lạ. Tây-phương cần một đạo Phật phù hợp với căn cơ và nhu cầu của con người tâm lý và xã-hội của họ. Đạo Phật này chỉ có thể được sáng-tạo do những người đã thực sự nắm vững vừa đạo Phật vừa văn hóa Tây-phương.

Nếu Tây-phương có hiểu có hành được đạo Phật hay không, có sáng tạo và xây dựng được cho mình một hình thái đạo Phật phù hợp hay không, điều đó không tùy thuộc ở tăng sĩ Phật-giáo từ Đông phương qua truyền đạo mà tùy thuộc ở chính những nhà lãnh đạo tư tưởng Tây phương. Chính những người như Hermann Hesse, Hubert Benoit, Edward Conze, Erich Fromm v.v... tóm lại, những người có khả năng hấp thụ được tinh-ba Phật-Giáo, sinh hoạt và diễn tả Phật-giáo qua ngôn-ngữ văn-hóa Tây-phương mới có thể đóng góp thực sự vào việc tạo dựng một nền sinh hoạt Phật giáo cho Tây phương. Tây-phương không thể có những Giáo-hội tăng-già và những lễ lược cúng bái tổ-chức theo kiểu Phật-Giáo Đông phương được. Những hình-thái ấy họ đã có rồi và có rất đàng hoàng trong truyền-thống tôn-giáo của họ. Phật-giáo mà họ cần thiết không phải là đạo Phật của nghi lễ tôn giáo mà là đạo Phật của tâm-linh trong những hình thức phù hợp với đời sống hiện tại của họ.

Xứ An-độ, nơi phát nguyên Phật-giáo, mặc dầu đang trải qua những vấn đề lớn lao như nạn đói kém, chia rẽ, xung đột, nhưng hình như còn duy trì được một phần cái môi-trường cần thiết để con người trở lại với con người. Đứng về phương-diện tư-tưởng cũng như đứng về phương-diện hành động, An-độ dù sao cũng đã cung cấp được cho nhân loại một số những nhà lãnh đạo tinh thần cỡ lớn. Gandhi, Ambedkar và Vinoba là những gương sáng của triết lý hành động thực sự nhân bản. Krishnamurti và Aurobindo đích thực là những con người đã giác ngộ, và là những vị đạo sư xứng đáng biết dạy



cho con người trở về với con người và đạt tới sự thực hiện. Lại lúng thây, trong năm vị này chỉ có một vị tự xưng là Phật tử: đó là Bác-sĩ Ambedkar, người muốn nường vào giáo điều bình đẳng của đạo Phật để tranh đấu giải phóng cho giới cùng đinh Ấn-độ. Bốn người kia tuy không xưng là Phật-tử nhưng bản chất của hành động và tư tưởng họ không có điểm nào là không phù hợp với tuệ-giác đạo Phật. Krishnamurti chẳng hạn, không hề trích dẫn một câu kinh Phật, không hề dung một thuật ngữ Phật-giáo đã diễn tả được nguồn tuệ-giác đạo Phật một cách sáng tỏ và tự nhiên trong những bài nói chuyện của người. Một vị thiền-sư đặc đạo của thời đại cũng chỉ có thể diễn-đạt bằng một ngôn ngữ giác-ngộ sáng tỏ đến thế là cùng. Tuy Thái-hư Pháp-sư của Trung-hoa, giáo-sư Suzuki của Nhật-bản hay Hòa-thượng Khánh-Anh của Việt-nam được nhận thức như những bậc tu chứng, ngôn ngữ của họ vẫn không tràn đầy được tính cách tuệ-giác và đi thẳng vào tâm hồn con người thời đại bằng ngôn-ngữ Krishnamurti.

Những người như Krishnamurti có nằm trong giòng tuệ-giác của đạo Phật không, điều đó không lấy gì làm quan trọng. Nếu người Phật-tử muốn "thấy người sang bắt quàng làm họ" thì người Phật-tử cũng có thể trả lời rằng có. Ai có học hỏi và sống với nền đạo học Ấn-độ cũng biết rằng tuy đạo Phật trên danh-nghĩa bị đánh bật ra khỏi Ấn-độ vào thế-kỷ thứ chín, nhưng kỳ thực trên thực-tế tư-tưởng và tuệ-giác đạo Phật vẫn tồn tại vững chãi trong truyền-thống Ấn-độ. Danh-tử và tổ chức có khác nhưng thực chất hầu như một.

Tuy nhiên cần gì phải là Phật-tử mới có thể giác ngộ. Thái-tử Tất-

Đạt-Đa không hề là Phật-tử mà vẫn đạt đến tuệ-giác mà Phật-giáo là tuệ-giác; chứ Phật-giáo chẳng có nghĩa gì khác hơn là tuệ-giác (1). Truyền-thống của Krishnamurti rất gần với truyền-thống đạo Phật. Tôi biết một nhà thần học Do-thái tên *Martin Buber* của một truyền-thống hoàn toàn xa lạ với truyền-thống Phật-Giáo, mà qua tác phẩm *I and Thou* của Ông, tôi nhận ra ông là một nhà giác ngộ, một thiền sư. Tôi lại quen một nhà tu Cơ-đốc giáo tên Thomas Merton, ăn ngủ với ông tại tu-viện Gethsemani, đọc sách và thi-ca của ông mà tôi cho đích thực là ngôn-ngữ giác-ngộ. Ông thông hiểu về thiền, viết sách về thiền và có một nếp sống rất thiền-vị còn hơn một số nhà sư tự nhận mình là thiền-sư. Tôi lại còn quen một nhà văn trước kia mang tiếng là viết văn dùng quá nhiều chữ sống-sượng thô-tục làm các nhà luân-lý đỏ mặt mỗi khi nghe nhắc đến đến tên, nhưng đời sống và văn nghiệp lại chứng tỏ là một người đã đạt đến trình độ tự tại và có ý thức rất sáng về thực tại. Người ấy tên là Henri Miller — Thomas Merton và Henri Miller đã không ngần ngại cho rằng thiền là chính đời sống họ, họ linh hội được thiền không phải vì họ là Phật-tử mà là vì căn cơ và trực-giác thâm sâu của hiện-sinh họ. Tôi thấy Phật-tử không có lý do gì để mà tự-hào hết. Những người mang tuệ-giác Phật-giáo mà tôi biết đến nhiều nhất là những người không tự nhận là Phật-tử. Hoặc có lẽ vì họ chán ngấy cái thái-độ tự-tôn tự mãn của con người Phật-tử rồi chăng? Ô hay cái ông này, tự xưng là Phật-tử mà đi khen những người ngoại đạo để rồi nói xấu cho đạo Phật.

(1) Phật, nguyên Phạn ngữ Buddha, là người giác ngộ.



Phật như thế hả? Thưa không, tôi chẳng nói xấu cho đạo Phật. Tôi chỉ nói rằng vòm trời Phật-giáo đen ngịt, chỉ lẽ tẻ một số ngôi sao mờ nhạt làm cho bất cứ người Phật-tử nào cũng phải tủi thân.

Chúng ta cần những bậc đạo-sư, những người dạy cho chúng ta nắm được bản-thân chúng ta, nắm được hiện-sinh chúng ta, để rồi chúng ta có thể có đủ sức mạnh tâm-linh và tuệ-giác để tự cứu lấy nhân loại khỏi tai họa lớn do chính chúng ta đã gây nên. Con người phải được trở về với địa vị mình. Văn-minh kỹ-thuật, một sức mạnh mù quáng, không chịu hướng dẫn bởi một ý-thức-hệ nào. Văn-minh kỹ-thuật đang kéo chúng ta đi theo dù chúng ta thật tình không muốn đi theo... Biết rằng kỹ-thuật-hóa đời sống thì nhân-tính sẽ bị mai một dần dần, nhưng không thể không kỹ-thuật-hóa đời sống. Biết càng chế thêm võ-khí hạch-tâm thì càng dễ đi đến chỗ tiêu diệt mà không thể không chế tạo thêm. Chúng ta đang làm gì đây và chúng ta có kiểm soát được việc làm của chúng ta hay không? Chúng ta, toàn thể chúng ta, đang được lôi chạy băng băng trên một cái đà dốc hình như không thể nào kìm hãm lại được.

Có những mục-tiêu nó hút chúng ta chạy tới một cách vô điều-kiện. Như thế cũng tại vì chúng là những mục-tiêu xứng đáng. Ví dụ: độc-lập, tự-do con người, công-bình xã-hội... Để đạt đến những mục-tiêu cao cả đó, hầu hết mọi người trong gia đình nhân loại đều dấn thân vào những cuộc tranh đấu. Ý-thức-hệ và kỹ-thuật là những phương-tiện lớn cho mọi cuộc tranh đấu. Bên nào yếu ý-thức-hệ thì tăng cường kỹ-thuật. Bên nào yếu kỹ-thuật thì tăng cường ý-thức-hệ. Nhưng trong quá trình tranh đấu, con người bị chính những phương-tiện

tranh-đấu của mình hãm hại. Cả ý-thức-hệ lẫn kỹ-thuật đã tạo nên và đào sâu hiện-tượng phóng-thể của con người đồng thời cắt xén đè ép nhân-tính của con người. Xã-hội tư-bản cũng như xã-hội Cộng-sản đều đang chứng-kiến sự khao khát của con người muốn thực sự được làm người. Cuộc nổi dậy của Tiệp-khắc được khơi động bởi ước muốn nhân-bản-hóa chế-độ xã-hội. Phong-trào Hippies ở Hoa-kỳ được phát khởi trường thành và lan cả sang Tây-Âu và Nhật-bản cũng vì thế-hệ trẻ muốn chống lại sự đè ép nhân-tính của đời sống xã-hội thống-trị bởi vật-chất và kỹ-thuật. Thế-lực hỗn-hợp kỹ-nghệ và quân-sự của xã-hội tư-bản, giống như một chiếc xe tăng phi nhân mù quáng đi tới nghiền nát khả-năng tâm-linh và nghệ-thuật của con người, không cho con người vươn lên đà thăng hóa, tạo ra những chết chóc khổ đau như bi-kịch Việt-Nam. Thế-lực đảng-trị và sự cố thủ thành trì ý-thức-hệ và xã-hội chủ-nghĩa cũng thế, dồn nén khả-năng tâm-linh và nghệ-thuật của con người vươn lên thăng-hóa và tạo ra những cuộc đàn áp máu lửa như bi kịch Hung-gia-lợi hay Tiệp-khắc.

Phong trào phản chiến Việt-Nam tại Mỹ thực ra không phải là do lương tâm người Mỹ đối với khổ đau Việt-Nam. Khổ đau Việt-Nam là một trong những triệu chứng của niềm đau nhức toàn bộ, là một cái cơ để tập trung ý-lực phản-kháng chiều hướng phi-nhân của xã-hội do vật-chất và kỹ-thuật chế-ngự. Phong-trào phản-chiến cùng với phong-trào Hippies là những khía cạnh nổi bật nhất của hiện-tượng phản-kháng nổi loạn của con người đối với sự tiêu diệt và đè nén nhân-tính.

Đời sống tâm-linh và nghệ-thuật của nhân-loại bị cắt xén, đè nén, tư-tưởng và nghệ-thuật hiện-đại trình bày những



ần-ức nặng nề, quái dị khắc khe, hoang tàn và lạc lõng. Âm-nhạc và hội-họa mới là những chứng cứ hùng hồn phát cho trạng-thái phóng-thể của con người.

Trước tình-trạng đó của con người, đạo Phật trả lời ra sao? Những bậc giác ngộ của thời-đại dạy chúng ta phải làm gì để con người có thể trở về với bản-thể mình? Chúng ta có được bao nhiêu bậc đạo sư có thể hướng dẫn cho chúng ta trở lại cơ-bản và khả-năng của con người? Và chúng ta có chịu nghe lời giáo-huấn của những bậc giác-ngộ đó chăng, hay là lại xốc nổi, cho lời giáo-huấn của họ là không tưởng, là thiếu thực-tế, là không hợp thời? Có thực chúng ta thiếu những vị đạo-sư, hoặc chính chúng ta có những vị đạo-sư nhưng chúng ta không biết đến hoặc khinh thường họ chỉ vì đạo-lý của họ không giúp ta thành công được trong các mưu toan tính toán cục bộ? Đến bao giờ chúng ta mới vươn mình thoát ra khỏi cái mê-hồn-trận của thế-giới « tổ-chức hợp-lý »? Xin đặt một dấu hỏi khẩn cấp cho những người có chí lớn muốn bảo-vệ đạo Phật chân thật, đạo Phật của cái nhìn sáng, của lòng thương rộng, của nụ cười trầm tĩnh uy hùng.

Bài toán của con người được đặt ra giản-dị nhưng sự thực hiện đáp số vô cùng gay go. Nhân-loại đứng trước hiểm họa tiêu diệt. Con người trong trạng-thái hiện nay không có đủ khả năng để tránh hiểm họa đó. Con người phải làm chủ được mình trước khi có khả-năng cứu mình ra khỏi hiểm họa. Vậy thì giải-pháp gồm trong hai bước quyết-định lớn, thiếu một trong hai bước thì con người sa xuống hố sâu, mà bước trước tiên bắt

buộc phải là bước thứ nhất. Con người phải trở lại với khả-năng con người, trước khi con người có thể tự cứu mình.

Đến đây chúng ta thấy rõ con đường đạo Phật: cuộc cách-mạng phải bắt đầu từ con người, chủ-thể cách-mạng. Vấn-đề không nằm ngoài con người.

Con người phải có cái nhìn sáng: đó là hiệu lệnh đầu tiên của đạo Phật. Bảo vệ đạo Phật như thế nào để giới Phật-tử có thể cung cấp cho nhân-loại những cái nhìn sáng ấy?

Nếu Phật tử chỉ biết lo lắng tổ-chức « xiết chặt hàng ngũ » áp dụng những phương-tiện ý-thức-hệ và kỹ-thuật trong tầm tay mình để tạo cho tập-đoàn Phật-giáo một lực-lượng xã-hội có thể tự vệ được đối với những mưu toan phá Phật giáo, thì cũng có thể là Phật-tử sẽ thành công. Nhưng như thế có phải là bảo vệ đạo Phật không? Đứng từ phương-diện bản-chất đạo Phật, như ta vừa phân tích, đó không phải là bảo vệ cho đạo Phật đích thực mà là bảo vệ cho một tập-đoàn tự cho là Phật-giáo, mà kỳ thực chỉ mang những hình-thức và danh-hiệu đạo Phật. Nó là một hành động chấp ngã tầm thường. Nó không biểu lộ cái nhìn sáng, lòng thương lớn và nụ cười trầm tĩnh uy hùng của đạo Phật. Nó là một cuộc tranh đấu cục bộ, giống hệt mọi cuộc tranh chấp lớn nhỏ khác của thế-giới đang đi về hướng tiêu diệt. Nó cũng nằm trên đống phóng-thể và tiêu diệt nhân-tính của con người. Đứng trước phương-diện nhu cầu của xã-hội mới, nó không đáp ứng được gì, nó chỉ nhằm đến sự có mặt của một cá « ngã » mà không xét rằng cái « ngã » ấy có thực sự lợi ích gì cho nhân-loại ngày mai, có giúp gì được cho sự cứu thoát của nhân-loại ngày mai.



Vậy ông nói không cần tổ-chức gì hết sao? Ông muốn bảo vệ đạo Phật bằng cách nào?

Thực ra, vấn-đề không phải là vấn-đề chống lại tổ chức. Vấn-đề là tổ-chức trên một nhận-định nhân-bản, sáng suốt có bản chất giác ngộ của đạo Phật. Bắt đầu phải là một công trình giáo-dục thực tiễn căn bản và cấp tốc. Mỗi chúng ta phải biết tự giáo-dục đề thức tỉnh mình. Mỗi chúng ta hãy biết dừng lại trên cái đà quay cuồng tranh đấu của chúng ta. Mà dừng lại không phải là chuyện dễ. Hãy xét lại con đường chúng ta đang đi, và cái kết quả thảm khốc chờ đợi ở cuối đường, phía trước mặt. Hãy xét lại lẽ lối suy-tư, tính toán sắp đặt của chúng ta. Hãy xét lại để thấy cái trống rỗng của nội tâm ta để thấy rằng ta đang là một chiếc chong chóng

xoay theo ngọn gió của hoàn cảnh mà không thực sự là tự chủ được ta. Hãy xét lại bằng giá-trị mà ta đã và đang dùng làm phương-châm hành-động. Chỉ có sau lúc đó ta mới bắt đầu biết nghe ta và các bậc đạo-sư thực sự là đạo-sư, những bậc mà ngày hôm qua ta cho là điên rồ, không-tưởng và thiếu thực-tế. Chỉ bắt đầu từ lúc ấy ta mới có thể quan-niệm được một cách đúng đắn và chín chắn vấn-đề tu học của đạo Phật, và chúng ta mới thấy được tại sao các tu-viện không sản-xuất được nhiều cao tăng, đạo-sư như ta thường ao ước, chúng ta mới bắt đầu được thực sự công việc tổ-chức bảo-vệ chính-pháp đích - thực.

NHẬT-HẠNH

(trích trong « Đạo Phật ngày mai » sắp xuất bản).

Tăng cường sinh lực bằng

**CETONIC**

**VITAMINE C 250mg**

433-YT DP.Đ.



# BASTOS *Luxe*



巴  
士  
多  
金  
牌  
煙  
名  
貴  
大  
方  
真  
地  
超  
等

Siêu Đẳng Thượng Hào Hạng

## NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc  
Tăng cường trí nhớ

## ACTIVIT

THUỐC TRỊ LAO LỰC, BỒ MÁU, BỔ PHỔI  
BỒI BỔ CƠ THỂ  
CÓ CHẤT GAN BÒ TƯƠI CỦA HÀO-LAN



# U - mặc tại Đông - phương và Tây - phương (\*)

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG

(Trung-Tâm Văn-Bút Trung-Hoa)

Tôi rất lấy làm sung-sướng được trình-bày trước quý văn-hữu về chủ-đề u-mặc. Theo Henri Bergson, u-mặc là một sự giải tỏa đột ngột của trạng-thái căng thẳng, một sự thoả mái về cân não, và tôi mong rằng chúng ta sẽ không phạm phải cái lỗi là khiến cho cuộc tranh-luận về cách làm thế nào cho thoả mái trở thành quá căng thẳng.

Thưa quý liệt vị,

Kêu thì chung cho cả muôn loài, nhưng mà cười là một đặc tính mà chỉ loài khỉ nhân hình (tổ tiên của chúng ta) với chúng ta là có. Đặc tính này xuất hiện cùng với sự phát triển của trí-tuệ. Tôi xin mạn phép được thêm rằng suy nghĩ là người, nhưng mỉm cười về lỗi lầm của chính mình là thánh.

Tôi không phủ-nhận rằng các con cá heo sống rất vui thú. Còn như voi và ngựa có cười hay không thì tôi xin chịu; nếu như có, thì xem chừng chúng chẳng để lộ ra. Tôi tin rằng, sự phát triển của u-mặc tiến-hành cùng với sự phát-triển của trí-tuệ. Vậy thì u-mặc là thăng-hoa của trí-tuệ con người.

Nó là một cống-hiến đặc biệt của văn-minh. Mỗi khi mà văn-minh đã phát-triển đủ mức, con người đã có thể nhận ra được lỗi lầm của chính mình và lỗi lầm của đồng loại, thì ấy là lúc u-mặc nảy sinh. Mỗi khi mà sự thông-minh của con người đã có thể khám phá ra cuồng-vọng của các kẻ trị vì ta, miệng lưỡi đối-trá và sự giả đạo-đức của các

chính-trị-gia của ta, những sự yếu đuối và sở-đoán của con người, sự hào-huyền và những kiêu-vọng, sự tương-phản giữa mộng và thực, thì khi đó u-mặc nhất định xuất hiện trong văn-học.

Thế thì u-mặc là một tặng vật đặc-biệt của trí thông-minh con người. Tôi thích đặc biệt những lời nói cuối cùng của Nữ-hoàng Victoria. Khi vị nữ-hoàng biết rằng giờ lâm chung của mình đã tới, những lời lẽ cuối cùng của kẻ trị-vì đế-quốc Anh là « Trăm đã gắng hết sức mình ». Bà đã rõ là bà không hoàn toàn, nhưng chỉ gắng hết sức mình. Tôi thích cái thứ khiêm-cung ấy, cái khôn-ngoaan thật lành mạnh, nồng nàn đầy tính-chất người ấy nó tạo nên loại u-mặc cao nhất.

Đôi lúc chúng ta lầm lộn u-mặc (humour) với sảo ngữ (esprit) thẳng hoặc lại còn lẫn nó với sự nhạo báng và miệt thị kẻ khác mà người ta mệnh-danh là châm-biếm. Châm-biếm cần-xé người ta; nó chẳng khác nào như ngọn gió đông lạnh căm cắt, da cắt thịt. U-mặc thì chẳng khác nào làn mưa dịu dàng của trời, nó trùm phủ ta trong một bầu không khí ấm cúng và tươi vui của tình người. Nó chẳng khác nào như suối nguồn róc rách chảy hay ánh nắng vàng chiếu tỏa trên cánh đồng xanh. Châm-biếm làm tổn thương, gây khó chịu cho đối thủ và tạo khoái cảm cho khách

(\*) L.T.S. Xin xem « Cái u-mặc tại Hán-thành » của Võ-Phiến trên B.K. số 326 (1-8-70).



bàng quan. U-mặc mơn nhẹ lên cảm-xúc của ta chẳng khác nào như gãi ngứa. Gãi ngứa là một trong những đại thống-khoái trên cõi đời này; nó mới khoan khoái làm sao, đôi lúc khoái đến độ dẫn vật khiến ta phải đòi thêm. Và đó chính là đặc tính của loại u-mặc hay. Nó chói lòa và lai láng đến nỗi khó mà định rõ được ở giọng nào và bạn chỉ cảm thấy khoái trá nhưng không biết ở đâu và tại sao, bạn chỉ muốn nhà văn cứ tiếp tục mãi.

Như thế thì chúng ta phải phân biệt những loại u-mặc khác nhau, như chúng ta phân biệt giữa một cái cười hô-hồ và một cái cười khúc khích, giữa cái cười sặc sụa đau tức mạng sườn và cái cười se sắt hay cái cười sâu muộn. Tôi thích một nụ cười se sắt sâu muộn nơi một tác-giả, nó biểu hiện cho ta một mối cảm-hoài man-mác như trong "Elegy on a Churchyard" của Gray. Nụ cười đáng kể nhất là "Nụ cười thăm lặng cảm thông" của lớp bằng-hữu (tương-thị mạc nghịch). Trong buổi sơ ngộ, Emerson và Carlyle không ngỏ một lời mà chỉ mỉm cười trong niềm thông cảm sâu-xa của hai tâm-hồn. Đó là "Nụ cười thăm lặng cảm thông" (hội tâm đích vi tiểu) mà ngày nay hết sức được quý chuộng ở Trung-quốc.

Thưa quý liệt vị, hình thức cao nhất của u-mặc là tạo được cái cười thăm-trầm. Giả thử chúng ta là thiên-thần, chắc chúng ta chẳng cần gì đến u-mặc, chúng ta chắc sẽ ra rả hát thánh ca suốt ngày. Chẳng may, chúng ta lại chót sinh vào vòng thân phận con người — *la condition humaine* — giữa thiên-thần và ác-quỷ. Đời người đầy những khổ đau và sầu não, đầy những cuồng-vọng và ần-ức. Đó chính là nơi mà u-mặc bước vào, như một yếu-tố dạt dào sinh khí dành cho sức mạnh con người.

Yếu-tố này thể-hiện trong lòng trắc ần bao-la, nó thấm vào cuộc sống con người một cách sâu bi nhưng thân ái, chỉ có những bậc vi-nhân của nhân-loại mới có được khả-năng ấy. Nó được thể-hiện nơi đức Phật và Chúa Jésus. Thông-điệp của đức Phật, theo tôi, có thể tóm lược lại trong bốn chữ: "Đại từ đại bi". Chúa Jésus đã biểu lộ lòng trắc-ần bao-la đó khi ngài phán, "Hãy đề cho những kẻ không tội lỗi ném hòn đá đầu tiên", với đám dân quê Do-thái đang cầm giữ một người đàn bà phạm tội ngoại-tình. Thật là thấm thía đến tận đáy lòng mà lại còn là niềm cảm thông đầy thương yêu và bao dung cho toàn nhân-loại.

Tôi xin mạn phép được đưa cử ra đây vài thí-dụ về loại u-mặc đầy sinh khí của một số bộ óc lỗi lạc nhất — một thứ u-mặc bắt nguồn từ sự chấp nhận điều không tránh khỏi được của thân-phận con người, hay từ sự vượt thắng trở ngại, và do đó biểu lộ được sức mạnh của nó.

Như quý vị đã rõ, Socrate có một bà vợ rất hay la mắng. Sau khi đã nghe bà Socrate mắng mỗ một thời một hồi, Socrate ra khỏi nhà mong cho được yên thân. Vừa bước ra khỏi cửa, bà vợ trút cả một chậu nước lên đầu ông làm Socrate ướt như chuột lột. Ông tự nhủ: "Sau sấm sét là mưa giông". Và ông thản nhiên cất bước về phía chợ thành Nhã-điền.

Ông so sánh hôn nhân với việc cưỡi ngựa. Nếu muốn tập cưỡi ngựa cho giỏi, thì phải chọn ngựa bất kham; nếu chỉ lo chọn ngựa đã thuần, thì còn có gì mà là tập tành.

Chúng ta đâu có ngờ được trường-phái Tiêu-dao của nền triết-học Hy-



Lạc sở-dĩ có được là nhờ bà Socrate. Nếu như Socrate được áp ú trong vòng tay mềm mại của một bà vợ thương yêu ông và không rời khỏi nhà một bước, thì ông đâu có lang thang trên đường phố Nhã-diễn chặi các khách lữ-hành lại mà hỏi những câu lằm cằm. Và nếu như vậy thì nền triết-học Hy-Lạp làm gì có được trường-phái Tiêu-dao.

Một vi-nhân khác, Abraham Lincoln đã trở thành Tổng-thống của Hiệp-chúng-quốc phần lớn cũng là nhờ bà vợ hay cần nhần và cau có của ông ta.

Ông thường ngồi la cà tại các quán rượu, cùng các khách hàng khác đem chuyện riêu cợt ra mà thù ửng, luyện cho trí khôn ngoan sắc bén thêm. Theo người chép tiểu-ử của Lincoln, thì cứ vào lúc nửa đêm thứ Bảy, trong khi ai nấy đều muốn trở về nhà thì ông là kẻ cuối cùng còn ngồi nán lại và rất lưỡng lự chẳng muốn về. Chính nhờ thường xuyên gặp gỡ mọi người ở các quán rượu và dùi mài trí khôn thêm sắc bén mà ông thấu thái được cái sắc-thái u-mặc dân dã và sử-dụng được Anh-ngữ một cách điêu-luyện. Đó chính là lý do giúp ông trở thành Tổng-thống Hiệp-chúng-quốc.

Một hôm, một chú bé đưa báo tháng, tuổi chừng 12, đem báo lại cho bà Lincoln. Chú ta đến trễ. Bà Lincoln la mắng chú ta dữ dẫn đến nỗi chú phải bỏ chạy về phàn nàn với ông chủ. Đó là một thị-trấn nhỏ, mọi người đều quen biết nhau. Ông chủ báo nói lại với Abraham Lincoln, và Lincoln bảo ông ta rằng: «Bác bảo hộ với Freddie là đừng có buồn. Chú ấy chỉ gặp bà nhà tôi có một phút mỗi ngày, mà tôi thì đã chịu đựng bà ấy cả 12 năm nay rồi.»

Trong cả hai trường-hợp của Socrates và Lincoln, quý vị thấy sức

manh tinh thần của con người thể-hiện trong sự u-mặc của họ.

Ở Trung-Hoa, những bậc đại hiền triết cũng còn là những nhà u-mặc. Đương thời với Khổng-tử là Lão-tử người đã nổi danh về chuyện châm chọc Khổng-tử. Bởi vì đạo Khổng chuyên lo việc tu thân cầu tiến; còn Lão-tử thì lại chủ trương trở về với bản tính bình dị và hồn nhiên của con người. Đối với Lão-tử, một người lẳng xa lẳng xẵng như Khổng-tử, hễ mở miệng ra là nói tới Đức tới Nhân, thì hẳn nhiên phải là một kẻ đáng tức cười rồi. Lão-tử nói «Sau khi mất Đạo, thì lại nói đến Đức. Đến khi mất Đức, thì lại bắt đầu nói đến Nhân. Đến lúc mất Nhân, thì lại bắt đầu nói tới Nghĩa... (1)» Do đó Lão-tử nói: «Người biết thì không nói, kẻ nói thì không biết (2)». Lão tử nói: «Nếu như những bậc hiền-triết kia không chết, thì đạo-tặc thế nào cũng phải dấy lên». (3)

Nhưng sự chỉ trích của Lão-tử có vẻ tai-hại như vậy, mà tiếng nói của ông lại chỉ thì thào thốt qua hàm râu rậm. Trang tử, kẻ đương thời với Aristote và là một cao đồ của Lão-tử, trẻ trung hơn, nên tiếng cười rộn rã và mạnh mẽ của ông vang dội qua nhiều thời-đại.

Trước chính tình hồn loạn thuở đó Trang-tử đã nói:

«Ăn cắp một lưỡi câu thì bị treo cổ, như một tên gian tế,

Nhưng cướp nước thì lại được làm Vua chư hầu». (4)

(1) Lời Người Dịch: Có lẽ là mượn ý câu này: «Thất đạo nhi hậu đức, Thất đức nhi hậu nhân, Thất nhân nhi hậu nghĩa...»

(2) «Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri»

(3) «Thánh nhân bất tử, đại đạo bất chỉ».

(4) «Thiết câu giả tru, thiết quốc giả vi chư hầu»



Trang-tử có kể một chuyện về một góa phụ, làm tôi liên tưởng tới "The Widow of Ephesus" của Petronius. Một hôm, Trang-tử đi chơi núi về, dung mạo rất buồn bã. Các môn-đệ bèn hỏi: "Sao Thầy buồn vậy?" Ông đáp "Ta đang đi dạo thì thấy một người đàn bà mặc áo tang, quỳ xếp trên mặt đất, đang cầm quạt mà quạt một nắm mồ còn ướt. Ta mới hỏi "Sao bà làm vậy?" Người góa phụ đáp rằng "Tôi hứa với người chồng yêu quý của tôi là chỉ khi nào mộ chồng tôi đã khô ráo, tôi mới tính chuyện bước đi bước nữa. Mà ông xem thời tiết như thế này thì có tặc không chứ!"

Tôi rất mừng là chúng tôi có được Lão-tử và Trang-tử. Nếu không có được như vậy, chúng tôi chỉ biết vâng lời cha mẹ và khấu đầu suốt bốn ngàn năm nay, thì dân tộc Trung-hoa hẳn đã từ lâu trở thành một quốc gia bị bệnh suy-nhuộc thần-kinh rồi.

Nào, bây giờ hãy nói về Khổng-tử. Đức Khổng thường được hình dung như một đấng sư-biêu cứng cỏi và nghiêm nghị. Thực ra không phải như vậy.

Ngoài đời, Khổng-tử là cả một thất bại. Ngài bỏ nhà bỏ nước đi chu du mười bốn năm trường hết nước nọ tới nước kia, để tìm kiếm một vị vua chịu đem đạo của mình ra mà ứng dụng. Ngài lếch thếch đi từ tỉnh này sang tỉnh nọ, theo sau là một đám môn đồ, luôn luôn bị các chính-trị-gia nhỏ nhen thù ghét vì ghen tị với Ngài. Nhiều lần Ngài bị kẻ thù mai phục, và ít nhất đã có một lần Ngài bị vây hãm trong một quán trọ ngoại-ô và bị tuyệt lương đến bảy ngày. Trong lúc các môn đồ bắt đầu than thở, thì đức Khổng vui hát trong mưa. Một hôm, thầy trò lạc nhau. Môn đồ tìm không ra đức Khổng. Mãi sau mới thấy.

Môn đồ của Ngài thưa lại rằng "Chúng con nghe thấy nói có một người cao lớn đứng ở cửa Đông, đầu và vai thật đẹp, trông ngơ ngác như chó mất chủ." Nghe vậy, đức Khổng nói: "Ta không rõ đầu và vai ta đẹp ra sao, nhưng trông như chó mất chủ, thì đúng là ta vậy."

Tôi muốn kết-luận rằng khi nào tinh thần con người suy vi hư hoại, thì những thứ như đạo-đức giả-trá, nguy-thiện khoa-trương và cả lòng ác độc nữa, lại có dịp nuôi dưỡng âm-trí con người. Tính chất độ lượng, hài-hước, nồng nàn đầy nhân tính của đạo Khổng đã bị lãng quên, và những môn đồ Tân Khổng-giáo (1) đã gò bó học-thuyết của Ngài trong một mớ quy-luật đạo-đức — chẳng hạn như tục bó chân cho đàn bà, việc thủ tiết thờ chồng của các góa phụ. Một thiếu nữ có gia-giáo lỡ có vị hôn-phu chết trước khi thành hôn thì không được kết hôn với người nào khác nữa, vân vân... Lòng dũng-cảm đã trở thành một nữ-hạnh được các nhà Tân Khổng-giáo khuyến khích và cảm phục. Trong các bài luận-thuyết đạo-đức của các nhà nho này, giọng u-mặc đã đặc biệt vắng bóng.

Chỉ trong các tiểu-thuyết viết bởi các tác-giả vô danh hay bởi các văn nhân không dám ký tên thật vào văn-phẩm của mình, là chúng ta còn thấy lại cái giọng u-mặc và sự phản-ảnh trung thực hơn cuộc sống thích-hợp với tư-tưởng, nhận-thức và rung cảm của người dân thường.

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG  
NGUYỄN lược dịch

(1) Tác-giả muốn nói đến Tống Nho, đặc biệt là Chu-Hi



## *Lược khảo về*

# DU'ỢC - LIỆU ĐÔNG - Y

Dụng dược như dụng binh  
Sinh sát quan đầu hệ phủ khinh,  
HẢI-THƯỢNG LÂN-ÔNG

(Xin xem B. K. từ số 326)

### **Quy-luật cơ-bản về dụng dược**

Căn-cứ một số khái-niệm về công-xảng, tính-chất các dược-vật như đã trình-bày ở trên, lý-luận dùng thuốc của Đông-Y chủ-yếu là lợi dụng sự thiên lệch tính thuốc, vị thuốc để sửa chữa sự thiên lệch của cơ-năng, ngũ tạng lục phủ, hầu khôi-phục tình-trạng bình-thường. Bởi vậy, quy-luật cơ-bản vận-dụng dược vật của Đông-Y gồm có ba chủ điểm: *tính-năng, quy kinh, phối ngũ*. Tính năng thuộc về dược-lực, quy kinh nhằm áp-dụng vào thực-tiền lâm sàng và phối ngũ nặng về bào-chế trị-lệu. Cho nên, trong tiêu-mục này, chỉ bàn đến tính năng. Hai vấn-đề quy-kinh và phối ngũ sẽ được đề-cập tới trong các mục tiếp.

Trình b y thực đơn-giản, tính năng là tác-dụng về dược-lý của dược-vật.

Nội-kinh có nói: "âm thăng tặc dương bệnh, dương thăng tặc âm bệnh, dương thăng tặc nhiệt, âm thăng tặc hàn". Đông-Y quan-niệm âm dương có được thăng bằng với nhau, tinh-thần mới tráng-khện, cơ-thể mới mạnh khoẻ; nếu âm dương không thăng bằng

— Đông-Y gọi là âm dương thiên thắng — thời tinh thần sẽ tuyệt-diệt, sinh mệnh sẽ tiêu vong. Cho nên, dùng thuốc chữa bệnh phải đạt đến mục-dịch điều-hòa âm dương là chính mà muốn điều-hòa được âm dương thời dương nhiên phải nắm vững tính năng của dược vật.

Đông-Y mô-tả tính năng bao gồm tứ khí ngũ vị, thăng giáng phủ trầm, bổ tả.

Những chứng nóng thuộc dương thời phải dùng thuốc hàn lương thuộc âm để chữa, cũng như những chứng lạnh thuộc âm thời phải dùng thuốc ôn nhiệt thuộc dương để chữa. Hạ thời bổ, thực thời tả, bệnh nghịch thương thời dùng thuốc đưa xuống, bệnh hạ hãm thời dùng thuốc nâng lên, lấy sự thiên lệch của thuốc để điều-chỉnh sự bất quân của âm dương trong cơ-thể người bệnh, đây là quy-luật cơ-bản về dụng dược của Đông-Y.

Tứ khí là bốn tính-chất hàn nhiệt ôn lương không giống nhau của thuốc. Ngũ vị là năm vị tân toan cam khổ hàn do vị-giác nhận biết (cay chua ngọt đắng mặn). Trên thực-tế, Đông-Y chỉ quy-nạp tứ khí ngũ vị vào hai mặt âm dương mà



thôi : hàn lương là âm, ôn nhiệt là dương ; tân cam thuộc dương, toan khô hàn thuộc âm. Các bản thảo cổ-điền còn phân biệt hàn, hơi hàn, ôn, hơi ôn. Thực ra, hơi hàn tức là tương-dương với lương, rất ôn tức là tương-dương với nhiệt. Lại có những thứ thuốc không thiên về ôn, cũng không thiên về lương, thì bản thảo gọi là tính bình, tức là tính hòa bình. Ta có thể biểu-thị như sau, từ thấp đến cao :

nhiệt	)	dương
ôn		
bình		
lương	)	âm
hàn		

Về ngũ vị, Nội-kinh đã nói : « chua thì vào gan, cay thì vào phổi, đắng thì vào tim, mặn thì vào thận, ngọt thì vào tỳ », tức là đề cập đến tác-dụng của ngũ vị đối với ngũ tạng.

Tuy nhiên, bởi tính năng của dược-vật là sự tổng-hợp của khí và vị, nên sự quan-hệ giữa khí và vị là một chỉnh-thể đồng-nhất, bất khả phân ; vả lại, có thứ thuốc tuy khí giống nhau, nhưng vị khác nhau, có thứ tuy khí khác nhau, mà vị lại giống nhau. Chẳng hạn cùng có vị cay nhưng lại phân biệt hàn lương như thạch cao và bạc hà, khác nhau về ôn nhiệt như càn khương với phụ tử. Lại có lắm vị thuốc tuy một khí mà kiêm nhiều vị, như Dương quy vừa ngọt vừa cay, bạch thược vừa chua vừa đắng, uất kim bao gồm tam vị tân, cam, khô.

Bởi tính năng khác nhau nên công-dụng, chỉ-định khác nhau. Chẳng hạn, như bệnh ôn tà vừa mới phát, bệnh đang ở thượng tiêu, chỉ sốt, không sợ rét, ho, khát nước... gặp trường-hợp này Đông-Y chủ-trương dùng thuốc tân lương phát biểu — tức là thuốc có vị

cay (tân), tính hơi hàn (lương) để phát-tán tà-khí đang ở ngoài (phát biểu) — như bạc hà, ngưu bàng... Nếu bệnh tà đã nhập lý (nghĩa là đã vào sâu trong cơ-thể), nhiệt đã vào trung tiêu, đại tiện táo bón, gặp bệnh-trạng này Đông-Y ắc dùng phương tể khô hàn (đắng mặn) để xô như : mang tiêu, đại hoàng... Nếu sốt cao, khát nước, tân dịch ở vị bị thương tổn thì Đông-Y khuyên nên dùng những loại thuốc cam hàn như : mạch môn, dương sâm, sa sâm... để sinh tân dịch.. Nếu sốt mạnh làm tổn thương âm dịch, Đông-Y sẽ lấy cứu âm làm chính, nên trong số thuốc thanh nhiệt sinh tân sẽ gia thêm những loại hàn hàn như : a giao, kê tử hoàng ..

Thăng giáng phù trầm bổ tả cũng thuộc phạm vi tính năng. Thăng đối với giáng, phù đối với trầm. Thăng là đi lên, giáng là đi xuống, phù có nghĩa là phát tán, trầm có nghĩa là tiết lợi. Những loại thuốc thăng phù, nhìn chung, đều chủ về đi lên mà hướng ra ngoài, thuộc dương, được Đông-Y mô-tả là có tác-dụng thăng dương phát biểu (nâng đỡ phần dương, phát tán ra mặt ngoài), khu phong, tán hàn, ôn lý... Những loại thuốc giáng trầm, ngược lại, đều chủ về đi xuống mà hướng vào trong, thuộc âm, có tác-dụng tiềm dương giáng nghịch, thu liễm, thẩm thấp, thanh nhiệt tả hạ, nói theo y-ngữ Đông-phương.

Trong thực-tế, muốn quy-định một một vị thuốc có tác-dụng thăng hay giáng, phù hay trầm, Đông-Y dựa vào khí vị hậu bạc của thuốc. Bốn chữ khí vị hậu bạc bao trùm cả tứ khí ngũ vị, nhằm định tính tất cả các dược-liệu, hoặc có khí chất hùng hậu mãnh-liệt, hoặc có khí-chất nhẹ-nhàng đạm bạc.

Nhìn chung, những vị thuốc thuộc về



cam bình, hoặc hơi đắng, hơi bình, chủ về thăng, như ma hoàng, kinh giới, sòi hồ, thăng ma, cát căn. .Phần nhiều những dược liệu thuộc về tân cam ôn nhiệt chủ về phù như các loại phụ tử, can khương, ngô thù, nhục quế... Chủ về giáng thì có những loại cam, đạm, hàn, lương, toan, khô, hàn, bình như phục linh, trạ h tả, bạch thược, mộc thông, mẫu lệ. Thiên về trầm là những dược chất thuộc tính khô hàn, ấm hàn, như đại hoàng, hoàng liên, hoàng bá, mang tiêu...

Trên một bình diện khác, Đông-Y có khi còn căn cứ vào thành-phần, bộ-phận nặng nhẹ của dược chất để quy-nạp vào thăng giáng phù trầm, chẳng hạn phần nhiều hoa lá đều có thể thăng phù như tân di, hà diệp, cát căn, thăng ma phần nhiều quả hạt đều có thể trầm giáng, như tô tử, chỉ thực, từ thạch, thực địa... Dĩ nhiên phương pháp quy-nạp này chỉ có tính-cách rất tương-đối. Cao nên, toan phú hoa chẳng hạn, tuy cũng là loại hoa nhưng tất cả Đông y-sĩ đều biết là có tính giáng.

Trăng giáng phù trầm là một quy-luật trong các quy-luật dùng thuốc chữa bệnh, vì bất cứ bệnh-tật gì cũng đều có biểu, có lý, có khác nhau về nghịch thượng hoặc hãm hạ, cho nên những bệnh nên giáng thì không được thăng phù, những bệnh nên thăng phù, đương nhiên không được trầm giáng.

Gặp bệnh thuộc về phần trên hay thuộc phần ngoài (biểu), thì phép chữa nên thăng phù, chứ không nên trầm giáng, như đối với biểu-chứng của bệnh thương-hàn mới phát chẳng hạn thì Đông-Y thường dùng ma hoàng quế chi để phát biểu. Nếu bệnh thuộc về phần dưới hay thuộc lý (phần trong), về phép chữa nên trầm giáng mà không

nên thăng phù, ví dụ như chứng lý thực đại tiện không đi được thì dùng đại hoàng, chỉ xác đề công hạ.

Nếu bệnh nghịch thượng, về phép chữa nên giáng mà không nên thăng, như chứng đau đầu, can dương thượng nghịch chẳng hạn, về phép chữa nên dùng thạch quyết minh, mẫu lệ để trầm giáng. Nếu bệnh hãm hạ, về nguyên-tắc, nên thăng mà chẳng nên giáng như chứng đại-tiện lâu ngày bị thoát giáng chẳng hạn, nên dùng nhân sâm, hoàng kỳ, thăng ma, sài hồ để ích khí thăng dương.

Không nắm vững quy-luật thăng giáng phù trầm, không thông suốt nguyên-tắc bổ tả, hậu-quả trị-liệu rất dễ trái ngược với ý đồ của y-sĩ. Chẳng hạn, bệnh nhân đau đầu vì can dương, nếu chữa nhầm bằng thuốc phát tán, thời can dương càng bốc lên có thể phát sinh co giật, hoặc tứ chi khi nóng như lửa, khi giá như băng, Ngược lại, trường-hợp đại tiện lâu ngày thoát giáng, nếu chữa nhầm bằng thuốc tiết giáng, khi đã uất trệ càng hạ hãm, sẽ gây nên đại-tiện toi bời !!

### Ấn-định phương-tễ : Vấn-đề phối-ngũ trong Đông-dược

Khi thuốc, vị thuốc của từng dược-chất thực ra không phải luôn luôn bất biến. Đông-Y rất ít khi, hầu như không bao giờ, dùng một vị thuốc duy nhất để chữa bệnh. Trái lại, thông thường Đông-Y kết-hợp nhiều dược-liệu trong một phương-tễ. Cho nên ảnh-hưởng hỗ-tương của các thành phần nhiều khi làm biến-đổi hẳn tính thuốc.

Trong phương-tễ, dược vật được phân-loại theo quân thần tá sứ, căn cứ



vào vai trò, vào tính-chất quan-trọng nhiều hay ít của từng vị thuốc. Dĩ nhiên, quân dược là vị chủ-yếu, tá dược chỉ là vị hỗ-trợ. Ngoài ra, cũng vì Đông-Y chữa bệnh thường hay dùng phức phương cho nên tác-dụng thăng giáng phù trầm của vị thuốc này vị thuốc kia tùy theo phương-thức phối ngũ và phương pháp bào chế mà thay đổi.

Lý-Thời-Trân đã từng nói: "Tuy tính một vị thuốc nào đấy là thăng, nhưng nếu dùng hãm hàn để dẫn đường thì vị thuốc ấy có thể trầm, xuống đến hạ tiêu. Tuy tính một vị thuốc nào đấy là trầm, nhưng dùng rượu để dẫn đường thì vị thuốc ấy có thể phù, lên đến đỉnh đầu."

Nhận xét này thật rất chính-xác. Trên thực-tế, có lắm vị thuốc dùng rượu sao thời thăng, dùng nước gừng sao thời tán, dùng dấm sao thời thu liễm, dùng nước muối sao thời hướng hạ. Hơn nữa, nhiều vị thuốc, vốn có bản-chất thăng phù, nhưng nếu được phối-hợp trong một đội ngũ nhiều vị trầm giáng, thì những dược-liệu nguyên có công-năng thăng phù ấy cũng trở nên có tác-dụng đi xuống. Ngược lại, có một số thuốc, tuy nguyên tính vốn trầm giáng, nhưng ở trong một phương tễ mà đa số thành phần là thăng phù thì những vị thuốc nguyên là trầm giáng cũng trở thành có tác-dụng đi lên.

Cũng trong chiều hướng áp-dụng triệt-đề tính thuốc, vị thuốc, Đông-Y luôn luôn phân-ích các phản-ứng sinh-lý và bệnh-lý xuất-phát từ cơ-thể người bệnh để quy-nạp thành hợp-chứng theo luật âm dương ngũ hành để rồi đối với những hợp-chứng đã được đúc-kết, Đông-

Y áp-dụng những phương-thức trị-liệu cho từng hợp chứng mà Đông-Y thường gọi là thang. Chẳng hạn, đối với một hợp chứng rất phổ-thông là hợp chứng cảm cúm — được Đông-Y gọi bằng rất nhiều tên như thương phong, mạo hàn, phong ôn, cảm mạo thời khí v.v.. — y-học cổ-truyền đã đề ra một số phương-tễ như quế chi thang (quế chi, bạch thược, sinh khương, đại táo, cam thảo), ma hoàng thanh (ma hoàng, hạnh nhân, quế chi, cam thảo), đại thanh long thang (ma hoàng, quế chi, hạnh nhân, sinh khương, đại táo, cam thảo, thạch cao), tiểu thanh long thang (ma hoàng, bạch thược, ngũ vị, can khương, cam thảo, tế tân, quế chi, bán hạ) v.v... Dĩ nhiên mỗi thang áp dụng cho một thứ bệnh, tùy theo kết-quả thám chẩn lâm sàng. Linh động hơn nữa, một phương-tễ kinh-diễn có thể được y-sĩ tùy tình-trạng bệnh-lý để tăng thêm vị này bớt đi vị khác — Đông-Y gọi là gia giảm — như quế chi gia cát căn thang (tức là quế chi thang cộng thêm các căn), hay quế chi gia ma hoàng, cát căn thang hay quế chi gia linh truat thang v.v.. Qua ví dụ này, chúng ta cũng được dịp để nhận định rằng quế chi, ma hoàng được Đông-Y xem là quân dược trong trị-liệu cảm mạo, trong khi bạch thược, cam thảo, chỉ được xếp vào hàng tá, sứ.

### Áp-dụng vào thực-tiên lâm-sàng : Thuyết quy kinh của Đông-Y.

Vậy dựa trên cơ-sở thực tiễn lâm sàng, nền học-thuật Đông-Y đã xây dựng nền lý-luận dược vật, nói rõ tính thuốc, vị thuốc : đồng thời lại căn cứ vào cơ-năng thăng giáng của tạng phủ và nguyên nhân mất điều-hòa về bệnh



lý, đề đề ra lý-luận dụng dược đối với hàn nhiệt ôn lương, phù trầm thăng giáng rất cụ-thể.

Bất cứ tạng phủ nào, khi đã bị bệnh — tức là về phương-diện lâm sàng — đều có biểu-hiện hư thực, tiêu bản (1). Vậy cho nên dùng thuốc trị bệnh, phải hiểu rõ cơ-quan bộ-phận trực-tiếp chịu ảnh hưởng dược-lý của thuốc : đây tức là nội-dung chủ-thuyết quy kinh của Đông-Y.

Gặp trường hợp bệnh-chứng thuộc tạng hư thời phải bổ, gặp quang cảnh lâm-sàng thuộc tạng thực thời phải tả.

Chẳng hạn đối với thận :

— Thận hư tức là thận yếu, mà đã yếu thì đương nhiên phải bổ. Nhưng thận có thể yếu về hai mặt ; thận thủy yếu hay thận hỏa yếu. Nếu thận thủy yếu phải lo bổ thủy. Đông-Y, trong trường-hợp này, có thể lựa chọn giữa nhân sâm, chính hoài, tri mẫu, sa nhân, thực địa, hoàng bá... Nếu thận hỏa yếu thì phải bổ hỏa : Đông-Y sẽ dùng những dược liệu bổ hỏa ích dương : phụ tử, nhục quế, đương quy, cáp giới, ô dược...

— Thận thực tức là thận thủy hoặc thận hỏa có hiện tượng thái quá, mà quý vị Đông y-sĩ quen gọi là thủy cường hoặc hỏa cường. Những hiện-tượng bệnh lý này cần phải được tả. Nếu thủy cường sẽ tả bằng khiên ngư, đá kích, trạch tả, phục linh... Nếu hỏa cường, có thể dùng hoàng bá, tri mẫu, sinh địa, huyền sâm...

— Cũng đối với thận, khía cạnh tiêu bản khiến Đông-Y phân-tích tiêu hàn, tiêu nhiệt, bản hàn, bản nhiệt. Đối với thận về tiêu hàn, phải giải biểu với ma hoàng, tế tân, quế chi. Đối với thận về tiêu nhiệt, phải thanh

nhiệt nhờ những dược liệu có khí lương : liên kiều, cam thảo, huyền sâm. Đối với thận về bản hàn, phải ôn lý với phụ tử, can khương, bạch truật... Đối với thận về bản nhiệt, phải công hạ, sẽ dùng những bài như thừa khí.

Cũng trong quan-diểm quy kinh, các thư-liệu kinh-diễn của Đông-Y đã thiết-lập liên-hệ giữa ngũ tạng với ngũ-hành : tâm thuộc hỏa, can thuộc mộc, tỳ thuộc thổ, phế chủ khí thuộc kim, thận thuộc thủy.

Bởi tâm thuộc hỏa, nên nếu hỏa thái quá sẽ làm cho tâm khó chịu. Cho nên về nguyên-tắc dùng thuốc thường lấy mang tiêu để nhuận tâm, lấy trạch tả để bổ tâm, lấy hoàng kỳ, cam thảo, nhân sâm để hoãn tâm.

Bởi can thuộc mộc, tính của mộc muốn tán mà không muốn uất, cho nên về nguyên-tắc dùng thuốc, thường lấy xuyên khung để tán can, lấy tế tân để bổ can, lấy bạch thược để tả can.

Bởi tỳ thuộc âm thổ, tính của tỳ ưa táo ghét thấp, cho nên về nguyên-tắc dùng thuốc, thường lấy cam thảo để hoãn tỳ, nhân sâm để bổ tỳ, hoàng liên để tả tỳ.

Bởi phế chủ khí cho nên về nguyên-tắc dùng thuốc thường lấy bạch thược để liêm phế, lấy ngũ vị để bổ phế, lấy tang bạch bì để tả phế.

Bởi thận thuộc thủy, tính trầm mà thực, thuộc âm tạng, ghét táo, cho nên về nguyên-tắc dùng thuốc, thường lấy

(1) Đông-Y mô-tả bệnh hoặc hư hoặc thực, hoặc tiêu hoặc bản. Để cho dễ hiểu, có thể nói rất sơ lược : người khỏe bệnh mới, chứng thường thuộc thực, người yếu bệnh lâu, chứng thường thuộc hư ; tiêu chỉ những hiện-tượng ngoại-vi của bệnh, bản chỉ căn gốc sâu xa của bệnh.



tri mẫu đề kiên thận, lấy hoàng bá đề bồ thận, lấy trạch tả đề tả thận.

Và do chỗ khác nhau về tính chất của tạng phủ như vừa trình bày, cho nên cùng một vị bạch thược chẳng hạn, mà đối với can thì công năng của bạch thược là tả, mà đối với phế khí thì công năng của bạch thược lại là liễm.

Hơn thế nữa, tạng phủ đều có tàng hỏa, nhưng muốn tả tâm hỏa thì phải dùng hoàng liên; muốn tả phế hỏa và đại-trường hỏa thì phải nhờ hoàng cầm; muốn tả can hỏa, phải cho bạch thược sai hồ; muốn tả thận hỏa, phải phục tri mẫu, muốn tả tiêu-trường hỏa, phải nhớ mộc thông; muốn tả vị hỏa, phải nghĩ đến thạch cao; muốn tả tam tiêu hỏa, phải uống sai hồ, hoàng cầm; muốn tả bàng quang hỏa, ắt không nên quên hoàng bá...

oOo

Di nhiên, tất cả những điều vừa kể chỉ có thể áp dụng sau khi đã chẩn bệnh chính-xác, minh-định bệnh-chứng thuộc âm hay dương, hàn hay nhiệt, biểu hay lý, hư hay thực; đồng thời, đã nắm vững vấn-đề tiêu bản cùng mối quan-hệ

qua lại của bát cương (bản hàn, bản nhiệt, biểu hàn, biểu nhiệt...)

Nói cách khác, theo Đông-Y, muốn phòng bệnh chữa bệnh hữu-hiệu, trước hết phải biết biện-chứng luận trị, tức là quán-triết toàn-bộ lý-luận của học-thuyết âm dương, ngũ hành, tạng phủ, kinh lạc; vinh vệ, khí huyết, tinh thần, tân dịch; nhưng đồng thời cũng phải thông suốt dược-lý một cách vững chắc, mới gặt hái kết-quả toàn-diện trong thực-tiền lâm sàng và trị liệu.

Trong quá-trình đấu-tranh với bệnh tật từ mấy nghìn năm, người phương Đông xưa đã gom góp, thu nhặt, lựa chọn, đúc-kết và tổng-kết một toàn-bộ lý-luận dược-vật rất độc-đáo. Bài khảo-luận này, do một kẻ không được chân truyền y bát bắt chước tiền-nhân viết ra, đề-cập đến lĩnh-vực siêu-việt trong y-lý cổ-truyền, chỉ có thể là một tập tài-liệu thuộc loại "cầu vĩ tục điều", không hơn không kém.

Nhưng dầu sao đi nữa, thì người viết cũng chỉ dám mong "Hay hèn lẽ cũng nói điều"...

TRẦN-VĂN-TÍCH

Nên tìm đọc:

QUYỀN SỬ GIA TRỊ CỦA HỌC-GIA  
NGUYỄN-THIỆU-LÂU

QUỐC SỬ TẠP LỤC

Sách dày trên 700 trang khổ to. Giá 650\$

Bán tại: Nhà sách Khai-Trí 62 Lê-Lợi Saigon



# TRUNG TÂM NHÂN XÃ

(Anthroposocialism Center)

2 Nguyễn văn Thinh Saigon

*Hoàng-Xuân-Việt sáng lập và điều khiển*

T.T.N.X. : Là Học viện đầu tiên ở V.N. để xướng giáo dục Hậu học đường và Bồ túc đại học về các khoa Tự Lập Thân. Giảng huấn tại trường và hàm thụ ở xa.

T.T.N.X. : Phổ biến Nhân xã học là môn học được trình bày trong 74 tác phẩm của Ông Hoàng Xuân Việt thuộc loại Học Làm Người từ 20 năm nay nên Trung tâm không liên hệ gì đến chủ nghĩa nhân vị hay đảng phái chính trị hoặc tôn giáo nào cả.

12 MÔN : Do giáo sư Đại học và Học giả tên tuổi dạy tại T.T.N.X. là: 1) Hùng biện, 2) Xử thế, 3) Lãnh đạo, 4) Dụng nhân 5) Tổ chức, 6) Khoa học ứng dụng, 7) Tâm luyện, 8) Bán hàng, 9) Hôn nhân, 10) Hướng nghiệp, 11) Viết văn và làm báo, 12) Thuật tư tưởng.

ĐẶC ĐIỂM : Phòng tổ chức tiện nghi như Đại học. Mỗi sáng chúa nhật có thuyết trình. Học sau mỗi giờ có uống trà. Hai tuần mỗi tối chúa nhật khóa sinh Hội thoại bàn tròn về các môn học. Học cách học và luyện tinh thần.

*Nhập khóa : 1/9, 1/1', và 1/11*

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

( S. O. A. E. O. )

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-Hội) - SAIGON

Tél : 93.741 - 93.742

**Fabrication** : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

**Vente** : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE  
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON ETC...

**Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique**  
**Installations de gazothérapie**

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE  
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS



**BNP**

*A votre service*  
*tous les services de la*

**banque**  
**nationale**  
**de Paris**



## ***Những chuyển hướng chính - trị***

tại các nước Tây - phương trong mấy năm qua

Cuộc thắng cử của Đảng Bảo-thủ trong cuộc bầu cử vừa qua ở Anh-Quốc đã gây nhiều ngạc nhiên và đảo lộn mọi dự-tính.

Đảng Bảo-thủ được 13.106.965 phiếu bầu, tức là 46,4% tổng số phiếu và lượm được 331 ghế, trong khi đó đảng Lao-động cầm quyền chỉ được có 12.141.676 phiếu bầu tức là 43% tổng số phiếu và chỉ lượm được có 287 ghế nghĩa là thua đảng Bảo-thủ những 44 ghế. Đảng Tự-do tuy được hơn 2 triệu phiếu (7,40%) chỉ lượm được có 6 ghế, không đủ đóng vai trò thắng bằng.

Đảng Bảo-thủ được đa số tương đối phiếu, chiếm được đa số tuyệt đối ghế, đã trở lại chính quyền, sau 6 năm vắng mặt, với Thủ tướng là ông Edward Heath.

Thắng lợi của đảng Bảo-thủ một phần là do sự chủ quan của đảng Lao-động tin chắc ở phần thắng của mình, không chịu vận động tuyên-cử đúng mức. Nhưng một phần lớn là do 2 nguyên nhân sau đây :

— Chính phủ Lao-động trong thời-gian gần đây không đưa được ra những biện-pháp hữu hiệu làm giảm giá sinh hoạt, do đó đã làm phật lòng rất nhiều các bà nội trợ, một thành phần cử-tri quan trọng.

— Chính phủ Wilson đã không giải

quyết được những đòi hỏi của giới lao động. Vì có sự chia rẽ trầm trọng trong đảng nên đã có một số người, tuy không bỏ phiếu cho đảng Bảo-thủ, nhưng cũng, không bỏ phiếu ủng-hộ Thủ-tướng Wilson.

Ngoài ra việc ông Wilson hạ tuổi bầu cử từ 21 xuống 18 đã tăng gia số lượng cử tri từ 35.697.133 (1968) lên 39.083.798. Giới trẻ được tham gia bầu-cử đã không tán thành đường lối của chính-phủ Lao-động mà họ cho là kém hữu-hiệu và theo đuôi Mỹ.

Nhìn qua cuộc bầu cử ở Anh đưa đảng Bảo-thủ trở lại chính quyền ta liên-tưởng và so sánh với các cuộc bầu-cử ở Pháp năm 1969 và cuộc bầu cử ở Hoa-kỳ năm 1968 đưa Tổng-thống Pompidou và Tổng-thống Nixon lên cầm quyền. Hai cuộc thắng cử này cũng là hai cuộc thắng cử sát nút. Ở Pháp, cuộc trưng-cầu dân-ý khiến Tổng-thống De Gaulle phải rũ áo ra đi, đã cho ta thấy một tỉ-lệ sát nút : bên thắng được 51%, bên bại 49%. Trong cuộc bầu cử Tổng-thống Pháp, lực lượng phe hữu ủng hộ ông Pompidou chỉ hơn lực lượng phe tả chống đối chút đỉnh. Thắng lợi 58 0/0 số phiếu của ông là nhờ ở cái vị-trí không hẳn khuyếch hữu của ông và nhờ ở lời hứa của ông vẫn tiếp tục chính sách De Gaulle. Tuy nhiên so với



chính phủ trước thì chính phủ Pompidou với những dè dặt hơn trong vấn-đề cải-cách xã hội với những nhân vật cánh tả của phe De Gaulle đều bị gạt ra khỏi chính quyền, có vẻ khuynh hữu hơn. Ở Hoa-kỳ với sự thắng cử sát nút của Tổng-thống Nixon (chỉ hơn ông Humphrey có vài trăm ngàn phiếu) là một thắng lợi của phe Bảo-thủ (Cộng-hòa) đối với phe cấp-tiến (Dân-chủ) Cuộc thắng cử này liên quan nhiều đến những vấn-đề nội bộ hơn là những vấn-đề đối-ngoại đặc biệt là chiến tranh V.N, chứng tỏ là dân chúng Hoa-kỳ đã chán ngán với những hứa hẹn của Tổng-thống Johnson không thực hiện được (chính-sách Đại Xã-hội, chỉnh trang đô-thị, xóa bỏ nạn kỳ-thị chủng-tộc, chấm dứt chiến tranh V.N) và muốn quay sang ủng-hộ phe Cộng-hòa xem họ làm ra sao. Ở ba nước lớn Tây-phương thuộc phe thắng trận này, ta thấy 25 năm sau chiến tranh, chính-quyền dần dần bớt nghiêng từ cực tả qua cực hữu (đặc biệt ở Pháp) mà dần dần trở về thế trung tả, trung hữu (đặc biệt ở Anh). Chính sách của 2 phe tả hữu khi lên cầm quyền đều tương tự nhau (đặc biệt ở Hoa-kỳ) chứ không đối lập nhau như mặt trăng mặt trời. Khuynh-hướng lại có phần chuyển từ trung tả sang trung hữu. Không phải là vì các đảng phái tả, hữu đã có những quan điểm gần nhau hơn mà chính là vì muốn thắng cử, các đảng phái phải theo nguyện vọng của quần chúng. Quần chúng tại các nước Anh, Pháp, Mỹ, là một quần chúng hưởng-thụ, không muốn có những xáo trộn xã-hội gây nên bởi những đường lối chính-trị cực-đoan. Họ được hưởng lợi nhuận tương đối cao và không muốn có những sự thay đổi lớn đưa đến một tương-lai bất chắc. Ta có

thể nói những xã-hội này là những xã-hội bảo-thủ, phần đông dân chúng có vẻ bằng lòng với hiện-tại của mình. Các chính quyền nối tiếp nhau, dù là tả hay hữu, đều phải nắm vững quy-luật đó. Nếu muốn đứng vững ở ngôi vị của mình họ phải luôn luôn nhằm vào những sự cải thiện sinh-hoạt vật-chất, phát triển khoa-học, kỹ-nghệ-hóa nông nghiệp-đề làm sao thỏa mãn được những nhu cầu vật chất và tinh thần mỗi ngày một tăng gia của quần chúng nhân dân. Chỉ cần họ thất bại trên một lãnh vực nào là họ sẽ bị mất quyền lãnh đạo. Quyền này sẽ trở vào tay của phe đối lập. Phe này cũng không dám xóa bỏ những cải-cách tiến-bộ có lợi cho dân chúng mà chỉ dám sửa chữa những gì mà đảng cầm quyền trước kia đã tỏ ra sai lầm và đã thất bại. Thành ra cái phần tự do hoạt động của họ cũng không rộng lớn là bao nhiêu. Nó chỉ nhích qua nhích lại một chút như là người ta điều chỉnh lại mức độ nhanh chậm của một cái đồng hồ, không thể nhích quá nhiều sang bên tả mà cũng không thể nhích quá nhiều sang bên hữu. Bởi thế cho nên ở các nước Anh, Mỹ, Pháp, dù phe Bảo-thủ hay phe khuynh-tả lên cầm quyền, căn bản chính-sách không khác nhau là bao nhiêu. Ta đừng trông mong có những thay đổi ngoại-mục, ngược chiều. Phe cực tả khó hy vọng thực hiện được một cuộc Cách-mạng xã-hội sâu rộng nhưng phe cực hữu cũng không hy vọng thực hiện được một chính sách phá-xít theo kiểu Hitler, Mussolini ngày xưa. Ta thấy có một sự thăng-bằng thế-lực giữa hai lực-lượng xã-hội. Hiện tượng này không những xảy ra ở các nước Anh Pháp, Mỹ mà ở cả các nước bại trận cũ là Đức, Ý và Nhật và nhiều nước tư-bản chủ-nghĩa cỡ nhỏ khác ở Âu-châu



như Bỉ, Hoà Lan, Áo, các nước Bắc Âu. Đặc biệt ở Tây Đức, đảng Dân-chủ Thiên-Chúa-giáo cầm quyền suốt 21 năm, vừa thua sát nút đảng Xã-hội của ông Willy Brandt, vì dân chúng Đức đã đạt tới đỉnh cao của sự phồn thịnh, vẫn chưa thỏa mãn với chính-phủ Bảo-thủ về chính sách đối với thợ thuyền và chính sách đối ngoại theo đuổi Hoa-kỳ. Họ muốn có những cải cách mạnh-dạn hơn trong đời sống lao-động và muốn hướng nhiều hơn về phía các nước Cộng-sản (ouverture à l'Est) Do đó mà đảng Xã-hội đã lên nắm được chính-quyền. Tuy nhiên khi đã toàn thắng rồi, đảng Xã-hội cũng không dám đi quá xa trong chính sách đối ngoại, ví dụ như có đối thoại với Đông Đức nhưng lại vẫn chưa đi đến chỗ thừa nhận chế-độ Đông Bá-linh. Về phương-diện đối nội tuy đã có những cải cách xã-hội, nhưng vẫn tương đối hạn chế và dè dặt. Căn-bản chế-độ mới ở Tây-Đức tuy không chống Cộng quyết liệt như dưới trào Adenauer và Kiessinger, nhưng vẫn còn là một chế-độ chống Cộng, liên-minh với Hoa-kỳ. Liên-minh Xã-hội-Tự-do không dám đi quá xa trên con đường khuynh tả vì sợ cử tri Đức, ở trong tình-trạng khá đầy đủ hiện nay, không muốn những xáo trộn xã-hội, sẽ ồ ạt bỏ phiếu cho phe Bảo-thủ. Phe của các ông Kiessinger-Strauss, cũng chỉ mong chờ những sơ hở của phe Willy Brandt-Walter Scheel, để phản công giành thắng lợi đưa quả lắc đồng hồ trở về phía hữu.

Ở Ý, tuy phe xã-hội rất mạnh, gồm có đảng Cộng-sản và đảng Xã-hội nhưng lại chia rẽ trầm trọng. Vì thế cho nên họ không nắm được chính quyền. Và lại phe đối lập của họ là đảng

Dân-chủ Thiên-Chúa giáo tuy gọi là bảo-thủ nhưng cũng đã thực hiện nhiều cải cách xã-hội quan-trọng, thỏa mãn phần lớn những đòi hỏi của thợ thuyền. Vì thế cho nên xã-hội Ý ngày nay là một xã-hội tương đối ổn-định, không có những xáo trộn sâu xa như ở nhiều nước khác. Dân Ý ngày nay đã ra thoát khỏi nạn nghèo đói, đã có một nền công-kỹ-nghệ tiên tiến, có vẻ như bằng lòng với hiện-tại của họ. Họ không muốn có một cuộc cách-mạng xã-hội theo kiểu Cộng-sản, vì thế cho nên đảng Cộng-sản Ý là đảng Cộng-sản mạnh nhất tại các nước Tây-Âu đã không chủ trương gây một cuộc cách-mạng vô-sản đẫm máu, vì họ biết không thể thành công được và sự phản-ứng của dân chúng sẽ rất tai hại cho họ. Vì vậy cho nên, cũng như nhiều đảng Cộng-sản khác ở Tây-Âu, họ chủ trương tranh đấu nghị-trường và trong vòng hợp-pháp.

Còn ở Nhật-bản, tuy các đảng khuynh tả tranh đấu mạnh hơn, nhưng đảng Cộng-sản lại rất yếu, đảng Xã-hội tuy mạnh nhưng lực lượng còn kém đảng Bảo-thủ. Vì thế cho nên chính quyền ở Nhật luôn luôn nằm trong tay đảng Bảo-thủ. Tuy nhiên các lực lượng khuynh tả trong khoảng 10 năm nay đã tiến những bước rất lớn và đã đạt tới một thể gần như bằng bằng với phe Bảo-thủ mà đứng đầu là đảng Dân-chủ Tự-do của Thủ-tướng Sato. Phe bảo-thủ muốn giữ được thế ưu thắng của mình phải có những cải-cách xã-hội sâu rộng, thỏa mãn các tầng lớp thợ thuyền và có một chính sách ngoại-giao đỡ phụ thuộc vào Hoa-kỳ. Những xáo trộn lớn lao, những phong - trào chống đối quyết liệt của sinh viên và công nhân trong thời-gian gần đây, báo hiệu là quả lắc đồng hồ, từ trước vẫn ở



phe hữu sắp di động qua phe tả, và xã-hội Nhật rồi cũng sẽ đến một tình-trạng ổn-định như là xã-hội Tây-Âu. Bởi vì sau khi lắc qua lắc lại nhiều lần, cường-độ sẽ dần dần giảm sút đề tiến tới một thể quân-bình. Những phe phái nắm chính-quyền không còn nhiều tự do thay đổi như xưa, hoặc đề trở nên cực hữu, hoặc đề trở nên cực tả. Nền chính-trị của xã-hội Nhật, khi xã-hội này tiến lên tới đỉnh của sự phồn thịnh, sẽ giống hệt nền chính-trị của các nước Tây-phương. Ở đây cũng như ở các nước Tây-phương, những tiên đoán của Karl Marx đều không thể thực hiện được. Chính-quyền sẽ nằm ở khoảng giữa, không thể ở trong tay các lực-lượng phản-động cực hữu nhưng cũng không thể ở trong tay Cộng-sản cực tả. Ổn-định xã-hội và ổn-định chính-trị sẽ là 2 yếu-tố quan trọng ảnh-hưởng qua lại nhau trong các xã-hội có một đời sống phồn thịnh. (Tây Âu, Bắc Mỹ và Nhật-bản.

Đặc biệt ở Hoa-kỳ nước là tư-bản phồn thịnh nhất, có lợi tức và mức sống cao nhất, bên cạnh những yếu-tố ổn-định trên, lại có nhiều yếu-tố xáo trộn còn sâu sắc và lớn lao hơn là ở Tây-Âu.

Yếu-tố quan-trọng thứ nhất là tâm-lý nổi loạn của người da đen đông tới hơn 20 triệu. Họ không còn chịu sống ép mình như xưa nữa và cũng không chịu sáp nhập với người da trắng. Họ muốn có một đời sống riêng biệt của họ, không bị người da trắng áp bức, bóc lột. Họ quyết nổi dậy đòi quyền sống. Bao nhiêu những cải cách của chính-quyền đều không làm cho họ thỏa-mãn. Mỗi ngày, cuộc tranh đấu của họ mỗi mang thêm màu sắc cách-mạng quyết-liệt. Họ là một mối lo thường xuyên và ngay trong nội bộ, mà các nhà cầm quyền

Hoa-kỳ không hy vọng gì giải quyết chóng vánh được dù là đảng Cộng-hòa hay đảng Dân-chủ nắm chính quyền.

Yếu-tố xáo trộn quan trọng thứ hai là các tầng lớp thanh niên. Bất mãn với xã-hội hiện tại, với đường lối lãnh-đạo của chính quyền, họ cũng có một tâm-lý nổi loạn, không muốn sống trong khuôn khổ, không muốn tuân theo luật-lệ. Họ muốn sống đời sống của riêng họ, bất chấp những khó khăn tạo nên cho chính-quyền. Họ chống đối tất cả những gì do chính-quyền đưa ra cho đó là những hình thức đề ràng buộc họ. Tâm-lý bất phục tùng đó ngày nay mỗi ngày một lan tràn phổ biến, nhất là trong giới mà ta gọi là Hippy và cả trong giới thanh niên học-đường.

Ngoài ra, tại Hoa-kỳ hiện nay cũng còn tới hơn 50 triệu người sống dưới mức sống trung-bình trong một xã-hội quá đầy đủ, phần lớn tại các thành thị và phần lớn là người da đen. Họ là những thành phần bất mãn với xã-hội hiện tại mà họ cho là đầy rẫy bất công và là những yếu-tố xáo trộn đáng kể nhất trong xã-hội Hoa-kỳ. Mặc dầu chính-phủ Mỹ luôn luôn hứa hẹn giải quyết đến tận gốc nạn nghèo đói, nhưng hứa hẹn này đều khó lòng thực hiện được trong một tương-lai gần, chừng nào mà cuộc chiến-tranh Việt-Nam chưa chấm dứt. Do đó ta thấy ở Hoa-kỳ nạn cao bồi, cướp bóc, giết người còn phổ biến hơn ở Âu-châu nhiều.

Thành ra ở Hoa-kỳ, những vấn-đề nó liên quan đến vấn đề kia, vấn đề nào cũng quan trọng như nhau, tạo nên những yếu-tố bất ổn-cố trong một xã-hội ổn-cố. Những yếu-tố bất ổn-cố đó sẽ làm cho cái quả lắc đồng hồ chính-trị, trong tương-lai, sẽ phải lắc mạnh thêm. Đề



giải quyết những khó khăn nội bộ, các chính quyền tương-lai phải có những biện - pháp khuynh hữu hay khuynh tả mạnh hơn. Mỗi biện-pháp khuynh-hữu sẽ kéo theo những phản-ứng khuynh tả hay ngược lại. Nhưng với năng-khiếu tự-tồn của một xã-hội văn minh, cường-độ của sự thay đổi bên này qua bên kia sẽ giảm bớt dần dần tiến tới ổn-cố trong, đó ta thấy có một sự quân-bình giữa các lực - lượng chính-trị và xã-hội.

Ngày nay trên bình diện chính trị ta thấy hai đảng Dân-chủ và Cộng-hòa đang ở một cái thế quân bình vì trước những vấn đề lớn lao của xã-hội Hoa-kỳ cả 2 đảng đều chưa dám đưa ra những giải-pháp căn bản và quyết liệt, ngại rằng nếu thất bại họ sẽ mất chỗ đứng trên vũ đài chính-trị. Vì thế cho nên cả 2 đảng, khi lên cầm quyền đều có những vấn-đề như nhau và những giải-pháp cũng không có gì khác nhau lắm trên thực-tế. Tình trạng này không thể kéo dài mãi khi những vấn-đề lớn kia vẫn còn nguyên vẹn. Những yếu tố xáo trộn sẽ gây tác-động cho những thay đổi cần thiết và sẽ làm cho quả lắc đồng hồ chính-trị di động nhanh hơn, trước khi tiến tới một tình-trạng ổn-cố thực sự.

Đó là điểm mà Hoa-kỳ khác Tây-Âu hiện nay. Xã-hội Tây Âu nói chung đang ở trong thời kỳ ổn-cố chính-trị và xã-hội. Những yếu-tố xáo trộn tuy cũng có nhưng ở một mức độ nhỏ bé hơn nhiều. Người dân Tây-Âu, tuy mức sống thấp hơn, nhưng đời sống có vẻ đảm bảo hơn và họ có vẻ như bằng lòng hơn với hiện tại của họ. Họ không muốn có những phiêu-lưu cực tả và muốn bảo-thủ nếp sống yên lành của họ. Xã-hội Tây-Âu

không có những đợt sóng ngầm mạnh mẽ như xã-hội Hoa-kỳ. Cái quả lắc đồng hồ chính-trị nơi đây chỉ lắc qua lắc lại ở khoảng giữa và không có phản-động-lực nào đẩy mạnh nó qua tả rồi qua hữu hoặc ngược lại.

Ở đây ta phải nhìn thấy một yếu-tố nữa cũng rất quan trọng và ảnh-hưởng lên đến những chuyển hướng chính trị của các nước Tây-phương. Đó là vai trò của các lực-lượng chính-trị xã hội có tính cách trung gian ở giữa những lực-lượng quân-bình. Chính những lực-lượng chính trị và xã-hội đó sẽ làm nghiêng cán cân hoặc về bên này hoặc về bên kia và đôi khi tạo nên những bất ngờ như trường-hợp ở Anh-quốc vừa rồi.

Ở Anh quốc ta thấy có những người ủng-hộ đảng Lao-động, vì bất mãn với đảng này, mà bỏ phiếu cho đảng Tự do hay đảng Cộng sản là những đảng không thể có hy vọng nắm chính quyền. Đảng Lao - động mất phiếu. Đảng Bảo thủ tuy không thêm phiếu mà gián tiếp hưởng lợi.

Ở Tây Đức, chính đảng Tự-do vì bất mãn với đảng Dân chủ Thiên-Chúa giáo, bỏ không liên-minh với đảng này nữa và đã đem cả số phiếu và số ghế của họ liên-hiệp với đảng Xã-hội. Do đó mà đảng này đã toàn thắng. Để giữ vững liên-minh này, đảng Xã-hội đã không dám đi quá xa sang phía tả.

Ở Pháp, Liên-minh các tả phái thua cánh hữu là vì đảng Cấp-tiến đã không hợp tác với phe tả. Họ nhảy vào phe nào thì bàn cân sẽ nghiêng về phía đó.

Ở Hoa-kỳ, nhóm cực hữu Wallace đã đem lại thắng lợi cho Tổng-thống Nixon bởi vì nó đã thu hút được một số



phiếu của những tiểu-bang, ở phía Nam, kỳ-thị chủng-tộc.

Nhìn chung ta thấy, mỗi phe tả, hữu có một số quần chúng vững chắc, lúc nào cũng bỏ phiếu cho người thuộc phe của họ. Nhưng cũng có một số quần chúng khác có thái độ bất chắc, khi thì ủng hộ bên này, khi thì ủng hộ bên kia tùy theo trường hợp quyền lợi của họ có được bảo đảm hay không. Các đảng phái tranh cử, muốn tránh những trường hợp bất ngờ, phải chú trọng theo dõi, nghiên cứu thái độ của các tầng lớp này. Đồng thời ta cũng thấy có những loại đảng phái thứ ba chuyên môn lợi dụng thế quân-bình sắp xỉ giữa các phe đối thủ để nhẩy vào ăn có với phe nào hứa hẹn nhiều nhất với mình.

Tình-trạng đã đưa ta đến một kết-luận chung là cuộc tranh đấu chính-trị tại các xã-hội Tây-phương là một cuộc giằng co giữa một lực-lượng muốn giữ nguyên hiện-trạng vì đã thỏa-mãn (lực-lượng bảo-thủ) và một lực-lượng khác muốn thay đổi để tiến lên (lực-lượng tiến-bộ). Hiện, nay, thế ưu thắng đang nằm ở phe bảo-thủ. Tuy nói là bảo-thủ nhưng họ vẫn phải chấp nhận những thay đổi cần thiết đưa xã-hội tiến lên. Nếu họ không làm được điều đó thì họ sẽ bị phe tiến-bộ thay thế. Tuy là tiến bộ, nhưng họ cũng không dám gạt bỏ tất cả những cơ-cấu xã-hội đã thành tựu. Vì đại đa số dân chúng nói chung sống trong một xã-hội hưởng-thụ không muốn những đổi mới phiêu lưu. Tình-trạng tương đối ổn-cố về chính-trị và xã-hội đó cho ta thấy một bộ mặt phần thịnh của các nước tư bản tiến tiến nói chung, của các nước Tây Âu nói riêng, trái hẳn với tình-trạng bấp bênh, sôi sục

tại đa số các nước chậm tiến Á-phi và Mỹ La-tinh, là những nước mà các lực lượng đối lập ở vào hai thế cực tả cực hữu đối nghịch hẳn nhau. Sự va chạm giữa hai lực-lượng đó đưa đến những chế-độ cực hữu hay cực tả, qua các cuộc đảo-chánh hay cách-mạng. Kinh-nghiệm chung cho biết những cuộc đảo-chính thường đưa đến những chế-độ khuynh-hữu, còn những cuộc cách-mạng thường dọn đường cho những chế-độ khuynh-tả. Còn lâu những xã-hội chậm tiến mới tiến tới tình-trạng ổn-định về chính trị như các xã-hội Tây-phương.

Riêng tại các xã-hội Cộng-sản, tình-trạng ổn-cố chính-trị sở dĩ có là vì không có đối lập chính trị. Nhưng thỉnh thoảng cũng có những đợt sóng ngầm nổi lên, gây đảo lộn trong nhất thời rồi lại lắng xuống. Điều đó chứng tỏ trong những xã-hội Cộng-sản không phải là không có nhiều vấn-đề gay cấn, nhưng vì dân chúng không có phương-tiện để bộc lộ những bất-mãn của họ nên khi đã bùng lên được là phải bằng những phương-tiện bất hợp pháp. Chính-quyền chỉ có hai cách: một là đàn áp, hai là thỏa mãn. Trong những trường-hợp này ta thấy ở Tiệp cũng như ở Hung, Đông Đức, Ba lan, các nhà cầm quyền Cộng-sản đã đi hàng đôi: Trước hết họ đàn áp rồi sau mới tính cách thỏa mãn một phần nào những đòi hỏi chính đáng của quần chúng. Nhưng ở đây, bộ máy không có tính-cách tự động như ở các xã-hội Tây-phương, nên ta không thể tìm thấy một thế quân-bình ở giữa giúp ta có được những tiên-liệu tương đối chính-xác về những biến chuyển



trong guồng máy chính-trị như ở các xã-hội Tây-phương.

Tóm lại, trong các xã-hội Tây-phương có một đa-số rất vững chắc ủng-hộ chế-độ hiện-hữu. Đa số này có một cuộc sống bình thường, đầy đủ, với rất nhiều đảm-bảo nên không muốn có những thay đổi phiêu lưu. Đa số này là cái đa số thâm lặng mà Tổng-thống Nixon thường nói tới. Nó là một lực-lượng mạnh mẽ nhưng âm thầm kín đáo ủng-hộ bất cứ chính-quyền nào tỏ ra bảo vệ một cách hữu-hiệu quyền lợi của nó. Các nhà cầm quyền muốn củng cố địa-vị của mình phải nắm vững cái đa số đó và tích cực đối phó với cái thiểu-số ồn ào có thể làm lệch cán cân vào giờ chót. Các chính-trị-gia muốn thắng lợi trong cuộc vận-động tuyên-cử đưa mình lên nắm chính quyền phải tranh thủ được sự ủng-hộ của đa số đó. Chỉ cần một phần nào trong đa số đó bất mãn nghiêng sang phe đối lập là họ hết hy vọng nắm vững chính-quyền. Sách lược của phe đối lập là phải làm sao tác động vào cái

đa số thâm lặng đó bằng những hoạt động của một thiểu số ồn ào. Họ có thể làm được việc đó một cách dễ dàng vì những biến chuyển trong các xã-hội Tây-phương hầu như là đã theo những quy-luật khá chính-xác. Các cơ quan thăm dò dân-y đã đưa được ra những con số và tỷ-lệ gần sát với thực-tế. Các chính-trị-gia thường căn cứ vào đó để ấn-định sách-lược đấu tranh của mình. Tại các nước Tây-phương cái tỷ-lệ đó thường thay đổi từ 40% đến 60%. Chỉ cần một sự thay đổi trên dưới 10% là cán cân lực lượng có thể đảo lộn.

Đó là điều khó thể thực-hiện được trong các xã-hội độc-tài hoặc trong các xã-hội chưa ổn định vì chiến tranh hay tình-trạng chậm tiến. Ở đây ta chỉ có thể thấy những con số và tỷ-lệ quá đáng và không chính-xác như toàn thể hoặc trên 80% hay 90%.

Muốn đạt tới trình-độ của các nước Tây-phương, trước tiên phải thực hiện được hai yếu tố : Hòa-bình và Dân-chủ.

VIỆT-PHƯƠNG

# NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc  
Tăng cường trí nhớ

NGUYỄN LIÊN

**NGOẠI GIAO và NGHI LỄ**

*Các vấn-đề ngoại-giao — Quyền bất khả xâm phạm —  
Ngoại-giao đoàn — Các lãnh-sự — Nghi-lễ Việt-Nam và  
ngoại-quốc — Cách tổ chức các buổi lễ, bữa tiệc, cuộc  
tiếp tân.*

Sách dày gần 400 trang, khổ to, in đẹp. Giá 500\$

Bán tại Nhà sách Khai - Trí, 62 Lê - Lợi Saigon





## THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão Sài-gòn :

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG  
 có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)  
 màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-diện  
 Số : 2.701 THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN



## Bánh vẽ và cọp giấy

Quảng-cáo thương-mại và tuyên-truyền chính-trị là hai hoạt-động nổi bật trong đời sống những xã-hội hiện-đại. Lùi lại vài mươi năm, không đến một thế-kỷ, người ta chưa thấy những hiện tượng xử dụng lời nói một cách lạ lùng và hiệu-năng như thế. Sự tăng-gia sản-xuất hàng-hóa theo tốc-độ càng ngày càng nhanh nhờ tiến-bộ cơ-giới và kỹ-thuật khiến cho việc tiêu-thụ phải dùng mọi phương-kế để tranh giành khách-hàng. Lồng vào những trung-gian thông tin cho đại chúng, như báo chí, phát-thanh, truyền-hình, quảng-cáo bành-trướng thế lực và phạm-vi, quảng-cáo tự nó đã trở nên một ngành hoạt-động quan-trọng. Dù cho trong đó đã xen vào sự điều ngoa xảo quyết, tai-hại của quảng-cáo chỉ ảnh-hưởng đến một số nạn-nhân mà thôi. Không ai bắt buộc mọi người dừng lại trước đám "Sơn-đông mãi võ" và mua thuốc dán họ rao truyền với những trò khi. Lời nói quyến rũ kèm với hình ảnh mê ly đề nhắc đến một món hàng chỉ có công dụng đối với hạng người có tiền của; đa số nghèo khổ sẽ xem lời nói ấy như không. Nhưng tuyên truyền chính-trị thì khác. Nó là một khí giới. Đã là khí-giới, tuyên-truyền có thể dùng để bảo-vệ cũng như để sát hại. Trong «vòng vôi» ma-thuật của những xã-hội đông tín, được duy trì trong cảnh dốt nát và sợ hãi, hiệu-năng tuyên-truyền

chi-phối tâm-thần tất cả mọi người bị giam cầm nơi đó, buộc họ phải có những phản-ứng và cảm-xúc cần thiết để gây những hành-động cần thiết. Thêm với phương-tiện chuyên - thông cho đại-chúng mà quảng-cáo thương-mại biết dùng, tuyên-truyền chính-trị xử dụng cả võ-lực để yểm trợ hữu hiệu lối xây dựng sự-thật một chiều. Không phải một thiểu-số đành chịu thân phận, không phải một số người tự ý lựa chọn, luôn đại-chúng bị *hợp hồn* để tôn-thờ chân-lý duy nhất, thứ chân-lý nguy-đời mà vài mẫu điển-hình có thể mượn nơi truyện 1984 của George Orwell (Harcourt, Brace and Co. New York 1949): *Chiến-tranh là hòa-bình. Tự-do là nô-lệ. Dốt là sức mạnh*. Tội-ác của thứ tuyên-truyền ấy đáng sợ. Đó là tội trọng, tội chống lại tinh-thần. Nếu tránh phán-đoán siêu-hình hay tôn-giáo, ta cũng biết đó là lỗi lầm lớn vì phá hoại nhân-vị và xã-hội khi phá hủy giá-trị và công-dụng của ngôn-ngữ, mà ngôn-ngữ là sự khác-biệt để nhận nhất giữa người và thú.

Thế nào là tuyên-truyền? Khi Gilbert, nhà vật-lý người Anh, nhận thấy nhiều hiện-tượng và làm xong một số thí-nghiệm về điện-khí Gilbert ghi lại trong sách *De Magnete* (1600) và dùng đầu tiên chữ *electricity* (do tiếng Hy-lạp *elektron*, hồ-phách), Gilbert trình bày và phổ-biến sự tìm thấy của mình, Gilbert



không tuyên-truyền cho điện-khí.

Hai thế-kỷ sau, Volta, nhà vật-lý người Ý, làm được cái «pin» đầu tiên, phát-điện một cách tiện-lợi hơn cái bình của Leyden, nguyên-lý (chất chồng những lớp kẽm, giấy đồng, kẽm, giấy đồng..) của sự phát minh ấy được phổ-biến rộng-rãi. Volta chẳng cần đến tuyên-truyền hay quảng-cáo. Chỉ sau này, những nhà khai thác làm pin theo đó, dùng nhãn-hiệu phân biệt, tranh nhau kiếm lợi, mới cần đến quảng-cáo.

Một ký-giả sau khi đi viếng một nhà máy thủy-điện, viết bài nói đến cách điều hành máy móc, lượng-số điện sản-xuất mỗi năm, ích lợi cho vùng được dùng thủy-điện, v.v... ký-giả chỉ tường thuật, cũng không quảng-cáo chẳng tuyên-truyền. Sau đó, nếu ký-giả cho biết nhà máy tốt đẹp đã bị một tai-nạn làm cho hư-hỏng; ký-giả lại làm việc thông-tin mà không tuyên-truyền xuyên-tạc. Dù cho quá vội vã, không chịu kiểm chứng, ký-giả nói như vậy trong khi nhà máy không hề bị phá-hủy, ký-giả chỉ đưa ra một tin thất thiệt, không làm việc tuyên-truyền.

Nhưng khi một nhà nước loan-truyền cho cả thế-giới biết rằng sức sản-xuất điện-lực của quốc-gia họ lên rất cao, cung cấp thừa thãi, nhờ gởi đầu giương một quyền sách nào đó mà công-nhân sản-xuất ý-thức được bổn phận thiêng-liêng triệt-đề làm việc phục-vụ cho chính-nghia, vân vân, mà trong thật-tế, dân-chúng thành-phố ở quốc-gia ấy muốn coi Tivi phải tắt hết cả đèn, hay vô số gia-đình phải tắt đèn dầu, thì lời tuyên bố của nhà nước ấy thuộc loại tuyên-truyền.

Sau khi cuộc khởi-nghia của Lê-Lợi thành-công, Nguyễn-Trãi thảo

*Bình Ngô Đại-cáo*, bản văn này có thể xem là một bản tuyên-truyền, nhưng đây là một thứ tuyên-truyền với nghĩa nguyên-thủy, có mục-đích giải-thích và biện-minh cho một chính-sách, cho những sự-việc có xảy ra, cho những công-nghệ đã thành-tựu.

Tuyên-truyền theo nghĩa đó không lạ lùng gì. Từ đời thượng-cổ, tuyên-truyền đã xuất-hiện cùng với đời sống chính-trị Xã-hội nào cũng biết dùng biểu-hiệu, âm-nhạc, lễ-nghi, và nhất là lời nói và văn-tự để kích-thích cảm-xúc dân chúng. Nghệ-thuật tuyên-truyền kết-tinh nơi tài hùng-biện, tài quả-quyết, dễ biến thành nguy-biện, tài nói văn-hoa, dễ biến thành lỗ-bịch. Đến nay, sự tôn-thờ cuồng-tin lời nói vẫn tiếp tục. Tại biết bao quốc-gia mà nạn mù chữ đã bớt đi một phần nào, mà đám thượng-lưu tự xưng là người có học, đời sống chính-trị chỉ thu gọn vào việc nói. Cũng như «tôi tưởng đã thay đổi đời trong khi thay đổi ý-thức của tôi về đời» (Sartre), người ta nghĩ rằng đã thay đổi được tình-cảnh khốn khổ của xứ sở, thay đổi số kiếp đồng bào bị bóc lột, bị áp bức, khi họ đã nói nhiều. Họ đã nói không đầu không đuôi, nói tầm bậy tầm bạ, nói nông nổi hay hỗn láo, điều không biết cũng nói càn, nói đề có nói, nói chẳng sợ gì ai, như kẻ điếc không sợ súng.

Tuyên-truyền chính-trị dùng lời nói ý-thức hơn, ý thức về sự lạm-dụng danh-từ, ý thức về hiệu-năng ngôn-ngữ. Vì đây có sự cố ý làm lẫn lộn chân hư, bóng mờ, viển vông và cụ-thể. Đây là một tổ-chức đại qui-mô, dùng mọi phương-tiện, như tiền-đề độc đoán, luận-điều phi-lý, và khi cần, khí-hậu khủng bố, để buộc quần chúng chấp nhận bánh vẽ làm bánh thật



lời hứa hẹn như điều đã có rồi, xem lãnh-tụ là thần-thánh và mỗi lời của lãnh-tụ là tin-điều.

Rao hàng không phải là điều đáng chê, nhưng nói đến giá-trị của món hàng mà nó không có, là quảng-cáo bịp bợm. Tuyên truyền đúng đắn cho thiên hạ biết điều hữu ích cho họ, không có gì đáng than phiền, nhưng nói láo nói khoác, lừa gạt những người sợ hãi và dốt nát đề mưu cầu danh lợi, đề củng cố quyền thế, là điều đáng ngại. Giữa hai tầng bậc khoảng cách không bao lắm. Tham lam, dục vọng khiến người vượt qua một cách dễ dàng.

Tuyên-truyền chính-trị được trọng dụng nhiều nhất tại các nước độc-tài. Từ vài mươi năm nay, nó đã trở thành một kỹ-thuật. Kỹ-thuật dựa trên những dữ kiện tâm-lý và xã-hội, dùng những xúc-động quần chúng, những mặc-cảm tự-ty tự-tôn, những bù đắp và thăng-hóa khuynh hướng, những phản-xạ có điều-kiện, giá-trị kích-thích của nhạc, ảnh ký-hiệu biểu tượng, châm-ngôn phù-hiệu, bản-năng hay sở-thích tranh-đấu, tàn-sát, hiếu-động, hiếu nguy, của tuổi trẻ... bao nhiêu hiện-tượng được nhiều nhà khoa-học nhận-định, giải-thích, như Le Bon, Freud, Pavlov, Cassirer, Adler, Jung...

Tuyên-truyền chính-trị theo hình-thức hiện-đại đã phát-triển mạnh-mẽ từ các thế-chiến và những quốc-gia sau này lo sợ cho chính thể của mình hay đứng ra những tập-đoàn lãnh-đạo lo sợ cho quyền-thế của mình, tiếp tục khai thác kỹ-thuật tuyên-truyền và phản tuyên-truyền. Chỉ những nước có đời sống chính-trị ổn-định và thật sự dân-chủ mới không dùng đến tuyên-truyền hoặc dùng một cách khôn ngoan; giáo-dục, thông-tin, đủ để quảng-bá và chuyển

thông những điều hay đẹp của xứ sở.

Trong thế-chiến thứ nhất, sau khi thấy Đức dùng tuyên-truyền, người Anh cũng lập năm 1918 một Bộ Tuyên-truyền, được nhiều danh-nhân trợ giúp, như các chính-khách W. Steed, Seton-Watson, tiểu-thuyết-gia H. G. Wells. Nguyên-tắc tuyên-truyền của họ là: khi nào đường lối chính-trị được hoạch-định rõ ràng, thì mới có hoạt-động tuyên-truyền; tuyên-truyền sẽ không bao giờ dùng đến láo khoác; tuyên-truyền sẽ tránh mâu-thuẫn và không để sinh ra ngộ-nhận. Rải khắp trên mặt trận Âu-châu và vùng Balkan, tuyên-truyền Anh-quốc quả-quyết địch sẽ thất bại, không có hy-vọng nào chiến-thắng, nhưng lời quả-quyết được dựa trên những bảng-kê, họa-đồ, sự-việc cụ-thể làm bằng chứng. Hàng triệu tờ truyền-đơn được rải trên căn-cứ địch. Vô-tuyến truyền-thanh hồi ấy tuy còn thô thiển cũng được dùng đến cùng với những máy hát, ống loa, để phổ-biến những tuyên-ngôn kèm theo các bản dân-ca. Trong thế-chiến thứ hai, Churchill vẫn dùng một lối tuyên-truyền thành-thật và gan dạ. Đối chọi với những lời hàm hồ khoác lác của đối-phương, đáp lại với những tin chiến-thắng hoàn-toàn bịa-đặt của quân-địch, lãnh-tụ Anh-quốc trình bày trước Quốc-hội minh tinh hình khách-quan của chiến-cuộc, không dấu giếm những hao-tồn của các thị trấn bị tàn-phá, những thất-bại đầu tiên của quân-đội mình. Thay vì một chiến cuộc "tươi vui", Churchill hứa với đồng bào một cuộc tranh đấu đầy "mồ-hôi, máu và nước mắt." Sự thành-thật can-đảm và quân-tử ấy đem lại kết quả tốt.

Thời-kỳ nội-chiến và cách-mạng của Nga, hiệu lực tuyên-truyền được chú-



trọng đến. Từ 1915 đã có một « Ủy-ban yếu-tố tinh-thần », rồi trở nên « Ủy-ban giáo-huấn chính-trị xã-hội », sau thành « Ủy-ban tuyên-truyền » để biến mất sau Cách-mạng tháng Mười. Hai phe tranh giành quyền-bính trước đó đều có những cơ-quan tuyên-truyền biết dùng những phương-tiện tân-kỳ Trotsky dùng chuyển xe lửa đặc-biệt, có toa làm nhà in, toa trưng bày những mẫu truyền-đơn. Bộ tuyên-truyền của Denikin được biết nhiều hơn dưới danh-từ *Osvag* (viết tắt hai chữ Nga *osvedomitel*, thông-tin và *agitirovat*, xách động). *Osvag* chia ra nhiều ban chuyên biệt, xuất bản năm sáu tờ báo, có cơ-quan phát hành và phòng báo-chí để cung cấp tin-tức. Tình hình chính-trị, kinh-tế, xã-hội trong nước được ghi cập nhật trên những đồ-biểu. *Osvag* lập ra hàng trăm phòng đọc sách và thư-viện cho mượn sách không tiền, nhờ đó tuyên-truyền lan rộng từ thành-thị đến làng mạc hẻo lánh. Ban xách-dộng in truyền-đơn, tài-liệu, sách hướng-dẫn cán-bộ, bích-chương, hí-họa, tờ-chức diễn-thuyết, hội-hợp, gởi đi khắp nơi những diễn-giả có tài. Cứ chỗ nào có thể làm môi-trường hoạt-động được, là có nhân-viên đến: xe điện, tàu hỏa, trước các hiệu phố, trước chợ búa. Nhân-viên được tổ-chức thành những toán chiến-thuật. Nói chung, *Osvag* chú-trọng nhiều về việc làm cho đồng bào suy nghĩ và chấp nhận, như thế chỉ ảnh-hưởng đến một số trí-thức không gây ảnh-hưởng nơi đại-đa-số quần chúng.

Thứ kỹ-thuật đó, sau khi cách-mạng thành-công, đã được khai-triển và kiện-toàn hơn. Lenin có nhiều tài năng về tuyên-truyền Nhân-cách của nhà cách-mạng, lối sắc-phục và sinh-sống bình-dị, và khiêm-tốn, tánh-cách khách-quan của những diễn-từ, đã là một phương-tiện

tuyên-truyền có hiệu-quả. Lenin không từ bỏ lối dùng sự quả quyết và suy-nghĩ, nhiệm-vụ đó của tuyên-truyền là để tìm thêm đảng viên hay đồng chí. Nhưng nhiệm-vụ thứ hai cũng quan-trọng, đó là đi sâu vào cá: từng lớp dân chúng và nhất là điều động những đám quần-chúng hành-động đúng theo kế-hoạch của mình. Như đó, mới phân hai loại chuyên-viên, hạng tuyên-truyền và hạng xách động. Lenin viết: « Người tuyên-truyền cách-mạng phải nghĩ đến số hằng trăm người, người xách-dộng nghĩ đến hằng vạn ». Một đối-thủ lý-thuyết của Lenin là Plekhanov vẫn nói theo một ý ấy: « Người tuyên-truyền gieo nhiều ý cho một người. Người xách động chỉ gieo một ý hay vài ý cho đại-chúng ». Trong tuyên-truyền của Nga-sô, thường đi với nhau, sự xây-dựng tư-tưởng dựa vào các sách căn-bản của chủ-nghĩa, và các chỉ-thị, mệnh lệnh, để kích-thích những hành động quân-sự hay cách-mạng, hay yểm trợ những công-tác sản-xuất phù hợp với các kế-hoạch.

Sách « Cuộc tranh đấu của tôi » (*Mein Kampf* của Hitler cho thấy ý-nghĩa về tuyên-truyền của nhà độc-tài ấy không khác gì những ý được chủ-trương và được đem áp dụng tại Nga. Nhưng Hitler không để ý gì đến bao nhiêu về tuyên truyền dùng lý lẽ và quả quyết cho thiểu-số. Hitler đặt nặng vấn đề khủng-bố nhiều hơn. Năm 1931, tại Boxheim, Hitler bắt đầu hăm dọa rồi: « Tôi là phát-ngôn-viên, là cái trống (Trommler) của tất cả. Tôi sẽ bắt những người ương ngạnh khi tôi lên cầm quyền. » Đó là điều lãnh-tụ quốc-xã sau này đã thi-hành triệt-đề. Cùng với tay cộng-sự có biệt-tài là bác-si Goebbels, Hitler đã dựng lên tổ-chức tuyên-truyền chính-trị kiểu-mẫu, khiến sau này nhiều quốc-gia cũng theo đòi, muốn



tìm được kết quả lối tuyên-truyền kỳ diệu ấy. Dựa nơi một thuyết rất mong manh, có vẻ như huyền-thoại, là giá-trị đặc-biệt của giống aryen, Hitler khai thác được bản-năng háo chiến, tánh kiêu căng tự-phụ của đồng-bào nhất là của tuổi trẻ, để khôi phục danh-dự của tổ-quốc bị sút mẻ sau thế-chiến trước, để đưa quốc-gia thực hiện cuộc xâm lăng tàn nhẫn và vi-ại và suýt nữa làm được bá-chủ hoàn cầu. Một mình nhà độc-tài đã là yếu-tố tuyên-truyền nhiều nước khác không có. Hitler có tài ru ngủ thính-giả bằng những diễn-từ tráng-giang đạ-hải mặc dù giọng nói hùng hồn. Sau khi gây được tình-trạng tê-liệt, rong khung cảnh trang-nghiêm của nghi-lễ quốc-gia gần như tôn-giáo, với lối phô-trương lực-lượng hùng hậu của đồng-phục, quân-phục, cờ xí, Hitler đánh thức cử-tọa dậy bằng cách chấm dứt lời hét hò của mình, và cử-tọa trở lại hăng hái phi-thường, khi theo mệnh-lệnh hoan-hô lãnh-tụ hay tung ra những khẩu-hiệu háo chiến, oán-thù hay đề-cao quốc-gia vi-ại. Hitler cần sự tôn-thờ triệt-đề của đại-chúng nhưng chẳng lăm về giá-trị nhân-phẩm của đại-chúng nhưng. *Mein Kampf* đã ghi : « Muốn nắm quần-chúng phải trông cậy nơi sự yếu hèn và thú-tính của chúng. »

Giá-trị tuyên-truyền chính-trị được Hitler đề cao công khai trong bài diễn-văn đọc ở Nuremberg năm 1936 : « Tuyên-truyền đã đưa chúng ta lên cầm quyền, tuyên-truyền đã giúp chúng ta giữ được uy-quyền, tuyên-truyền sẽ cho chúng ta khả-năng chinh-phục thế-giới ! »

Bí-quyết ấy không dành riêng cho ai, mọi phe phái biết dùng đến, mọi quốc-gia đem áp dụng. Nhưng kết-quả thu-thập khác nhau, tùy theo khả-năng của cán-bộ, sự khéo léo của tổ-chức, và nhất là tùy can-đảm hay lương-tâm của

người xử-dụng, có dám vượt quá mức lương-thiện, để xây dựng tuyên-truyền không phải trên sự cần-thiết quảng-bá những điều lợi ích cho một chính-nghĩa, cho quyền-lợi một cộng-đồng, mà thứ tuyên-truyền dựa trên ngôn-từ xảo-trá, lợi-dụng những cảm-xúc của đại-chúng, khai-thác sự khờ-dại hay cuồng-nhiệt của chúng để phục-vụ cho tham vọng cá-nhân hay cho quan-niệm chính-trị độc-đoán.

« Vòng vỏi » ma-thuật của lời nói láo, của sự lừa dối, phải được đóng ký lại. Nhưng người trong vòng chỉ biết một thứ lời nói, một thứ chân-lý. Khi tuyên truyền bắt đầu, thì đối-thoại phải chấm dứt. Linh-nghiêm của ma-pháp đòi hỏi sự hy-sinh hay lối vong-thân ấy. Nhưng khi ở ngoài vòng, có vòng khác, khi bên cạnh một thầy phù-pháp, xuất hiện thầy phù-pháp khác, sự tranh đua về lời nói trở nên mãnh-liệt hơn nữa. Trong chiến-tranh nóng, hay trong chiến tranh lạnh sửa soạn cho thứ kia, hư-từ và xảo-ngôn được tiêu-dùng tới mức cùng của phát-minh và tưởng-tượng. Chúng ta nghe các quốc-gia, các chính-thể trao đổi cho nhau như quả bóng bàn, những danh-từ không dựa vào tự-diễn chung nào để tìm được nghĩa-lý. Người khách-quan, nếu chỉ có nghe mà không kiểm-chứng chẳng biết bên nào là cộp giầy, là hiếu-chiến, là đế-quốc, là xâm lăng, là tay sai, là ăn cướp, bên nào là độc-tài, là dân-chủ. Chỉ có những phe phái tin vào hiệu-năng của ma-thuật (vì chính mình cũng dùng đến), mới giải-thích, cải-chính, biện-minh, hoặc tìm thêm những danh-từ độc-địa hơn, nếu không gây cho địch sự tiêu-diệt bằng lời nói, cũng an lòng những người trong vòng của mình, được kêu gọi ý nghĩ và kích-động cảm-xúc.



Sách vở hay báo chí là một phương-tiện so sánh, nhưng không tiên-lợi. Máy thu-thanh nhỏ bé tượng-trưng dễ dàng hơn cho thứ Babel tân-thời, nơi tập trung hỗn độn của vô số ngôn-ngữ. Vần xê-xích đôi chút bằng tần-số, ta từ đài này qua đài khác, sẽ nghe những tiếng bỗng trầm, nhanh chậm, mạnh mẽ hay du dương, gồm lại thành lời nói không hòa-điều của loài người. Nếu ta hiểu một số thứ tiếng để theo dõi điều đã nhờ sóng điện truyền khắp khí-quyển, nghe bao nhiêu lời tuyên-ngôn khoác lác, những tin-tức thất-thiệt, những câu nặc hận-thù và hăm dọa, ta có thể xác-nhận một lần nữa sự hư-hỏng lạ lùng của lời nói con người hiện-đại. Lời nói không còn là danh nghĩa của người, những luật-lệ chi-phối việc xử-dụng lời nói rất xa với điều các Sách dạy, "quân-tử nhất ngôn", hay "Lời nói của người, phải thì nói phải, không thì nói không, điều gì thêm vào đó là của Quỷ", mà cũng xa hẳn qui-tắc của tinh-thần khoa-học phục-vụ cho chất-lý. Trong máy phát-thanh nhỏ cũng thấy khuynh-hướng tự-nhiên là danh độc-quyền về lời nói, bằng cách phá quấy những buổi phát-thanh của địch, để ngăn cản sự khuynh-đảo tự-tưởng của đồng bào có thể có vì lời nói kẻ khác.

Trên trường quốc-tế hay trong phạm vi một nước, tự-tưởng độc-tài vẫn cần đến lời nói một chiều, chống triệt-đề ma-pháp nào hiệu-năng hơn ma-pháp mình. Sự nhồi sọ đồng bào dễ dàng hơn. Với sự tập dượt, những phản-xạ có

điều-kiện của đồng bào sẽ làm cho chấp nhận bất cứ gì tùy ý muốn. Con chó của Pavlov thấy thịt chảy nước miếng. Thấy thịt vừa nghe tiếng chuông cũng chảy nước miếng. Vài mươi lần như thế, chỉ tiếng chuông không cũng đủ làm cho chảy nước miếng. Nhưng nếu không huấn-luyện, phản-xạ có điều-kiện sẽ mất đi. Ta hiểu vì sao điều được mạo danh là chân-lý trong những công cuộc tuyên-truyền chính-trị phải được lập đi lập lại, để nuôi dưỡng những phản-ứng cần-thiết cho mục-phiêu. Hitler không chỉ cấm đồng bào nghe tiếng nói nước ngoài, còn buộc dân chúng phải nghe diễn-từ của mình, người có máy buộc phải vịn to cho người qua đường phải cùng nghe. Những nhà cầm quyền khác áp dụng một thứ nguyên-tắc, bắt buộc sự hiện-diễn của dân-chúng tại các cuộc học tập chính-trị, hay nghe cho đến chán những lời nhảm nhí của mình.

Bắt buộc dân-chúng theo đúng mệnh lệnh chắc hẳn phải dựa vào những biện pháp gắt gao, tuyên-truyền chính-trị không thể tách-rời khỏi chính sách khủng-bố và áp-bức. Và tất nhiên khi đã có lời nói độc-tôn, khi không còn đối-thoại thì chẳng còn dân-chủ và tự-do. Trong thứ xã-hội ấy đều tự-do ao ước không phải là điều gì quá đáng. Tự-do, theo Orwell (*sdd.* tr. 67) "là tự-do được nói hai với hai là bốn". Tội nghiệp thay cho dân nước nào muốn nói sự thật tầm thường ấy lại phải lập hồ-sơ xin phép trước.

CUNG-GIỮ-NGUYỄN

# NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc  
Tăng cường trí nhớ



*sách do nhà An-Tiêm xuất bản*

★ **KHUNG TRỜI NHỎ HẸP** (The narrow corner)  
của Somerset Maugham, Đỗ Khánh Hoan dịch

★ **TRIẾT HỌC VỀ TÁNH KHÔNG**  
của Tuệ Sỹ

★ **NÓI CHUYỆN VỚI KRISHNAMURTI**  
do Carlo Suares thực hiện  
Nguyễn Minh Tâm dịch  
sách đã được phát hành khắp nơi.

«Trọn vẹn tâm hồn tôi là một tiếng hét, tiếng kêu, tiếng la. Và tất cả tác phẩm của tôi là luận về tiếng la, tiếng hét ấy»

**Nikos**

**KAZANTZAKIS**

PHẠM-CONG-THIỆN dịch  
PHẠM - HOÀNG xuất bản  
sách đã có phát hành khắp nơi

*Mới xuất bản :*

**HỒ THÍCH**

**TRUNG QUỐC TRIẾT HỌC SỬ**

*Bản dịch của Huỳnh Minh Đức*

Sách dày trên **750** trang khổ lớn. Giá **500\$**

**Bán tại: Nhà sách Khai Trí 62 Lê Lợi Saigon**





**Nhức đầu**

*• Nhức*

**Budon**

**TRI:**

Nhức răng, nhức môi đau  
lưng, đau nhức lúc có  
Kinh Kỳ



KN số 1211/BYT/QCĐP

## GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

trên bán nguyệt san BÁCH-KHOA

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	3800 đ.
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	2000 đ.
o o o				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2800 đ.
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1400 đ.
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	700 đ.

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên, có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty quản-lý tạp-chí Bách - Khoa, 160 Phan-dình-Phùng Saigon. Đ. T. 25.539.



# TRINH - CÔNG - SƠN

## *cuộc hành trình làm người Việt nam*

THÉ - U YÊN

Trong căn phòng đã bắt đầu thiếu ánh sáng của trụ sở Tổng hội Sinh viên Huế, tôi vẫn còn cố gắng tranh luận, thuyết phục. Bên trái tôi là anh chủ nhiệm tạp chí tôi đang cộng tác thường xuyên, bên phải tôi là Hoàng phủ Ngọc Tường, một trong những bạn học thân nhất của tôi trong những năm đầu ở Viện Đại học Sai-gon. Bên kia đầu bàn là người trẻ mang kính trắng Chủ tịch Tổng hội Sinh viên Huế, hai bên hiện diện đầy đủ hầu hết các đại diện cho giới trẻ của cố đô. Tôi đang cố gắng thuyết phục tất cả những người đó không nên tham gia và phát động cuộc tranh đấu mà sau này mọi người thường gọi là phong trào Tranh đấu của Miền Trung. Tôi không tin là cuộc tranh đấu ấy sẽ thành công : ngồi ở Saigon vào một vị trí khá thuận tiện để nghiên cứu vào thời gian đó, tôi đã ước tính là những người trẻ Việt-nam trong đó có các bạn đang ngồi kia với tôi, cộng với cả Phật giáo nữa, cũng không thể nào làm thay đổi được chính sách của hai đế quốc trắng và đỏ... tại miền nam này. Vào thời gian đó, tôi hoàn toàn tin tưởng ở một giải pháp duy nhất để giải quyết vấn đề Việt-nam, đó là thực hiện một cuộc cách mạng xã hội. Dĩ nhiên với tin tưởng như thế, tôi gần như muốn chống đối lại mọi phong trào xuống đường của lớp người trẻ dù vài, năm trước nữa, chính tôi

không vắng mặt trong bất cứ một cuộc xuống đường ngoạn mục nào ở Saigon.

Trời đã hết hẳn nắng từ lâu, phòng họp đã mờ khuôn mặt người, tôi vẫn còn cố thuyết phục. Cách mạng đâu có thể thực hiện được bằng truyền đơn, biểu ngữ và các cuộc tuần hành ngoài đường phố. Phong trào mà những người bạn tôi đang ngồi kia sắp tham gia, tôi không tin sẽ dẫn tới một thay đổi căn bản nào cho chiến tranh Việt nam — tại Á châu, lẽ phải nằm ở đầu ngọn lưỡi lê và lưỡi lê ấy, chúng ta không có hay chưa có. Phải dành sinh lực và thiện chí cùng nhân sự để rèn lưỡi lê cần thiết đó đã... Hình như trong không gian mờ tối của căn phòng, tôi đã trình bày như thế. Tôi phải dùng chữ "hình như", bởi vì thời gian qua cũng đã lâu rồi kể từ ngày ấy.

Vào một lúc nào đó, tôi chợt khám phá ra tôi đang độc thoại. Từ đã lâu rồi, những khoảng người ngồi quanh bàn đã câm nín. Tôi cũng im theo và trong một khắc im lặng ngắn, tôi chợt cảm thấy như có một ranh giới vô hình đã xuất hiện giữa tôi và các bạn. Ngay cả đối với Hoàng Phủ Ngọc Tường. Không còn gì để nói với nhau nữa, mỗi bên giữ vững lập trường của mình, đừng ai người ấy đi. Nhưng tôi không muốn để đứt đoạn, phân cách nhau một cách vô lý như thế. Tôi không hề muốn từ giã họ



như thù nghịch — bởi vì điều bất đồng ý, không hề nằm ở mục tiêu theo đuổi, mà là ở phương thức thực hiện. Có lẽ Hoàng Phủ Ngọc Tường cũng cảm thấy tương tự nên đã cùng với tôi tuyên bố chấm dứt thảo luận chính trị, và kể từ giờ cho tới khi tôi rời Huế, chỉ nói chuyện văn nghệ và sinh hoạt với nhau như bạn mà thôi. Tất cả đều tán đồng và hẹn gặp nhau lại ở Tuyệt tình cốc.

Đến địa điểm hẹn gặp, ở một con đường nào và khu nào của Huế, tôi bây giờ không sao nhớ lại được. Hoàng Phủ Ngọc Tường đã đợi sẵn và dẫn tôi đi theo một con đường nhỏ hai bên hàng rào âm u như một xứ quê. Quả xứng đáng là con đường dẫn vào "Tuyệt tình cốc". Một căn nhà tranh vách đất và nền cũng bằng đất, không điện và cũng không có một dấu vết nào chứng tỏ có vết tích của cơ khí Tây phương. Vài chiếc chiếu trải trên đất, các ngọn nến thắp rải rác quanh vài đĩa bánh và các ly cà-phê đen sánh, đen như màu mắt của ba thiếu nữ duy nhất hiện diện Hoàng Phủ Ngọc Tường giới thiệu chung và vì quá đông, tôi chỉ nhớ được tên vài người như Trần quang Long, Nguyễn đặc Xuân... và một người rất trẻ mặc chiếc áo kaki, vẻ mặt trong sáng hiền lành sau làn kính trắng có cái tên rất hợp với Tuyệt tình cốc: Trịnh công Sơn.

Khi Trịnh công Sơn bắt đầu hát, tôi chú ý nghe bởi vì Hoàng Phủ Ngọc Tường đã có lần chê tôi là "không biết Trịnh công Sơn thì kể như chưa biết gì về văn nghệ miền này. Nhưng ngay lập tức, tôi không cần phải chú ý nữa — tôi đã bị chìm ngập ngay vào trong thế giới âm thanh của Trịnh Công Sơn. Tôi vẫn mơ theo dõi những viên đá, hay một viên đá, lăn trầm bằng bênh

trong cuộc đời, tôi cầu xin mặt trời ngủ yên cho đàn bò đi vào thành phố băng qua những giáo đường tình yêu... Khi Sơn đã ngừng hát, tôi vẫn còn sửng sờ vì không thể ngờ nòi ở Việt-nam lại có thể xuất hiện những bản nhạc như thế. Những âm thanh lê thê, những hình ảnh hoang tàn, rã rời, nhưng... tôi vẫn cảm thấy một sức mạnh tiềm tàng lẫn khuất trong từng âm thanh của bản nhạc, trong những người đang ngồi quanh dưới các ánh nến chập chờn và những bóng đen lung linh trên vách đất. Đêm khuya, khi ra tới đường lộ, Hoàng Phủ Ngọc Tường tách ra khỏi bạn bè, hỏi riêng tôi: Thực ra còn lý do chi nữa làm anh tin bọn tôi sẽ thất bại? Trước câu hỏi này của người bạn đồng song, tôi đã trả lời khá ngay thẳng rằng tôi đã trông thấy bên cạnh anh cả người của Hoa-kỳ lẫn người của cộng sản. Làm sao thất bại, chết và tù đầy không xảy đến cho những người trẻ cứ muốn đi vào cuộc hành trình làm người Việt-nam, muốn khước từ làm tay sai cho bên kia và bồi đắp cho bên này... Và khi bắt tay từ già Hoàng Phủ Ngọc Tường và tôi đều quyết tâm theo đuổi con đường mình cho là đúng nhất, con đường đã chọn lựa: Hoàng Phủ Ngọc Tường và tất cả những người của Tuyệt tình cốc—trừ ba người nữ — đã lao vào phong trào tranh đấu do Phật giáo phát động một thời gian sau, còn tôi, về tới Saigon là lo treo ấn từ quan (một chiếc ấn bé xiu của một chức quan hữu danh vô thực) cùng các bạn lập nhóm Thái độ đề lao mình vào một cuộc phiêu lưu là thực hiện "giấc mơ trăm năm của dân tộc": hoài bão thực hiện một cuộc vận động văn hóa mới tiến tới cách mạng xã hội. Và trong đêm, khi lái chiếc xe Jeep già nua đưa một trong ba thiếu nữ đã có



mặt trong Tuyệt tình cốc — trở về nhà qua những con đường nhỏ ngủ im. ven một con sông rất nhỏ và rất êm đềm, tôi không thể ngờ đó là lần chót tôi gặp Hoàng Phủ Ngọc Tường và rất nhiều người trẻ của thành phố cổ xưa này.

Sau những tháng gay gắt dữ dội, phong trào tranh đấu của miền Trung đã thất bại. Trong thời gian này, mặc bộ quân phục bạc phếch, tôi vừa quay ronéo từng trang từng trang cho những tập Thái độ đầu tiên, vừa cùng các bạn theo dõi cuộc đấu tranh khốc liệt: họ, những người của Tuyệt tình cốc, đã xuất hiện đầy đủ trong bản hùng ca thể thắm ấy. Một Nguyễn Đắc Xuân, kẻ đã cho tôi nghe lần đầu những bài tâm ca của Phạm Duy, con người thơ mộng bề ngoài ấy, đã làm t.ieu đoàn trưởng Quyết tử. Một Hoàng Phủ Ngọc Tường, con người dân tộc cực đoan... Và dù đã ước đoán trước được, tôi vẫn không khỏi buồn khi mấy tháng về sau tôi được tin anh đã bỏ thành phố chạy trốn và bị bắn chết, không biết vì đạn bên nào ở một vùng ven đô Huế. Sau sự tan rã của phong trào, từ Tuyệt tình cốc, chỉ còn Trịnh-Công-Sơn xuất hiệu, mỗi ngày một nổi danh vì những bản nhạc của mình. Những bản tình ca của anh được lớp trẻ hoan nghênh dữ dội và phổ biến sâu rộng: không ngồi nơi nào không nghe thấy những âm điệu của anh. Nhưng tôi biết anh không thể ngừng ở đấy, không thể chỉ là một người làm tình ca cho thiên hạ yêu nhau.

Kề cũng kỳ lạ. Sơn và tôi cùng những người đồng lứa, chúng tôi có tuổi trẻ, quá nhiều tuổi trẻ để hưởng tình yêu cùng những mật ngọt của trần gian. Nhưng chúng tôi không làm sao nắm mật mà không cảm thấy vị đắng cay. Quân lực Mỹ đã đổ bộ vào Việt-Nam

chiến tranh đổi hình thái và đặt lại cả vấn đề chính nghĩa nữa. Điều quan trọng nhất là chiến tranh đã trở thành vấn đề của mỗi nhà, mỗi người. Phải tìm được cho được một cái gì biện minh nổi cho những rừng lá trụi khô ruộng đồng bỏ hoang cả nước đầy mồ. Phải tìm một thái độ một vị trí — dù trên thực tế mình có phải đứng sau M.16, sau AK hay đứng giữa hai làn đạn giao nhau. Có những người như tôi chấp nhận nổi cuộc chiến chống cộng, với điều kiện là nó bảo vệ cho tự do và xây dựng cho một xã hội mới cho miền Nam — cuộc chiến này sẽ không có lý do biện minh nếu nó chỉ là bán xương máu người trẻ để xây dựng những tài sản bất chính.

Nhưng có rất nhiều, rất nhiều người khác, không sao chấp nhận nổi cuộc chiến: họ đi tìm, họ lục soát, họ nhìn khắp quê hương, ngó đủ khuôn mặt bạn bè, mà không thấy lý do nào biện minh. Họ nhìn bên kia lẫn mức: không thấy gì. Họ nhìn bên này: không thấy gì. Không thấy gì ngoài những hình ảnh:

*một người già trong công viên  
 một người điên trong thành phố  
 một người nằm không hơi thở  
 một người ngồi nghe bom nổ  
 một người ngồi hai mươi năm  
 nhìn hỏa châu đêm rực sáng  
 Ngày thật dài trong lo âu  
 rồi từng đêm bom đạn phá  
 người Việt nhìn sao xa lạ  
 người Việt nhìn nhau căm thù  
 một ngục tù trên quê hương  
 người Việt-nam quên nòi giống*

(NGAY DÀI TRÊN QUÊ HƯƠNG, Trịnh Công Sơn)



Không tìm thấy gì, nhưng không thể sống mà không có một vị trí trong cuộc đời. Trừ những người tin theo các triết thuyết nhập cảng đóng hộp từ phương tây và những người buông thả vào trong siêu hình Ấn-độ, không ai có thể sống-hàm-hồ. Mỗi người đều ước mơ : ước gì ta được là, ta, hay nói theo ngôn ngữ Phạm Duy, làm sao khi thức dậy, tôi tìm thấy tôi. Trong cuộc hành trình đi tìm chính ta chính tôi chính mình này, những người trẻ đã vung tay xé rách các tấm màn để biết rằng mình không phải là Tây con, là phò-hoa-kỳ, đã đập nát tấm bình phong bằng tre để biết mình không phải là người-giải-phóng, người-vô-sản-vùng-lên. Và tệ hơn nữa, là không còn thấy cả quê hương nữa. Cuộc hành trình phải tiếp tục, và lần này, đi lại từ đầu : đi tìm quê hương. Những mốc dấu đầu tiên thực thảm hại :

người nô lệ da vàng ngủ quên trong  
căn nhà nhỏ  
đèn thấp thì mờ, ngủ quên đã bao năm  
ngủ quên quên đã bao năm  
ngủ quên không thấy quê hương

(ĐI TÌM QUÊ HƯƠNG)

Khám phá đầu tiên ấy thực là buồn. Nhưng những người trẻ chấp nhận : chúng ta là nô lệ, chúng ta chưa là người tự do, chúng ta là người nô lệ, không phải nô lệ da trắng, mà là nô lệ da vàng. Mầu da vàng là mầu da chúng ta, là thân phận chúng ta ở cõi đời này, chúng ta chấp nhận và hãnh diện.

Và người nữ chúng ta yêu, người nữ thần tượng, không phải là những người «tóc vàng sợi nhỏ», những Brigitte Bardot, Sharon Tate, Raquel Welch, mà là người con gái Việt-nam :

Người con gái Việt-nam da vàng

yêu quê hương như yêu đồng lúa chín  
Người con gái Việt-nam da vàng  
yêu quê hương nước mắt lưng giòng...

Em chưa biết quê hương thanh bình  
em chưa thấy xưa kia Việt-nam  
em chưa hát ca dao một lần  
em chỉ có con tim căm hờn

Người con gái một hôm qua làng  
Đi trong đêm, đêm vắng âm tiếng súng  
người con gái chột ôm tim mình  
trên da thơm vết máu loang dần  
Người con gái Việt-nam da vàng  
mang giấc mơ quê hương là kiếp  
sống...

(NGƯỜI CON GÁI VIỆT-NAM, Ca khúc da vàng)

Đã tìm thấy, người nữ của mình,  
người con gái Việt-nam da vàng, tất  
nhiên cuộc hành trình phải tiếp tục, ồn  
cổ vững vàng hơn :

người nô lệ da vàng bước đi bước đi  
Đi về đầu non

người nô lệ da vàng bước đi  
Đi về biển xanh

Đi khâu vá con sông Việt-nam 20 năm  
liền thịt xương

phơi trên đôi miền

Đi cho thấy quê hương

đi cho thấy quê hương

đi cho thấy quê hương...

(ĐI TÌM QUÊ HƯƠNG)

và tới cuối chặng thứ nhất của cuộc hành trình, những người trẻ thấy mình là người Việt-Nam, mầu da vàng, với tất cả những khốn khổ cũng như oai-hùng của giòng giống. Nhìn sang bên kia, cũng thấy cùng màu da, cùng Việt-Nam. Không thấy sao trắng bên này,



không thấy sao đỏ sao vàng bên kia : người trẻ chỉ muốn nhìn thấy màu của mình, màu Việt-Nam. Họ chỉ muốn nhìn thấy người Việt da vàng mà thôi. Nhưng ở chặng này của hành trình làm người Việt-nam, nhìn lại miền Nam xem còn có những gì, thì đây là di-sản họ đang phải tiếp nhận :

*Một ngàn năm nô lệ giặc Tàu  
 Một trăm năm đô hộ giặc Tây  
 Hai mươi năm nội chiến từng ngày  
 Gia tài của mẹ để lại cho con  
 gia tài của mẹ là nước Việt buồn  
 Một ngàn năm nô lệ giặc Tàu  
 Một trăm năm đô hộ giặc Tây  
 Hai mươi năm nội chiến từng ngày  
 Gia tài của mẹ ruộng đồng khô khan  
 Gia tài của mẹ nhà cháy từng hàng  
 Gia tài của mẹ một rừng xương khô  
 Gia tài của mẹ một núi đầy mồ  
 Gia tài của mẹ một lũ bội tình ..*

(GIA TÀI CỦA MẸ)

Đã gọi là di-sản, thì được nhà cao cửa rộng ruộng cả ao liền xã hội thanh-bình cả nước hoa đăng... càng tốt. Còn nếu không, gia tài đã là của mẹ, thì dù có là . ruộng đồng khô khan, nhà cháy từng hàng, một rừng xương khô, một núi đầy mồ... cũng xin gơ hai tay mà đón nhận. Không phải nhận để rồi mà khóc than thương cho phận mình. Nhận đây là để làm cho khá hơn, trồng cây trên núi, trồng lại lúa trên vùng khai hoang — dù rằng muốn làm thế có phải làm từ đầu là dạy dỗ lại nhau từ đầu :

*Dậy cho con tiếng nói thật thà  
 Mẹ mong con chớ quên màu da  
 Con chớ quên màu da nước Việt xưa  
 Mẹ trông con mau bước về nhà  
 Mẹ mong con lữ con đường xa*

*Ôi lũ con cùng cha*

*Quên hận thù*

(GIA TÀI NGƯỜI MẸ đoạn kết)

Đã ý thức được thân phận mình như thế, đã tiếp nhận gia tài như thế, bây giờ nhìn vào chiến tranh, nhiều người trẻ đã thấy đây không phải là cuộc chiến của họ : bất quá đây chỉ là đấu trường thí thí cho hai ý thức hệ ngoại lai (ý thức hệ cộng sản và ý thức hệ tư bản), bất quá người Việt hai miền chỉ là những con tốt thí cho hai đế quốc trắng đỏ... Như vậy, không có lý do gì để họ cầm súng chiến đấu cả — dù là súng M1, M16 hay AK 50, B.40.

Nhưng dù muốn hay không, họ cũng đều phải cầm súng, không trở thành «giải phóng quân» đi «chống Mỹ cứu nước», thì cũng thành «chiến sĩ bảo vệ tiền đồn» cho cái vẫn thường được gọi là thế giới tự do. Và khi họ gục xuống trong rừng hay ruộng đồng, đô thị, người nữ của họ, nếu không chọn giải pháp thứ nhất như bài ca dao mới đã mô tả :

*Giả từ em anh đi trung sĩ  
 Em ở nhà lấy Mỹ nuôi con,  
 Bao giờ hết việc nước non  
 Anh về anh có Mỹ con anh bông.*

thì rất dễ tìm thấy «tình ca của người mất trí», ngỡ ngác nhìn đâu cũng thấy nơi người yêu mình đã gục xuống :

*Tôi có người yêu chết trận Pleimé  
 Tôi có người yêu ở chiến khu L chết  
 trận Đồng Soài,  
 chết ngoài Hà-nội, chết vội vàng dọc  
 theo biên giới.*

*Tôi có người yêu chết trận Chu Prong  
 Tôi có người yêu bỏ xác trôi sông,  
 chết ngoài ruộng đồng, chết rừng*



*mật mừng chót lạnh lòng, mình cháy  
như than.*

*Tôi có người yêu chết trận A Sao  
Tôi có người yêu nằm chết cong queo  
chết vào lòng đeo, chết cạnh găm cầu,  
chết ngẹn ngào mình không manh áo.  
Tôi có người yêu chết trận Ba-Gia  
Tôi có người yêu vừa chết đêm qua,  
chết thật tình cờ, chết chẳng hẹn hò,  
không hận thù, nằm chết như mơ*

(TÌNH CA CỦA NGƯỜI MẮT TRÍ)

Bắt đầu từ chặng này của cuộc hành trình, những người trẻ đó chỉ còn thể lên tiếng tuyên bố; như trong phần chót của bài ca trên :

*Tôi muốn yêu anh yêu Việt-Nam  
Ngày gió lớn tôi đi môi gọi thầm  
Gọi tên anh, tên Việt-nam,  
Gần nhau trong tiếng nói da vàng  
Tôi muốn yêu anh yêu Việt-nam  
Ngày mới lớn tai nghe quen đạn mìn  
Thừa đôi tay, dư làn môi,  
Từ này tôi quên hết tiếng người.*

Đó là một lời tuyên ngôn dịu dàng nhất và cũng minh bạch nhất : *Tôi muốn yêu anh yêu Việt-Nam*, chứ không phải «*tôi muốn yêu anh nước bạn đồng minh Hoa-Kỳ*», và cũng chẳng phải «*ôi muốn yêu anh nước anh em Trung-Xô*».

Tôi được nghe bài ca trên khi phụ trách huấn luyện quân sự cho sinh-viên Văn-khoa Saigon. Suốt nhiều buổi trưa, tôi ngồi trong một quán cà-phê gần trường, nghe đi nghe lại bản nhạc xót xa buồn thảm đầy chết đau thương ấy, tôi biết Trịnh Công Sơn đang đi vào tuyệt lộ dẫn tới lao tù, của cả hai chế độ Nam Bắc Việt-Nam. Làm sao các cán-bộ chính ủy cao đảng Lao-Động chịu

nổi một bài ca như thế. Cán binh của họ mà nghe, sẽ xúc động, sẽ ý thức được thân phận tốt thì, sẽ yêu thương người Việt da vàng với nhau, thì còn gì là «*chính nghĩa chống Mỹ cứu nước*» nữa. Họ mà bắt được Trịnh Công Sơn, hẳn không tiếc gì không cho Sơn một đường mã tấu, tặng anh một cái «*chết rừng mật mừng, chết chẳng hẹn hò, không hận thù nằm chết như mơ*».

Còn đối với miền Nam, anh còn dễ nguy hơn. Bởi vì ở miền Nam có một thành phần rất sợ hòa bình — bất cứ hòa bình kiểu gì và bất kể từ đâu tới ! Lý do bởi vì quyền lợi và danh vọng hiện tại của họ xây dựng trên căn bản là trục lợi chiến tranh, đấu thầu cuộc chiến. Kêu gọi tới tình tự dân tộc, tới hòa bình, kể như lay động tới nền tảng quyền lợi của họ rồi. Chính thành phần này từ đã bao năm hô hào chiến đấu chống cộng bằng mồm (hô hào mọi người thôi, còn thân họ thì không bao giờ dám đưa ra gần nơi lửa đạn, và con cái họ đều được trốn lính hợp pháp để du học bên Mỹ, bên Âu), chính những người này bao giờ cũng muốn chính quyền bắt bỏ tù, cho đi hải đảo bất cứ ai muốn khơi dậy, đề cao tình tự làm người Việt-Nam...

Và tất nhiên là Trịnh công Sơn không thoát được số phận của mình. Các biện pháp nặng nhẹ đủ loại đã được đưa ra áp dụng cho con người hiền lành dễ thương nhất của Tuyệt tình cốc, nhưng không đưa được anh tới lao tù đầy ải : quá nhiều người Việt đã lên đường vào cuộc hành trình làm người Việt-nam, và không ai nở để con người thơ sinh giản dị, tối ôm đàn đi hát, khuya về ngủ trên ghế bố của căn nhà gỗ Hội Hòa sĩ Trẻ trên



thêm Khám Lớn xưa, phải chịu đọa đầy hay thủ tiêu từ từ trong chuồng cọp.

Vẫn được tự do dù là thứ tự do hạn chế, anh vẫn làm nhạc : cuộc hành trình vẫn tiếp tục Lần cuối cùng gặp nhau trước khi Trịnh Công Sơn trở về Huế, trong căn gác xếp mưa dột đầy một góc, ngồi trên chiếc rách, anh có hỏi tôi : Khi đất nước thanh bình, bạn bè hai bên trở về, sẽ ra sao nhỉ ? Tôi không thể trả lời câu hỏi ấy, nhưng tôi biết khi thanh bình, tôi sẽ làm gì. Tôi sẽ ra Huế, kiếm Trịnh Công Sơn, và sẽ rủ anh làm như trong một bản nhạc anh đã đặt tên "Tôi sẽ đi thăm».

*Khi đất nước tôi thanh bình, tôi sẽ đi thăm*

*Tôi sẽ đi thăm một phố đầy hầm,  
Đi thăm một con đường nhiều hố.  
Khi đất nước tôi thanh bình  
Tôi sẽ đi thăm cầu gãy vì mìn,*

*đi thăm hầm chông và mìn tẩu*

*Khi đất nước tôi không còn giết nhau*

*Trẻ con đi hát đồng dao ngoài đường*

*Khi đất nước tôi thanh bình*

*Tôi sẽ đi không ngừng,*

*Sài-gòn ra Trung, Hà-nội vô nam*

*Tôi đi chung cuộc mừng và mong sẽ quên  
chuyện non nước mình*

*Đi chung cuộc mừng và quên chuyện non nước mình... Tới đây có lẽ mới là tận cùng của cuộc hành-trình làm người Việt-nam, và có lẽ cũng tới đây Sơn và tôi mới hi vọng sẽ chỉ còn một việc là : làm tình ca và viết chuyện tình rất viễn mơ. Dĩ nhiên là với điều kiện lúc đó phải quên được :*

*« Khi đất nước tôi không còn chiến tranh*

*Bạn bè mấy đứa vừa xanh nắm mồ...»*

THẾ-UYÊN

# ACTIVIT

THUỐC TRỊ LAO LỰC, BỒ MÁU, BỔ PHỐI  
BỒI BỔ CƠ THỂ  
CÓ CHẤT GAN BÒ TƯƠI CỦA HÒA-LAN

Mời phát hành :

**THƠ MINH VIÊN** của MINH VIÊN

Gồm : Mưa vào tâm sự và Đêm Việt - Nam

Địa-chỉ giao dịch : Nhà xuất bản HÒA MÃ

53 Cao Thắng — Saigon (Bản-Cờ)



## Sách mới

Tạp-chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn nhà xuất bản Văn-nghệ đã gửi tặng trọn bộ các tác phẩm của nhà văn tiền-chiến nổi danh Khái-Hưng do nhà Văn-nghệ ấn hành gồm những sách sau đây :

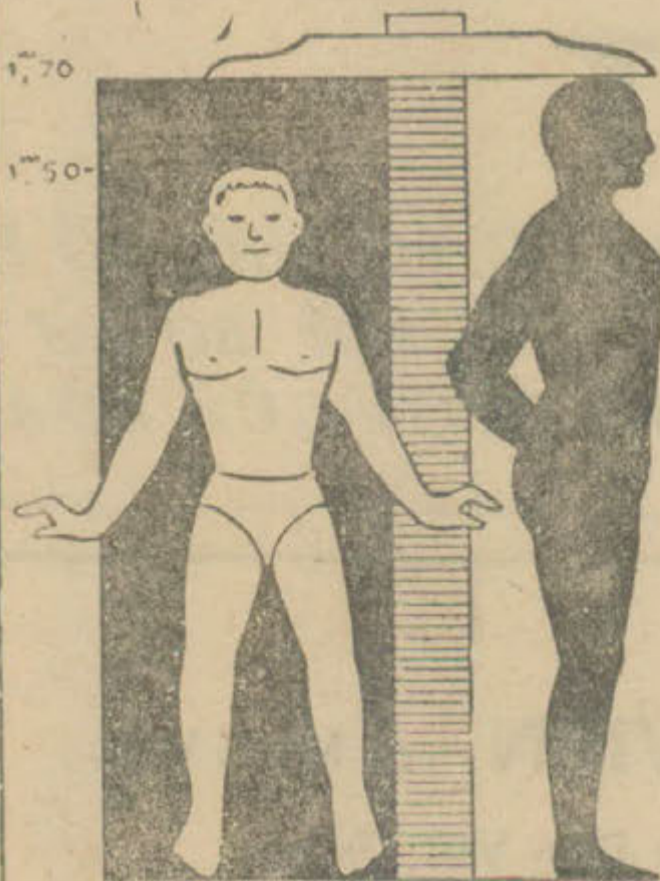
- Nửa Chừng Xuân      Giá 170đ
- Hồn Bướm Mơ Tiên      Giá 70đ
- Thoát Ly      Giá 100đ
- Thừa Tự      Giá 100đ
- Đẹp      Giá 100đ
- Trống Mái      Giá 150đ
- Gia đình      Giá 210đ

- Bản khoán      Giá 110đ
- Độ Mù Lệnh      Giá 90đ
- Số Đào Hoa      Giá 80đ
- Những Ngày Vui      Giá 65đ
- Tiếng Suối Reo      Giá 75đ
- Hạnh      Giá 65đ
- Cái Ve      Giá 90đ
- Dọc Đường Gió Bụi      Giá 80đ
- Đợi chờ      Giá 75đ
- Tiêu sơn tráng sĩ      Giá 170đ.
- Tục lụy (kịch)      Giá 70đ
- Đồng bệnh (kịch)      Giá 80đ

và 9 cuốn sách hồng Khái-Hưng mỗi cuốn khổ 12x19, dày 24 trang, giá 16đ

# Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ  
C - D - PP - B2 - B6 - B12



LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

- CON NIT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG .
- YẾU PHÔI .
- MỆT MỎI .

S6 KN 18 MBYT/QCPD



# Chính - thể Cộng - sản Cuba năm thứ XII

Năm thứ 12 của chính thể Cộng-sản tại Cuba được đánh dấu bằng một sự thất bại nặng nề khiến nhiều người tự hỏi không biết Fidel Castro còn có thể ở lại chính quyền bao lâu nữa. Thật vậy ngày 26-7-1970 vừa qua, nhân dịp lễ kỷ niệm năm thứ 17 ngày Fidel Castro bắt đầu nổi dậy chống lại chính phủ Batista, chính Fidel Castro đã phải tuyên bố trong một bài, diễn-văn dài ba tiếng đồng hồ, rằng chính-thể của ông đã thất bại trong chính-sách kinh-tế. Mục-tiêu sản xuất 10 triệu tấn đường hàng năm chưa thực hiện được. Vì vậy Fidel Castro yêu cầu dân chúng cho ông từ chức. Nhưng mọi người tham dự buổi lễ đều «đồng thanh» yêu cầu ông ở lại chính-quyền để tiếp tục lãnh-đạo Cuba. Castro đã chấp nhận thỉnh nguyện này với điều-kiện là ông được quyền hy sinh 10 cái đầu của những người thuộc phe đối lập hay những người đã không hoàn tất được nhiệm-vụ. Francisco Padron, Tổng - trưởng Bộ Kỹ-nghệ đường đã là nạn nhân đầu tiên của điều kiện này, Castro cách chức ông vì ông đã không thực hiện được mục-tiêu 10 triệu tấn đường mà Fidel Castro đã hứa với dân chúng.

Tấn hài-kịch này thật ra đã phản-ánh tất cả những khó khăn mà Thủ-

tướng Cuba, Fidel Castro, phải vật lộn trong hơn mười năm cầm quyền. Khi cướp chính quyền, Fidel Castro và đảng của ông chỉ nhằm mục đích chính là chấm dứt nền độc-tài của Batista và chính sách đế-quốc kinh-tế của Mỹ mà thôi. Nhưng thời cơ đã đẩy dần Castro vào tay của Cộng-sản. Tuy đang ở trong vòng lệ thuộc của Cộng-sản nhưng Fidel Castro cũng cố vùng vẫy để có một chính-sách độc lập. Vì Fidel Castro muốn tạo cho chủ-nghĩa Cộng-sản của mình một nét độc đáo và thành lập một hệ-phái Cộng-sản mới. Tuy nhiên, với một cuộc Cách-mạng lộn xộn, thiếu tổ chức, hiện thời Fidel Castro khó có thể tránh được những thất bại nặng nề mà sự dàn cảnh ngày 26-7 không che dấu nổi.

## Từ đế-quốc kinh-tế Mỹ tới ảnh-hưởng kinh-tế Nga

Bắt đầu từ năm 1899, khi Hoa-kỳ dành lại được Cuba của Tây-ban-nha, xứ này đã trở nên một thuộc-địa trá hình của phe tài-phiệt Mỹ. Thật vậy, những người chủ-trương bành-trướng ảnh-hưởng Mỹ vào cuối thế-kỷ thứ 19 chỉ đợi dịp là chiếm thị-trường Cuba. Năm 1895 Tây-ban-nha gửi sang Cuba một viên Thống-đốc hết sức nhiệt-ngã và hà-khắc tên



là Valeriano Weyler y Nicolau và được dân chúng mệnh-danh là tên «đồ tề». Dân chúng Cuba căm phẫn nổi loạn khiến chính-phủ Madrid phải thay thế Weyler vào năm 1897. Nhưng biện-pháp này đã tới quá muộn khiến cho tình-hình không cứu vãn nổi. Hoa-kỳ được dịp nhảy vào vòng chiến, đánh bại quân đội Tây-ban nha vào năm 1898. Hòa-ước Mỹ-Tây-ban-nha ký tại Paris ngày 10-12-1898 đã trao chủ-quyền cho Hoa-kỳ tại Cuba. Bắt đầu từ đó Hoa-kỳ đặt nền thống-trị kinh-tế trên lãnh-thổ Cuba.

Nếu từ năm 1899 tới năm 1959, Cuba có một chính-phủ tự-trị thì quyền kinh-tế tại Cuba đều nằm trong tay của nhóm tư-bản Mỹ. Ngoài ra Hiến-pháp Cuba năm 1901 còn cho phép quân-đội Mỹ quyền can thiệp để bảo vệ nền độc lập của nước này. Trong suốt 60 năm trời nền kinh-tế Cuba được tổ-chức để cung cấp cho nhu-cầu của Hoa-kỳ. Công-ty Mỹ United Fruit đã trở thành một quốc - gia trong một quốc - gia. Các lãnh-tụ chính-trị của Cuba đều chỉ là những tay sai ngoan ngoãn trong tay công-ty United Fruit. Mọi hoạt động kinh-tế của Cuba đều nhằm mục đích sản - xuất các sản-phẩm thiên-nhiên. La Havane, thủ-đô của Cuba, đã trở nên trù phú, tân tiến, được trang bị những khách sạn vĩ-đại. Nhưng mọi hoạt-động của thành phố đều hướng về sự thỏa-mãn nhu-cầu giải trí cho các doanh nhân Mỹ vắng lai.

Đời sống chính-trị của Cuba trong giai-đoạn này luôn luôn ở trong tình-trạng bất ổn. Các cuộc đảo-chánh và cách-mạng luôn luôn bùng nổ và chỉ bị đàn áp khi quân đội Hoa-kỳ can thiệp. Năm 1933 một cuộc đảo chính, mệnh danh là «cuộc đảo chính của 6 Trung sĩ» do

Trung-sĩ Fulgencio Batista y Zaldivar hướng dẫn đã chiếm được chính quyền. Từ đó Batista trở thành Đại-tá Batista và chi phối đời sống chính trị Cuba bằng cách nhảy ra làm Tổng-thống hay đưa tay sai của mình ra đảm nhiệm chức-vụ này. Batista cộng tác mật thiết với nhóm tư bản Hoa-kỳ và dần dần trở thành nhà đệ-nhất địa-chủ tại Cuba.

Tháng 7-1953 một luật-sư trẻ tuổi tên là Fidel Castro đã khởi loạn và tấn công các trại lính tại Santiago de Cuba. Bị thất bại, Castro bị bắt giam và sau đó được phóng thích. Ngay sau khi được trả tự-do, Castro đã tiếp tục chiến đấu cho tới tháng 1-1959 mới chiếm được chính quyền.

Chính-thề của Castro và các «đồng chí râu sòm» của ông đã cố gắng giành lại chủ-quyền kinh-tế. Chính-sách cải-cách điền-địa và cấp phát ruộng đất cho dân quê của Fidel Castro đã vấp phải sức chống đối vô cùng mạnh mẽ của Hoa-kỳ vì các công-dân Mỹ đã làm chủ tới 800.000 mẫu tây. Vì quyền lợi của Mỹ bị đe dọa nên chính phủ Hoa-thịnh-đốn, ngay từ lúc đầu, đã có một thái độ. Vào tháng 3-1960 khi một chiếc tàu của Pháp chở vũ khí bị nổ ở hải-cảng La Havane, Chính-phủ Cuba đã lớn tiếng tố cáo Mỹ chủ mưu trong vụ này. Sau khi đã cực lực cải chính những lời tố cáo của Cuba, Tổng-thống Eisenhower xin Quốc-hội quền đình-chỉ đạo luật về đường năm 1934 (Sugar Act). Theo đạo luật này Hoa-kỳ phải mua vào năm 1960 khoảng 3 triệu tấn đường của Cuba. Đình chỉ luật 1934, tức là Hoa-kỳ đã ngưng mua đường của Cuba và đây là một đòn kinh-tế vô cùng nặng nề cho Cuba. Sau đó vào tháng 10-1960 chính phủ Hoa



kỳ lại còn ra lệnh cấm xuất cảng mọi hàng hóa sang Cuba để trả đũa các quyết định tịch thu tài-sản ngoại-kiểu của chính-phủ La Havane. Những tài sản của Mỹ bị tịch thu tại Cuba trị giá tới một tỷ năm trăm triệu Mỹ-kim gồm các nhà máy lọc đường, 2 nhà máy lọc dầu, các công-ty Cuban Electric và Cuban Telephone và 3 ngân-hàng.

Song song với tình trạng căng thẳng trong bang giao Mỹ-Cuba, liên lạc giữa Cuba và các quốc gia thuộc khối Cộng-sản càng ngày càng thêm chặt chẽ. Những biện-pháp dân-chủ-hóa của Fidel Castro đã quá vội vã và vụng về mà thái độ của Hoa kỳ lại bất thông-cảm nên hai quốc-gia này đã đi tới một cuộc đụng độ mỗi ngày một trầm trọng. Tuy Fidel Castro nhiều lần đề-nghị thương thuyết với chính phủ Hoa-thịnh-đốn để đi tìm một lối thoát, nhưng vì Hoa-kỳ từ xưa tới nay chưa hề gặp một chính-sách chống đối tại Mỹ-châu la-tinh nên đã ra điều-kiện là chỉ thương thuyết nếu Fidel Castro hủy bỏ mọi biện-pháp đã làm thiệt hại tới quyền lợi của Hoa-Kỳ. Do đó bang giao giữa hai nước không tránh khỏi sự đổ vỡ. Không sống được với Hoa-kỳ, Cuba đành phải quay sang cầu cứu phe Cộng-sản. Phe Cộng-sản chỉ chờ dịp là nhảy vào chính-trường Mỹ-châu. Nay thấy Cuba quay về phía họ, Nga, Trung-Cộng và các quốc-gia Cộng sản khác vội vã đáp ứng những đòi hỏi của Cuba, hy vọng biến nước này thành một đầu cầu tại Mỹ-châu ở ngay ngưỡng cửa của Hoa-kỳ. Ngay từ tháng 1-1960, Phó Thủ-tướng Nga Mikoyan đã sang thăm Cuba, nối lại liên lạc ngoại-giao bị gián-đoạn vào năm 1952. Trong cuộc viếng thăm này Nga đã

ký với Cuba nhiều thỏa-ước để mua đường của Cuba, cho vay tiền và cung cấp viện trợ kỹ-thuật cho Cuba. Sau đó Cuba đã ký một loạt thỏa-ước tương tự với Ba-lan, Tiệp-khắc, Đông-Đức và Trung-Cộng. Hiện thời nhờ có sự trợ giúp của Nga mà kinh-tế Cuba còn có thể hoạt động được. Mỗi năm Nga mua của Cuba 5 tấn đường với một giá cao gấp đôi giá trên thị-trường quốc-tế, 6 cents Mỹ một cân Anh. Giao-thương với Nga chiếm 2/3 tổng số ngoại thương của Cuba. Tại bãi-cảng La Havane, người ta chỉ còn thấy tàu của Nga và một vài chiếc của các quốc gia Cộng-sản mà thôi. Ngoài ra Nga còn cung cấp cho Cuba xe vận tải, máy cày, nhà máy, phi cơ v...v... Hiện thời Cuba nợ của Nga 2 tỷ Mỹ-kim và nợ các nước Cộng-sản khác 200 triệu Mỹ-kim.

Muốn ra khỏi Đế-quốc kinh-tế của Hoa-kỳ, Cuba đã không làm gì hơn là rơi vào vòng ảnh-hưởng kinh-tế của Nga. Với một vai trò kinh-tế quan trọng tại Cuba, Nga đã lôi cuốn nước này vào khối Cộng sản. Ngày 2-12-1961 Castro đã tuyên bố rằng Cuba là một nước Cộng-sản. Tuy nhận mình là một người theo chủ nghĩa Mác-Lê nhưng Castro cũng cố gắng giới hạn ảnh hưởng chính trị của Nga. Không theo Mỹ, nhưng một Castro cộng-sản cũng không chịu chấp nhận qui-chế chư-hầu của Nga. Castro là một người Cộng-sản nhưng muốn thiết lập một hệ phái Cộng sản riêng, một chủ-nghĩa Cộng sản đặc biệt mà nhiều người gọi là Cộng-sản lãng-mạn.

### **Chủ-nghĩa Cộng-sản lãng-mạn của Fidel Castro**

Fidel Castro đã từng tuyên-bố là cuộc



Cách-mạng của dân-tộc Cuba sẽ không bao giờ đặt Cuba vào hàng chư hầu của bất cứ một quốc-gia nào khác. Vì vậy Nga-sô không có hy-vọng thống-trị Cuba, dùng nước này làm bàn đạp cho bước tiến của phong-trào Cộng-sản vào lục-địa Mỹ-châu. Cộng-sản Cuba hoàn toàn khác với Cộng-sản Nga. Trước hết, cuộc Cách-mạng Cuba đã bùng nổ trong một hoàn cảnh khác hẳn với cuộc Cách-mạng Nga năm 1917. Nga lúc đó là một quốc-gia độc-lập đang bị sa lầy trong cuộc chiến-tranh chống Đức xâm-lăng. Đảng Cộng-sản Nga do Lénine lãnh-đạo đã lợi dụng sự mệt mỏi của quân-đội để lật đổ đế-chế. Những người mác-xít đã dựa vào giai-cấp vô-sản của đô-thị St. Pétrograd để thành công. Hậu-thuần của nông-dân là một điểm mà Nhà nước Nga-sô không bao giờ nắm được. Giai-cấp nông dân tại Nga luôn luôn là một nọa-lực làm cản trở bước tiến của Cộng sản chủ-nghĩa. Ngược lại tại Cuba, Cách mạng bắt nguồn từ nông thôn và không do các người mác-xít lãnh đạo. Fidel Castro chỉ trở thành Cộng-sản sau khi bị Hoa-kỳ dùng các biện-pháp chế-tài để trừng-phạt Cuba phạm tới quyền lợi của người Mỹ. Trong khi một "nhà cách-mạng chuyên-nghiệp Nga" kiểu Lénine phải thích-ứng với thời-cuộc, phải biết suy tính thì một nhà cách-mạng Cuba lại hoạt động với bất cứ giá nào, miễn là hoạt động. Phương châm của các nhà cách-mạng Cuba là «Chúng ta hãy xuống đường dù chúng ta có bị giết chết».

Người ta thường kể rằng lần đầu tiên Cuba gửi phái-đoàn sang thăm viếng chính-thức Nga-sô, khi tới ga xe lửa mặc-tư-khoa các lãnh-tụ Cuba râu xồm xoàm, cổ đeo đàn lục-huyền-cầm, vừa

bước chân trên tàu xuống vừa ca hát ; nh ỏi : « Chúng ta là những người theo Chủ-nghĩa Xã-hội ». Trong khi các nhân vật cao cấp Nga đều là những người trịnh trọng tóc đã bạc trắng. Khi Krouchtchev gặp Kennedy tại thủ-đô Vienne của Áo, ông đã gọi Fidel Castro là « một người lãng mạn thiếu lập trường ». Ngược lại chính-thề Cộng-sản lãng-mạn Cuba tự coi mình thuộc phe cực tả của phong trào Cộng-sản thế-giới và không ngớt chỉ-trích Nga là trưởng-giả-hóa, là hữu-khuynh. Armando Hart, Tổng Thư-ký Cộng-đảng Cuba, đã tuyên bố rằng « những cải-tổ kinh-tế của Lieberman và Trapenikov nhằm tái lập tư lợi là đi ngược lại với giáo-dục Cộng-sản.»

Ngoài Nga-sô ra, Trung-Cộng cũng muốn lợi dụng sự hiện-hữu của một chính-thề Cộng-sản tại Cuba để mở đường xâm nhập vào Mỹ-châu. Cũng như Nga-sô Trung Cộng đã cố gắng gửi chuyên-viên sang Cuba. Nhưng các chuyên-viên Trung-Cộng, ngoài những công-tác có tính cách kỹ-thuật, còn được phụ trách công việc tuyên truyền và phổ-biến tư-tưởng của Mao-Trạch-Đông trên lãnh-hồ Cuba.

Vì Fidel Castro muốn Cuba là một «cực» thứ ba của phong-trào Cộng-sản thế-giới nên chính-phủ La Havane cố gắng có một đường lối riêng biệt không theo Nga, cũng không theo Trung Cộng. Nếu trách Nga là khuynh hữu thì Cuba cũng chê Trung Cộng là khuynh tả. Castro muốn Cuba trở thành một kiểu-mẫu của Cách-mạng vô-sản tại các quốc-gia khiếm khai. «Che» Guevara, một trong những phụ-tá của Castro, đã thực hiện các tư-tưởng của Castro



bằng cách rời bỏ chính-quyền tại La Havane để đi truyền giáo trên khắp lục-địa Nam Mỹ.

Đường lối của Cuba đã làm cho cả Mạc-tư-khoa lẫn Bắc-kinh phải e ngại và cả hai đều cố gắng lôi cuốn Castro vào vòng ảnh hưởng của mình. Trong cuộc tranh chấp Nga-Hoa, Fidel Castro đã là một trong những lãnh tụ Cộng-sản được cả Nga và Trung Cộng ve vãn nhiều nhất. Từ tháng 4 tới tháng 6-1963 Castro sang Nga và ông đã tỏ ra hết sức dè dặt trước chiến dịch chống Trung Cộng của Krouchtchev. Mãi vào giai-đoạn cuối cùng của cuộc công du này, Castro vì cần sự trợ giúp của Nga trong lãnh vực kinh-tế nên mới quyết định ủng hộ chính-sách «sống chung hòa-bình» của Krouchtchev. Ngoài ra chính-sách sống chung hòa-bình giữa Nga-Mỹ đã làm cho Castro vô cùng thất vọng. Thật vậy, chỉ vì không muốn đụng độ với Mỹ mà Nga đã phải đề yên cho Mỹ đổ bộ tại «Vịnh con Heo» tháng 4-1961 và phải rút hỏa-tiến khỏi Cuba vào tháng 10-1962 khi cố Tổng-thống Mỹ J. F. Kennedy dọa làm dữ.

Nếu Castro thất vọng vì thái độ mềm yếu của Nga đối với Hoa-kỳ thì Nga cũng phiền trách Castro không kém. Castro không không thừa nhận ba-quyền của Nga mà còn cố gắng loại bỏ những phần-tử thân Nga khỏi hàng ngũ đảng Cộng-sản Cuba. Nhiều hành động của chính-phủ Cuba đã bị Nga coi như là có tính cách bất thân thiện. Tháng 10-1967 cả Tổng-thống Cuba, Dorticos, lẫn Thủ-Tướng, Castro, không đích thân sang tham dự lễ kỷ-niệm năm thứ 50 của cuộc Cách-mạng Nga. Vào tháng 2-1968 một cuộc khủng-hoảng trầm trọng hơn

nữa đã xảy ra trong bang-giao giữa Cuba và Nga. Castro đã ra lệnh bắt giam và giải tòa 36 đảng viên lão thành của Cộng đảng Cuba vì tội đã «tổ chức một hệ-thống gián-điệp». Những hoạt động gián-điệp này thật ra chỉ là những giao-thiệp quá chặt chẽ với viên đệ-nhi tham-vụ Tòa Đại-sứ Nga Chliapnikov và với phóng viên tờ báo Nga Izvestia tên là Lestov mà thôi. Anibal Escalante, một lãnh-tụ Cộng sản Cuba, có dính líu vào vụ này, cũng bị kết án 15 năm tù ở. Tháng 1-1963 Castro, trong một bài tuyên-bố với Claude Julien, còn dọa «đắm» Krouchtchev.

Trước thái độ bướng bỉnh của Castro Nga không còn dám có một hành động can thiệp nào quá lộ liễu nữa vì chỉ một áp lực nhỏ của Mạc-tư-khoa cũng đủ để cho Fidel Castro lớn tiếng kêu gọi «dư-luận Cộng-sản thế-giới.»

Tại Cuba, Trung-Cộng cũng không gặp may mắn hơn Nga. Năm 1966 trước ảnh hưởng của Trung Cộng mỗi ngày một mạnh, Fidel Castro đã quyết định chặn đứng các mưu toan của Bắc-kinh bằng một chiến dịch bài Trung-Cộng hết sức mạnh mẽ. Tờ báo Granma đã loan tin trong suốt cả một trang đầu vụ «chính-phủ Trung-hoa phản bội sự tin cậy của dân-tộc Cuba» Trung-Cộng, ngay sau đó, đã phản-úg lại bằng cách ngưng viện-trợ gạo cho Cuba. Trung-Cộng còn gặp một khó khăn khác trong việc can thiệp tại Cuba là khoảng cách địa-dur. Vì Trung Cộng không được quyền thông thương trên kinh Panama của Mỹ nên các tàu bè của họ đều phải qua mỏm Terre de Feu rất tốn kém. Trong điều-kiện này Trung-Cộng khó có thể tăng viện-trợ cho Cuba được.



Vì biết không biến nổi Cuba thành chư hầu ngoan ngoãn của họ mà cả Nga-sô lẫn Trung Cộng đã trở nên hờ hững hơn đối với Cuba. Thiếu sự ủng hộ tích cực của hai nước Cộng-sản lớn nhất và đồng thời đối nghịch với Hoa-kỳ, Cuba của Fidel Castro không sao thoát khỏi những khó khăn đưa nước này tới thất bại hiện thời. Thất bại này lại càng khó tránh nổi khi mà chủ nghĩa Cộng-sản lãng-mạn của Fidel Castro và các lãnh tụ Cuba lại mở màn cho một cuộc Cách-mạng vô tổ-chức.

### Một cuộc Cách-mạng vô tổ-chức

Nhìn vào cuộc Cách-mạng Cuba người ta không khỏi ngạc nhiên trước một tình trạng hết sức lộn xộn và vô tổ-chức. Chính tình cách lộn xộn và vô tổ-chức này đã là nguyên nhân trọng yếu của sự thất bại hiện thời. Thật vậy, người ta có cảm tưởng rằng dân Cuba được những bài diễn-văn tràn-giang đại-hải dài hàng giờ của Castro khuyến-khích, luôn luôn tỏ ra có nhiệt tâm để làm việc càng nhiều càng tốt, càng tăng gia sản-xuất càng hay. Nhưng những nỗ lực đáng ca ngợi này thiếu phối-hợp, thiếu kế-hoạch nên đã bị lãng-phi rất nhiều. Trước hết là cách làm việc của chính

Fidel Castro. Người ta luôn luôn thấy ông đi từ đầu đến cuối đảo Cuba bằng trực-thăng hay bằng xe Jeep. Hành-lý của ông chỉ vờ vện có một chiếc bàn trải đánh răng. Ông thích theo dõi tại chỗ công việc làm của công nhân, trò chuyện với dân chúng hơn là ngồi tại văn-phòng để đọc hồ-sơ. Nhiều lúc, để giải-quyết các vấn-đề quan-trọng, các Tổng-trưởng trong nội-các cũng không biết ông ở đâu mà tìm. Nếu một đôi khi ông chịu ngồi làm việc tại văn-phòng thì tại nơi này gà vịt chạy qua chạy lại, phóng uế bừa bãi.

Cuba là một nước độc-tài không có tự-do báo-chí. Cảnh-sát theo sát các hành động dân chúng hầu đàn áp các phần tử chống đối. Tố-cáo lẫn nhau trở thành một định-chế của nhà nước Cộng-sản Cuba. Nhưng trong nhiều trường-hợp công-bằng xã-hội lại được thiết-lập. Kỳ-thị chủng-tộc giữa da trắng và da đen giờ đây đã biến hẳn khỏi đời sống quốc-gia. Nhưng nhiều người da đen, tuy hài lòng về thành tích này của Cách-mạng, lại cho rằng chỉ vì Cách-mạng mà họ trở thành túng thiếu, đói rách.

Vì những khó khăn không vượt nổi trong guồng máy sản xuất, sự tiêu

## CHIA BUỒN

*Được tin nhạc phụ của bạn Hồ-Đặng-Yên, tòng sự tại Phủ Thủ-tướng, là Cụ HOÀNG TRỌNG TÂN đã tạ thế ngày 12-7-70,*

*xin trân trọng chia buồn cùng bạn Hồ-Đặng-Yên và tang quyến và cầu chúc hương hồn Cụ sớm tiêu diêu miền Cực-lạc.*

VŨ-HẠNH



thụ các sản phẩm vật chất đều bị giới hạn. Mỗi người chỉ được phát có 8 miếng bít-tết, 15 quả trứng, 3 ký đường 1,5 cân Anh đậu, 170 cà-ram cà-phê một tháng. Cũng trong khoảng thời gian này, mỗi gia-đình được quyền sử dụng 1 bánh xà phòng, 1 ống thuốc đánh răng và một cuộn giấy vệ sinh. Nhưng đồng thời dân Cuba lại được sử dụng miễn phí điện-thoại, nước, điện, hơi đun bếp và các phương tiện chuyên-chở công-cộng. Ngoài ra, trừ thủ-đô La Havane ra, tiền thuê nhà ở các nơi khác bị loại bỏ. Chính-phủ đã xây những khu chung-cur đồ sộ có đủ tiện-nghi và đồ đạc cho dân ở không. Tại khu chung-cur ở Vado del Yeso không những người ta cấp không cho dân chúng 500 căn nhà mà mỗi người được cấp phát nhà còn được chính-phủ tặng quà... một hộp bao nhựa để ngừa thai (!). Đến tận 16 tuổi, trẻ con Cuba được chính-phủ nuôi nấng và cho ăn mặc không mất tiền. Tuy Cuba là một quốc-gia có một đời sống khắc-khổ nhưng chính-phủ đã mua 500 chiếc xe hơi hiệu Alfa. Roméo sang trọng của Ý để phát cho các bạn bè của Thủ-tướng dùng trong khi thi-hành công vụ cũng như tư vụ.

Một trường hợp mâu thuẫn khác còn xảy ra trong vấn-đề nhân dụng là Cuba thiếu những nhân công chuyên-nghiệp, thiếu các chuyên-viên có khả năng. Vì vậy mà những lao công không chuyên môn đã được nâng lên hàng kỹ-thuật-gia để được phụ-trách những công-tác hết sức tế-nhi. Tại một nhà máy đường lớn, nhân viên phụ-trách lò nấu đường chỉ được huấn luyện trong vòng có 12 ngày. Trong khi đó khoảng

650.000 người, mà số lớn là trí-thức, được phép rời Cuba sang lưu vong ở Hoa-kỳ, Mễ-tây-cơ hay Tây-ban-nha. Mỗi tuần một lần, một chiếc phi cơ đầy hành khách rời phi-trường Varadero để đưa người tỵ nạn chính-trị đi ngoại quốc.

Cho tới cái chết của «Che» Guevara cũng là một mâu-thuẫn của chính-thề Cộng-sản của Castro. Thay vì là ở lại Cuba để củng cố chính-thề Cộng-sản mới được thành lập, Guevara đã ra đi để quảng bá tư-tưởng cách-mạng kiểu Castro trên toàn thể lục-địa Mỹ-châu la-tinh. Đó là một công việc không thực-tế và Guevara đã bị hạ sát mà không thành công trong mưu toan tổ chức các cuộc nổi dậy. Hơn nữa cái chết của «Che» Guevara chỉ chứng minh sự bất lực của Cuba trong các cố gắng tạo vết dầu loang cách-mạng ở Mỹ-châu mà thôi.

oOo

Những thất bại của Fidel Castro tại Cuba bắt nguồn từ các cơ - cấu của chính quyền tại nước này. Tuy tự nhận là Cộng-sản, nhưng Castro không có một ý-thức-hệ Cộng-sản. Tuy muốn sống chung với Mỹ, nhưng Castro vẫn phải dùng những biện-pháp làm phương hại tới quyền lợi của nhóm tài-phiệt Mỹ, để có được hậu thuẫn của nhân dân Cuba. Tuy phải cầu cứu phe Cộng-sản để tồn tại, nhưng Castro cũng không thể trở thành một chư-hầu dễ bảo của Nga-sô hay Trung-Cộng. Cảnh tượng một Cộng-sản nhỏ bé ở ngay ngưỡng cửa một quốc - gia lãnh-đạo phe tư - bản



tượng trưng cho tính chất mâu thuẫn và tế-nhị của chế-độ Cộng-sản Cuba. Với những điều - kiện khó khăn như vậy mà Cuba còn tồn tại tới ngày nay thật là một phép lạ. Muốn ra khỏi tình-trạng cô-lập hiện thời, có lẽ Castro, trong tương lai sẽ nhích lại gần Mỹ và

các quốc gia Mỹ-châu khác. Một chính sách như vậy sẽ chỉ có thể thực-hiện được, nếu Hoa-kỳ tỏ thiện chí từ bỏ mọi tham vọng đế-quốc kinh tế và nếu chính-thề Castro giảm bớt thanh-niên-tính và những tự-ái vô ích.

TỪ-TRÍ

## TIN BUỒN

Được tin trẽ anh NGHÊ-TH ỆN tục gọi LÍ LÁ đã qua đời tại Phan-rang, chúng tôi xin chia buồn cùng mẹ : bà quả phụ Nghê-Khánh, chị, các cháu Nghê-Giác, Nghê-Đáo, Nghê-Thị-Hoa, Nghê-Thi, cùng các anh chị : Nghê-Thị-Hương, Nghê-Kim-Chi, Nghê-Thị-Xá, Nghê-Cộng-Hòa, Nghê-Thị-Ngọt, Nghê-Thị-Thanh, Nghê-Thị-Như, và Nghê-Nhà-Í.

Xin cầu chúc hương hồn người con trai vùng núi Cú hòn Bà bỏ quê hương và lập được sự nghiệp nơi quê người sớm về miền thanh thản.

Ngư Í NGUYỄN-HỮU-NGƯ (Ngê-Bá-Lí)  
Tâm-Canh LÊ-THANH-THAI (Lê-Thanh-Cảnh)

Lần đầu tiên TẠ-TỴ điềm

10 KHUÔN MẶT VĂN NGHỆ tiền chiến và hôm nay

\* Đọc 10 KHUÔN MẶT VĂN NGHỆ của TẠ TỴ đề biết :

- VĂN CAO, NGUYỄN TUÂN, NGUYỄN BÌNH đã sống ra sao trong thời Tiền Chiến và Kháng Chiến ?
- ĐINH HÙNG, VŨ HOÀNG CHƯƠNG có liên hệ sự nghiệp và tình cảm gì với nhau ?
- Có gì khác biệt giữa SƠN NAM và LĂNG NHÂN trong đời sống và văn chương ?
- Trong trường hợp nào VŨ BẰNG viết " 40 năm nói láo " ?
- MAI THẢO, NGUYỄN SA đã viết văn, làm thơ như thế nào ?

\* 10 KHUÔN MẶT VĂN NGHỆ của TẠ TỴ thuộc loại sách quý, ấn bản hạn chế, biên soạn công phu, trình bày và ấn loát mỹ thuật, với đầy đủ chân dung và thủ bút của mỗi Văn nhân, Thi sĩ.

★ 10 KHUÔN MẶT VĂN NGHỆ là cuốn sách không thể thiếu trong tủ sách bề thế của các bạn yêu Văn Chương.

ĐÃ PHÁT HÀNH TOÀN QUỐC — Giá Phổ thông : 300 đồng.



# Đạo Phật Ngày Mai

của NHẤT HẠNH

- \* Một cuốn sách khiến Phật tử thao thức mất ngủ
- \* Một gáo nước lạnh dội vào cái tự hào tự phụ của người Phật-tử.
- \* Một cánh cửa hé cho Phật tử thấy nguy cơ của sự tận diệt nhân loại và chính pháp.

Lá Bối xuất-bản và phá-thành

Nhà sách xin viết thư về Lá Bối 120 Nguyễn-Lâm Cholon

Sách Cadao mới phát hành :

- **THI CA TƯ TƯỞNG** tức **ĐI VÀO CỎI THƠ**  
cuốn 2 của Bùi Giáng, 120đ.
- **CA KHÚC CỦA QUÁN CÀ-PHÊ BUỒN**  
của Carson Mc Cullers, 100đ.
- **THẾ GIỚI TÍNH DỤC** của Henry Miller, 150đ.
- **MẶT TRỜI VÀ DÒNG SÔNG** thơ Phạm Nhuận  
mẫu bìa của Đinh Cường, 2 phụ bản mẫu của Tôn Thất Văn,  
in toàn trên giấy quý Croquis, 200đ.
- **TRÍ NHỚ HOANG VU VÀ KHÓI**  
tập truyện của Hoài-Khanh, giá 110đ.
- **GIÓ BẮC, TRẺ NHỎ ĐÓA HỒNG VÀ ĐẾ**  
thơ Hoài-Khanh, bìa và phụ bản Đinh-Cường giá 200đ.
- **NHÂN SINH QUAN VÀ THƠ VĂN TRUNG-HOA**  
của Lâm Ngữ Đường Nguyễn-Hiến-Lê dịch

Thư từ liên lạc xin gửi về : Hộp thư 2287 Saigon



# Chiếc nón bài thơ

NGUYỄN-TRỌNG-VĂN

1.— Nhìn bề ngoài, gái Huế khác gái Nam và gái Bắc ở chiếc nón bài thơ và mái tóc thề.

Cái nón của con gái Huế đã đi vào lịch sử. Chiếc nón trong Nam hay ngoi Bắc là để đội, để tránh mưa nắng còn chiếc nón ở Huế ngoài những công dụng, trên còn dùng để nhìn ngắm. Người ta khám phá ra những nét độc đáo của cái nón một cách bất ngờ, thú vị. Nhìn bề ngoài là cái nón, nhưng nhìn bên trong, lơ lên trời, đó là một tác phẩm nghệ thuật. Cũng một kiểu nón nhưng có những câu thơ khác nhau, những hình ảnh cây cối, hoa lá, trang trí khác nhau. Chiếc nón là món quà lưu niệm. Những câu thơ, những giọng năm tháng... biến cái nón thành một trang lưu bút, một bức thư tình, một khoảnh khắc không quên của đời người. Nón mang hình ảnh của mình, của thiên nhiên, của đền đài, sông nước, của thời gian hai người quen biết, chung sống hoặc cách nhau. Nón Bắc và nón Nam sản xuất từng loạt vô hồn, vô danh, không cá tính, nón Huế có cá tính riêng, nó có một lịch sử, một kỷ niệm không quên.

Khi e lệ, người con gái lấy nón che mặt, dáng điệu bẽn lẽn, bước mau hơn. Có người nói có lần cô chọc một lỗ nhỏ ở nón, khi e thẹn họ lấy nón che mặt, dáng điệu e ấp nhưng tặc ra họ vẫn có thể theo dõi người con trai hoặc ông khách lạ chọc gheo mình. Tôi chưa thấy cảnh đó hoặc thấy mà không biết, nhưng có thể nói rằng cái liếc mắt nhìn theo của người con gái sau vành nón là một cái nhìn gợi tình, linh động và đáng yêu nhất. Cái nón che khuôn mặt như cánh hoa che bông hoa, nhìn người con gái đội nón, yêu điệu đi từ đằng xa đã thấy đẹp, khi gặp gỡ tâm tình, người con gái bỏ nón ra, khẽ sửa lại mái tóc, nét mặt rạng rỡ trông lại càng đẹp hơn. Cánh hoa mới nở đẹp thế nào thì người con gái e lệ bỏ nón ra, liếc mắt nhìn người yêu cũ g đẹp như thế. Thích nón, nhất là dáng điệu khoan thai, e ấp khi mở nón ra, hình như bộc lộ một tâm lý sâu kín là thích sự đong mở đúng lúc. Cần che đây mà phô trương ra thì xấu, cần phô trương mà che mãi cũng không đẹp gì. Che đây có vẻ đẹp của che đây, phô trương cũng có vẻ đẹp của phô trương. Bông hoa sắp nở có vẻ đẹp riêng, bông hoa vừa nở cũng có vẻ quyến rũ không kém. Đội nón, con gái Huế là một mời gọi kín đáo, một tình khiết thơ ngây, một hẹn hò ấp ủ, khi bỏ nón ra người con gái trở thành một châu trời rộng mở, một thế giới mới, một thể nguyên, một dâng hiến.

Chiếc nón bài thơ đi với mái tóc thề và tà áo trắng. Áo dài không phải là đặc tính của con gái Huế, gái Nam, gái Bắc cũng mặc áo dài, nhất là nữ sinh. Khác nhau là ở mái tóc. Mớ tóc của đàn bà con gái trong Nam



— đàn ông cũng uốn, ép, sấy tóc — thường là công trình của những chú Oánh, chú Sân, chú Woong, chú Lin.. Đẹp giả tạo và máy móc. Nếu ít tiền và gặp những tay non, mớ tóc của người con gái trở thành những tổ quạ hay những chiếc nôi đất úp. Tóc thề đẹp một cách hồn nhiên. Tại các thành phố lớn, phải đi lại bằng xe cộ, người ta ít đội nón lá, nó cũng kèn, xô lệch khi có gió mạnh. Khi di chuyển nhanh, lái Honda, ngồi taxi hay ngồi xe hơi, đội nón lá trông không đẹp và cũng không tiện. Ở các đô thị, người ta hay uốn bằng mớ tóc. Tóc cũng là một tác phẩm nghệ thuật và vì vậy không cần uốn nữa. Trong Nam, đàn bà con gái khá giả, ưa chưng diện ít đội nón, nón chỉ dành cho những người lao động, khách bộ hành, nữ sinh đi xe đạp hoặc những người con đề tóc tự nhiên, chưa uốn. Các tiệm ăn tại Saigon thường không có chỗ treo mũ, áo.

Càng nhìn những kiểu tóc cầu kỳ, kiểu cọ, xù xị, gồ ghề càng thấy thêm những mái tóc giản dị, hồn nhiên chẳng khác gì càng sống trong xã hội máy móc, xô bồ người ta càng thấy thêm đồng quê, cây cỏ, thiên nhiên.

Mái tóc thay thế chiếc nón nên nó cũng là một tác phẩm nghệ thuật để nhìn ngắm hơn là để sờ mó, vuốt ve, vò nát trong tay. Tóc thề có vẻ gần gũi, đơn sơ, thân mật hơn. Người ta có thể vuốt tóc, xoa tóc, nắm tóc trong tay. Luồn tay vào tóc và những sợi tóc lần trốn như những hạt cát, tóc trở thành biển. Buổi chiều, khi qua cầu Trảng tiền hay đứng bên chùa Linh mục nhìn sông Hương uốn khúc, tóc tung bay, tóc trở thành gió. Trong cơn đăm mê, dăng hiến, tóc rối che mặt, che thân, tóc là vải vóc, sương mù, là hoa lá che dấu trái cấm của thiên nhiên.

2.— Chiếc nón, mái tóc và tà áo tha thướt chỉ trở nên quyến rũ trong toàn thể của nó : tính e lệ, duyên dáng của người con gái và khung cảnh thơ mộng của Huế. Thiếu tính tình dịu dàng bên lén, thiếu khung cảnh nên thơ của sông nước, chiếc nón Huế và mái tóc thề sẽ mất vẻ đẹp của nó. Tại Saigon — chen chúc, ồn ào, chật chội, kẹt đường, khói xe mù mịt, mồ hôi nhễ nhại, cạo lông nách, đi lại hối hả, lảng xăng, đèn xanh, đèn vàng : chạy đua chối chết, đèn đỏ : bực dọc, chửi thề, mua ào ào, bán ào ào, văng tục ào ào ; người giả, đồ giả, vú giả, móng giả, lông mi giả, lông mày giả, tóc giả, răng giả, mũi giả, Anh, Pháp, Mỹ, Thái lan, Đại hàn, Chà và, Ma ní, Lèo, Chệt, cùi, dân biểu, ăn cắp, ăn mày, quái xế, trơ trẽn, tục tĩu, sẵn sượng, điểm đàng, trâng tráo, gian lận, lừa dối... trong khung cảnh đó, tính tình bên lén, ngây thơ có thể trở thành tâm lý gái quê lên tỉnh, khách lạ phương xa, còn chiếc nón bài thơ và mái tóc thề sẽ trở nên lạc lõng, lụp xụp, nực nội và cồng kèn, mất hẳn vẻ nên thơ hăng có.

3. — Thích chiếc nón bài thơ, yêu mái tóc thề, mơ tưởng người con gái Huế... là một mơ ước thoát ly hay một bù trừ. Muốn thoát ly hiện tại máy móc, tổ chức, đèn đỏ, đường một chiều, lựu đạn cay, cảnh sát dã chiến, hối hả, giả tạo... để tìm lại những gì tự nhiên, mộc mạc, gần gũi thiên nhiên. Chán nết sống đua đòi, ăn bám, vật chất... muốn trở lại những gì hồn nhiên, giản dị nhưng không phải là không khéo léo, đa tình, quyến rũ. Xa lìa giả dối trâng tráo để tìm lại vẻ bề



lên, e lệ. Thẹn thò, e lệ một tình cảm khó tìm thấy nơi đô thị xa hoa. Không còn e lệ chân thành nữa, người ta e lệ giả tạo, xã giao vì người ta biết quá nhiều và biết quá sớm. Sống trong cảnh thị thành ăn chơi, giao thiệp rộng... người ta trở nên cởi mở, dạn dĩ, khôn ngoan, mách lới hơn, ít còn e lệ, thẹn thùng. Tổ tình thô bạo, trơ trẽn : tán tỉnh ngọt ngào đến độ xảo trá, khó tin. Hàng trăm ngàn vụ lừa đảo tiền bạc, ái tình, hãm hiếp, buôn người... được đăng tường tận trên báo chí hàng ngày, tâm hồn người ta trở nên chai đá, dửng dưng, giữ m ếng e dè, nghi kỵ. Khó còn tìm được những dang hiển trọn vẹn hoặc bên lên thơ ngây.

4. — Chiếc nón bài thơ, mái tóc thề, tà áo trắng, tính tình dịu dàng nền nếp, khung cảnh nên thơ, trữ tình... thường được coi như tiêu biểu cho người đàn bà lý tưởng, hay hơn nữa, cho dân tộc tính. Chúng ta thường có thói quen thi vị hóa, vinh cứu hóa những hình ảnh, ý nghĩ đó, làm như thề chúng là những giá-trị tuyệt-đối, biệt lập khỏi hoàn cảnh xã-hội. Đẹp, đẽ, nên thơ, lý tưởng, trữ tình.. là phải chiếc nón bài thơ, mái tóc thề bỏ xoã ngang vai, tà áo trắng tung bay trong gió, cảnh sông nước thơ mộng...

Thực ra đó chỉ là biểu lộ một hiện trạng, một giai đoạn của xã hội, của lịch sử. Đó là xã hội phong kiến tàn lụi đang giao tiếp với văn minh Tây phương, đang trở thành mại bản như Sài Gòn. Ở Huế người ta nhận thấy sự giằng xé giữa cũ và mới, giữa thôn quê và thành thị, giữa e lệ và dạn dĩ. Chiếc nón lá, mái tóc thề... đi với toàn thề của nó là tâm lý e lệ, kín đáo và khung cảnh sông núi thiên nhiên. E lệ nền nếp vì còn mang ảnh hưởng của giáo dục, tập quán phong kiến xưa kia, cảnh sông nước bao la, cây cỏ mọc khắp nơi, màu xanh bao phủ thực ra cũng là cảnh đô thị chưa phát triển, chưa làm chủ thiên nhiên, chưa kỹ nghệ hóa. Đó chỉ là những tình cảm, những khung cảnh sống đang chuyển mình vì bên cạnh sự e lệ, thẹn thò, nho phong lễ giáo đã xuất hiện sự cởi mở, dạn dĩ, khôn ngoan, chững chạc, bên cạnh khung cảnh trắng nước thiên nhiên xuất hiện những dãy nhà đồ sộ, những con đường RMK, những trại lính Mỹ, những sản phẩm Mỹ, cầu Tràng tiền đang bị thay thế... Sài Gòn giàu có, hoa lệ giả tạo vì hoàn toàn lệ thuộc vào ngoại quốc, Huế cũng không tiến bộ gì hơn, Huế còn tùy thuộc vào Sài Gòn, Dần dần sẽ có hiện tượng chững chạc đua đòi (kính Hippies, uốn tóc, quần áo theo thời trang, hoa cỏ, chim cò) thích tiện nghi cá nhân (Honda, xe hơi, quần jeans, quần chần voi quần cigarettes..) thích sài đồ ngoại quốc, buôn bán đồ ngoại quốc hơn là sản xuất thực sự (chợ Đông ba bán toàn đồ Mỹ và người ta đi mua bán thực đông đảo, nhất là về đêm)..

Huế không phải là một bộ lạc xa xôi, biệt lập, Huế là một niên thiếu của Sài Gòn nghĩa là nếu Huế là thủ đô, nếu giao tiếp lâu với nếp sống Tây phương. Huế cũng sẽ dần dần chuyển mình. Huế chỉ đẹp đẽ, thơ mộng khi nó chưa được canh tân, chưa trở thành Sài Gòn. Do đó những hình ảnh, những mơ tưởng đẹp về Huế thực ra chỉ có thể là những hình ảnh, những ước mơ giai đoạn, chúng không có tính tuyệt đối, nghĩa là chúng không tiêu biểu cho dân tộc được.



Hiện nay, dân tộc tính có thực sự biểu lộ qua chiếc nón bài thơ, mái tóc thề, tà áo trắng, tính tình e thẹn, nèn nếp, tòa cờ chìm trong khung cảnh thơ mộng không hay dân tộc tính còn là những gì khác, linh động và tích cực hơn nữa? Chiếc nón bài thơ, mái tóc thề, tà áo dài tha thướt... là những vẻ đẹp *đề chiêm ngưỡng*, e lệ dịu dàng, yểu điệu, nèn nếp... là vẻ đẹp *thùy mị, chịu đựng, bảo thủ do xã hội cũ rơi rớt lại*. Những thứ đó đẹp trong một giai đoạn, một khung cảnh nào đó của lịch sử nhưng không thể nói rằng đó là vẻ đẹp tiêu biểu, độc nhất, điển hình cho dân tộc.

Lịch sử dựng nước và chống ngoại xâm của dân tộc đã cho thấy đẹp cũng là gọn gàng, can đảm, tháo vát; cái đẹp của những người nông dân, thợ thuyền ngày ngày lao động, đóng góp tích cực, cái đẹp của những người ngày đêm can trường chiến đấu, dân tộc tính là e lệ, dịu dàng, tình cảm, cần cù, thương yêu gia đình làng xóm nhưng dân tộc tính cũng là tranh đấu bất khuất, kháng chiến cho tự do, độc lập, hy sinh bảo vệ đất nước, quyền sống, hòa bình... Hiểu theo nghĩa đó cái đẹp của chiếc nón bài thơ, mái tóc thề và tà áo trắng tung bay trong gió, cảnh thiên nhiên hữu tình... thực ra chỉ là cái đẹp của những người thành thị *tra nhìn ngắm, thụ hưởng*, và cái mà chúng ta gọi là dân tộc tính thực ra chỉ là *ước muốn thi vị hóa và vĩnh cửu hóa một khoảnh khắc của lịch sử*. Những người ăn bám không thể thấy được vẻ đẹp trong sự lao động, sản xuất, những kẻ nô lệ không thể thấy được dân tộc tính trong cuộc chiến đấu kiên cường. Người Huế, cảnh Huế hiện nay có thể là lý tưởng cho một số người ở Sài Gòn nhưng cả Sài Gòn lẫn Huế đều không phải là lý tưởng, là khuôn mẫu của dân tộc.

Tìm cái đẹp nơi chiếc nón bài thơ, mái tóc thề, tà áo trắng, nơi sự yểu điệu, tha thướt, nơi những buổi chiều thơ mộng... thực ra là tìm kiếm một sự bù trừ, là mơ ước thoát ly của những người thành thị đang ngẹt thở và hấp hối.

NGUYỄN--TRỌNG--VĂN

Huế, 7/70

## CHIA BUỒN

Được tin : Cụ Bà ĐẶNG TRẦN PHONG nữ danh Lê Thị Tuyền. Thân mẫu của nữ sỹ DIÊM PHÚC đã thất lạc ngày : 30-7-1970. Hưởng thọ 67 tuổi.

Thành thật phân ưu cùng cô Diễm Phúc và tang quyến. Xin cầu nguyện hương hồn sớm tiêu diêu miền Cực Lạc.

Vị Huyền Đắc — Vũ Hoàng Chương — Tô Thùy Yên — Nguyễn Thị Vinh — Duy Thanh — Nguyễn thị Thụy Vũ — Hoàng Hương Trang — Nghiêu Đề — Hồ Trường An — Phồ Đức — Hà Thủy — Phương Đài — Đinh thị Thụy Uyên — Bích Hoài.



ĐÓN ĐỌC :

## CÂU CHUYỆN THẦY TRÒ

của HUỖNH-PHAN

— Tập biên khảo về giáo dục *thành thiết* nhất từ trước tới nay.

— Tập sách được sự giới thiệu *nồng nàn* của học-giả Nguyễn-Hiến-Lê

— Tập sách suýt bị nhà nước cấm vì tội : « Phản chiến » « Mạ lỵ quân đội đồng minh » !

— Tóm lại, là tập sách của mọi người đang làm THẦY và làm TRÒ.  
« **TRÍ ĐĂNG** » xuất bản và phát hành.

ĐÓN ĐỌC :

## SỐN LÂM EM ĐÊM (Les Cosaques)

của LÉON TOLSTOI ✨ Nguyễn-Trọng-Đạt dịch và giới thiệu

« Les Cosaques có thể coi là áng văn tự thuật của tác giả về chính cuộc đời mình. Đây chính là một phần quãng đời của Tolstoi trong những ngày còn sống ở Caucase : cảnh núi non trùng điệp, đời sống hoang dại, tự nhiên của dân bản xứ đã gợi hứng cho tác giả để hoàn thành cuốn tiểu thuyết bất hủ này.

Ở đây Tolstoi vừa là họa sĩ, là triết gia vừa là tiểu-thuyết-gia đại tài. »

« **TRÍ ĐĂNG** » xuất bản.

TÌM ĐỌC :

# Thứ Tư

Số 62

- Truyện tiểu lâm, tranh cười Playboy
- Bạn gái làm sao cho Sexy ?
- Người yêu của điếm.
- Chiến tranh vì thiếu đàn bà
- Cách huấn luyện một điệp viên
- Tài liệu các tạp chí Playboy, Men's, Constellation, Noir et blanc



## D Ứ N G      D Ứ N G

Tôi ra đời quá sớm. Vào tuổi tôi có người vẫn còn cắp sách đến trường, trông tôi bé nhỏ như một cậu học trò mới vào bậc trung học chẳng có vẻ gì là một nhà giáo cả.

Ngày tốt nghiệp ở Sur-phạm ra tôi được đưa đến dạy ở một làng nhỏ xa xôi thuộc tỉnh Quảng Ngãi. Lâu ngày sống ở thành phố đã thành thói quen, hôm mới đến tôi bơ vơ như lạc vào một chốn xa xăm nào. Không có bạn bè quen thuộc, không thân quyến. Mọi thú vui hàng ngày bị mất hẳn, cho đến mọi tiện nghi tối thiểu cũng không có. Muốn uống một ly cà-phê phải đạp xe đi xa hằng năm cây số, con đường ở thôn quê lồi lõm và lổm chổm đá sạn. Dọc đường từng hàng ruộng mía nối tiếp nhau chạy dài sâu hun-hút, thân cây gầy khẳng-khiu màu lá vàng úa thật cần-cỏi xác xơ. Ở xứ lạ phần từ nhỏ đến lớn mới xa gia đình lần đầu đâm nhớ nhà, nhớ từng con đường đông người tấp nập trên hè phố, nhớ từng tiệm kem, rạp chiếu bóng. Nhớ ngôi nhà gạch vách tường vôi màu vàng nơi mà tôi đã lớn, đã trưởng thành, biết bao-nhiều kỷ niệm vui buồn. Nhớ cây đào ở đầu ngõ mà chiều chiều tôi thường hay đứng ngó vu vơ... Bây giờ thì đành mắt tất cả, xa lìa tất cả nơi thân yêu để dẫn thân đến một nơi xa lạ này. Có lúc tôi buồn vì nhớ nhà ôm mặt khóc như một đứa trẻ, rồi tôi vội

vàng lau nước mắt sợ lũ học trò bắt gặp thì thật xấu hổ.

Ngoài tôi ra, trường còn có ba ông giáo già. Tất cả đều là người ở trong vùng, tính tình rất ngay thẳng thật thà. Có lẽ vì lớn tuổi nên ông nào cũng thủ-cựu và việc gì cũng thi hành đúng theo nguyên-tắc. Vì thế nên hôm tôi mới về đây ông Hiệu-trưởng nhường cho tôi dạy lớp nhất, ông xuống dạy lớp nhì và bắt tôi kim luôn Hiệu-trưởng. Tôi cố từ chối vì mình còn nhỏ tuổi nhưng ông vẫn ép tôi làm với lý do là tôi ở Sur-phạm ra còn các ông là thầy giáo ở thôn quê chưa có qua một khóa đào tạo nào cả.

Ngoài giờ dạy ra tôi cũng không biết đi chơi ở đâu hay làm gì, chẳng có ai trò chuyện. Nhiều lúc buồn nói chuyện với mấy ông giáo già thì y như là hai thái cực, hai thế-hệ một già một trẻ, câu chuyện chẳng ăn nhập gì với nhau, quanh quẩn chuyện ruộng nương, mùa màng, đường mía. Những lần như thế tôi phải khó chịu vì mùi thuốc lá khét ngẹt, mùi mồ hôi trong người các ông toát ra thật ngọt ngọt khó thở. Nhiều khi rảnh tôi nằm dài ở nhà trọ xem sách, xem hoài cũng chán, có hôm tôi theo lũ học trò ra đồng tát cá, mò cua hoặc đi câu đến tối mịt mới về. Công việc thật nhàm chán. Tuổi trẻ tôi như bị giam hãm, tù đày. Nghề gõ đầu trẻ rồi sẽ kéo dài đến với tôi bao lâu nữa ?



Tôi thêm trở về thành phố, tìm lại những thú vui đã mất, để vui đùa tự do cho thỏa thích. Để được ngồi hàng giờ trong tiệm kem nghe nhạc, mơ màng trong khói thuốc, thả hồn theo từng ngậm cà phê đắng mát lạnh, vui đùa với bạn bè, sống lại với tuổi trẻ tìm một chút an ủi ở tâm hồn.

Ở đây ngày nào tôi cũng làm ra vẻ nghiêm nghị, với một bộ áo mô-pha-m khoác bên ngoài cho ra vẻ một nhà giáo, thật là một cực hình mà tôi phải gánh chịu. Mỗi khi ra đường gặp một người nào họ đều chào tôi với một vẻ thật trịnh trọng và kính nể. Những cô gái quê trong làng đều nhìn tôi với cặp mắt đầy vẻ khâm phục và thêm khát được địa vị như tôi, cứ trông cử chỉ và đôi mắt của họ là tôi biết ngay. Với cái vẻ đạo-đức giả tạo ấy, tôi cố làm ra vẻ đạo-mạo thành ra tôi chẳng có thể dờ dờ tán tỉnh ba lãng nhăng được. Tôi như sống trong một bức tường đầy lễ nghi ràng buộc và thấy mình càng thêm quan trọng. Mặc dù cái địa-vị của tôi hiện tại là một hạng thấp kém nhất trong xã hội này. Nhưng nhờ thay ở thôn quê họ lại cho mình như một thần-tượng mà họ tôn thờ.

Lớp tôi dạy gồm bốn mươi học sinh phần đông là con trai, có đứa lớn hơn thầy của chúng, chỉ có năm em nữ. Ở thôn quê phần lớn bị loạn lạc nên một số trẻ em bị thất học. Hơn nữa phụ-huynh học-sinh có quan-niệm con gái không cho học nhiều chỉ biết đọc biết viết qua loa là cho về lo việc gia đình đồng áng. Thành ra các em nữ theo học trung học rất hiếm chỉ trừ ra nhà nào khá giả mới cho con theo học.

Lớp học là một căn nhà tole mái

thấp lè tè, hơi nóng hầm hập, vách đất vàng ố loang lổ những gốc rạ loài ra ngoài, mặt tường lồi lõm với hai hàng cột tre cây nhô ra cây thụt vào trông vô trật tự, màu đất xám-xịt nức nẻ như một đám ruộng bị nắng hạn lâu ngày.

Lớp học thật nghèo nàn với hai dãy bàn ghế ọp-ẹp, siêu-veo hầu như không còn đứng vững được với lũ học trò thường hay phá phách như một lũ quỷ-sứ. Trên mặt bàn đầy những vết mực, những hình vẽ nguệch-ngoặt, ngô-nghê của những họa-sĩ chưa hết bậc tiểu học.

Khi tôi bước vào lớp có nhiều tiếng ồn ào huyên náo. Trước bàn của giáo viên có hai thẳng lối vừa ôm nhau vật huỳnh huých, bọn học trò đứng vây vòng trong vòng ngoài, có đứa trèo lên bàn vỗ tay hò hét, cổ vũ và khuyến-khích bọn chúng.

Trông thấy tôi vào cả lớp im phăng phắt, chúng giải tán trở về chỗ ngồi, đứa nào cũng sợ lấm lét nhìn tôi.

Tên trưởng lớp ôm một chồng vở luận lên để trên bàn chờ tôi chấm bài. Tôi chấm bài thật mau và gặp những lời văn thật ngộ nghĩnh và buồn cười. Đề luận tả một cây đa [ở làng em. Một đứa viết vồn vện có mấy chữ: "Cây đa thật cao lớn, rễ cây đa thật nhiều. Em rất thích cây đa".

Lật một quyển vở khác tôi bắt gặp những giọng:

«Đầu làng em có một cây đa to lớn, có rất nhiều bóng mát, rễ cây đa ăn sâu xuống tận dưới âm phủ. Cây đa này có rất nhiều ma, em không dám đi ngang qua vì sợ ma bắt.»

Tất cả đều tả cây đa thật buồn cười, lời văn lộn xộn đầy những vết mực tẩy xóa trông chẳng ra làm sao cả.



Tôi lật quyển vở "cây đa có rễ ăn sâu xuống tận âm-phủ" được biết tên tác giả là trò Phan-thị Nguyệt-Minh. Vì mới về nên tôi cũng không nhớ Nguyệt-Minh là trò nào nên tôi tò mò muốn biết mặt tác giả câu văn buồn cười ấy. Tôi lấy thước đập mạnh lên bàn, lũ học trò im lặng đưa mắt nhìn lên. Tôi gọi :

— Phan-thị Nguyệt-Minh.

Ở bàn thứ nhì Minh e lệ đứng lên.

Trong lớp tôi chỉ có năm em nữ, không ngờ Minh là đứa lớn nhất và đẹp nhất trong đám. Minh vào khoảng 14, 15 tuổi và cao gần bằng tôi, hấn có gương mặt thật sáng sủa và dễ nhìn, da hơi đen, tóc để dài chấm ngang vai.

Khi Minh đứng lên, ở dưới bọn con trai cười khúc khích. Tôi làm mặt nghiêm đập cái thước trên bàn :

— Im lặng.

Cả lớp im phăng phắt.

Minh đưa mắt nhìn trộm tôi thật nhanh và mỉm miệng cười, khi gặp đôi mắt soi mói của tôi Minh hơi sợ sệt cúi đầu xuống.

Tôi hơi bối rối không biết nên hỏi hấn câu gì, sẵn quyển địa-lý để trên bàn cho nên tôi hỏi một câu mặc dù chưa tới giờ địa-lý.

— Trò hãy cho biết những con sông lớn ở Việt-Nam ?

Minh ấp úng và nói lí nhí những gì tôi nghe không rõ. Hấn dương đôi mắt đen láy và hơi ướt nhìn tôi ra chiều cầu khẩn van lơn, vì câu hỏi thật khó và bất ngờ.

Tôi nghe tiếng xăm xì từ dãy bàn của rừ con trai vọng lên, mặt dù chúng nói lắt khể :

Một đứa hỏi :

— Tại sao trò Đông, trò Cúc thầy không dò bài mà lại dò trò Minh?

Tiếng một đứa khác xen vào :

— Trò Minh đẹp nhất trường nên thầy để ý hấn đó. Tụi bay không thấy thầy cứ nhìn vào mặt hấn hoài đó sao?

Bất giác tôi đỏ mặt lên. Con giận đến thật mau chóng, tôi trút hết mọi bực tức lên đầu Minh.

— Ngồi xuống. Đồ ngu! Học hành dốt như bò.

Tôi dở sớ ra cho hấn một con zéro không chút xót thương.

Tôi trừng mắt nhìn lũ học trò.

— Thầy cấm các em không được ăn nói bậy bạ nữa nghe chưa ?

Bọn con trai sợ sệt đưa mắt nhìn nhau. Chúng khoanh tay ngồi ngay ngắn không một cử động nhỏ.

Tôi miễn cưỡng dạy tiếp cho đến khi tan học. Lúc qua cổng trường tôi thấy Minh đứng đợi và nhìn tôi mỉm cười, trông hấn chẳng có vẻ gì buồn vì con zéro ban nãy, trái lại hấn có vẻ mãn nguyện và sung sướng khi tôi đưa mắt nhìn hấn.

Hấn bạo lại dạn gần bên tôi đưa tay ôm lấy mấy quyển sách tôi đang cầm :

— Thầy để em ôm hộ về nhà cho.

Lúc này bọn học trò đã ra về hết, sân trường chỉ còn lại mình tôi và Minh. Hấn lại cười duyên và đôi mắt nhìn tôi với một vẻ lẳng lơ khác thường. Tôi gạt tay hấn ra :

— Thôi, để thầy ôm cũng được.

Gương mặt hấn tự nhiên tối sầm lại đầy vẻ bất mãn.

Rồi tự nhiên hấn bật khóc, hấn khóc tức tưởi giọng run run :



— Thầy... Thầy... Em thương...  
thầy.

Tôi kinh ngạc nhìn hấn sững sờ :

— Minh ! Em vừa nói gì đó ?

Hấn lấy khăn hỉ mũi, mặt nhòa đi vì nước mắt :

— Em yêu thầy !

Đầu óc tôi choáng váng. Thật tôi không ngờ một đứa học trò như Minh mà đã biết đến chuyện yêu đương trai gái, dám đường đột tỏ tình ngay với tôi không một chút e ngại. Tôi run lên vì xấu hổ. Tôi muốn tát vào mặt hấn vài cái cho hả giận. Tôi trừng mắt nhìn hấn :

— Tại sao em lại dám vô lễ với thầy như thế. Thầy cấm em không được nói như vậy nữa.

Tôi bỏ đi trong sự bực tức. Hấn vẫn đứng khóc nhìn theo tôi.

Từ hôm đó trở đi, tôi bắt gặp Minh hay nhìn trộm tôi. Tính tình hấn đậm ra ngớ ngẩn, gương mặt lúc nào cũng buồn man-mát.

Tôi khó chịu về những cử chỉ của hấn đối với tôi. Tôi cũng không dám nói ra hay có những hành động gì với Minh sợ lũ học trò để ý đến. Bọn học trò con trai thật tinh quái hình như chúng cũng biết được những hành vi mờ ám và những cử chỉ của Minh đối với tôi. Gặp Minh lũ con trai thường mai mỉa :

— Chào cô giáo tương lai !

Di nhiên là chúng chỉ lén lút bàn tán to nhỏ với nhau nhưng tôi cũng nghe được.

Vì vậy tôi đậm ra ghét Minh, ghét cay ghét đắng hấn. Mỗi lần chấm bài

dù đúng hay sai tôi đều cho zéro cả. Trái lại Minh không lấy thế làm buồn và cứ đi học. Bọn con trai cố mỉa mai hấn, hấn cũng không giận, có lẽ hấn càng thích nữa nên mặc hấn cứ vênh váo ra vẻ ta đây trông thật đáng ghét.

Hôm đó trường tôi tổ chức một cuộc đại-hội toàn thể phụ-huynh học-sinh để bàn về việc sửa sang lại trường học. Tôi chọn những nam học sinh lớn vào việc sắp xếp lại bàn ghế và quét dọn thật sạch sẽ để đón tiếp quan khách. Trường có năm em nữ nên tôi cho vào ban tiếp tân lo việc nấu nước cho quan khách giải khát. Trong số này có cả Minh, tôi ghét hấn nhưng cũng không biết làm sao hơn.

Buổi đại hội được thành công mỹ mãn. Đến giờ giải lao và sắp bẽ-mặc, tôi lo cho các em chăm sóc việc tiếp tân cho được chu đáo. Tôi xách từ bình nước rót vào trong ly mời mọc ân cần từng phụ-huynh học-sinh. Khi Minh cầm bình nước trao cho tôi hấn đột nhiên nắm chặt lấy tay tôi và đưa mắt nhìn thật tình tứ. Tôi chưa kịp phản ứng thì nghe một giọng nói của một bà trong đám phụ-huynh học-sinh nói với người bên cạnh, giọng nó rất nhỏ nhưng tôi cũng nghe được :

— Thầy trò thương nhau đợi đến lúc khác không được hay sao mà giữa lúc đông người làm những trò thật chướng mắt quá chừng.

Như một gáo nước lạnh tạt vào mặt, tôi tái người vừa giận, vừa xấu hổ. Tự ái tôi bị va chạm. Bao nhiêu uy-tín và danh-dự của tôi từ trước đến nay đều tiêu tan vì những hành vi khiếm nhã của Minh. Bao nhiêu sự bực tức của tôi đều đổ trên đầu Minh. Với Minh tôi



đều xem như nhiều đứa học trò khác không hơn không kém, chẳng có chút tình cảm nào thiên vị, có chăng chỉ là tình thầy trò thế thôi. Còn Minh không hiểu hẳn nghĩ gì về tôi khi có những hành động bất chính ấy. Nói hẳn bị ảnh hưởng của cuộc sống xô bồ hiện tại của xã-hội thì cũng không đúng hẳn, vì hẳn ở thôn quê nơi khí ho cò gáy này thì làm gì biết được những phiền phức của thế giới bên ngoài, hẳn chỉ là đứa bé quê. Chết phát thật thà. Ấy thế mà hẳn có những ý nghĩ lạ lùng, những hành động mà với số tuổi của hẳn không thể có. Suy nghĩ hoài tôi đâm ra lúng túng không có cách gì giải quyết. Tôi cho đó là một hiện tượng lạ, một kỷ niệm đáng nhớ trong đời nhà giáo của tôi sau này.

Cuối cùng tôi quyết định đuổi Minh ra khỏi trường không cho hẳn học nữa vì những cử chỉ lỗ bịch của Minh càng ngày càng nhiều làm tôi thêm khó chịu, nhất là những lời thêu dệt của lũ học trò con trai quanh câu chuyện của Minh làm tôi thêm bối rối, chúng nhìn tôi với cặp mắt ghen tức ganh tỵ. Chẳng lẽ lại đem câu chuyện này ra thanh-minh ngay giữa lớp học thì còn ra thế thống gì nữa. Là một nhà giáo mới ra trường tôi chưa có một kinh nghiệm tối thiểu nào lại gặp ngay chuyện bực mình rắc rối.

Khi tôi công bố quyết định đuổi Minh cả lớp đều xôn xao bàn tán. Lũ học trò con trai thật quái ác, chúng hiểu lầm là giữa tôi và Minh đã « có gì với nhau », tôi sợ tai tiếng nên đuổi Minh. Mấy em nữ nhìn tôi với đôi mắt oán hờn trách móc. Bọn con trai có đứa mừng rỡ vì chúng trả thù được Minh. Thật đáng kiếp cho con Minh hết làm phách với tụi mình. Tôi nhận thấy trong

lớp đã chia thành hai phe rõ rệt, phe thương hại Minh và phe ghét Minh.

Còn Minh khi hay mình bị đuổi hẳn ngồi khóc hoài. Tuy ghét Minh nhưng thấy hẳn tôi cũng thấy tội nghiệp, đành vậy chớ biết sao, tôi không còn cách nào giải quyết cho ổn thỏa được.

Minh nghỉ học được ba ngày thì tôi gặp sự phản ứng của thầy Bình dạy lớp ba. Thầy Bình có bà con họ hàng gì đó với gia đình Minh nên Cha mẹ hẳn nhờ thầy Bình đến xin với tôi cho Minh học lại. Thầy hỏi vì lý do gì đuổi Minh thì tôi hơi bối rối, tôi chỉ nói là Minh vô kỷ luật nên tôi cảnh cáo hẳn. Thầy năn nỉ cho Minh học lại. Vì nể thầy cho nên tôi đành nhận lời.

Minh đi học lại, bọn con trai có vẻ thất vọng. Minh lại có dịp vênh vác với bọn chúng và Minh thường tìm cách gần tôi hơn, hẳn hay nhìn tôi với vẻ mặt thật đắm đuối, si mê.

Tôi ghét Minh thật sự và tìm đủ cách trả thù hẳn. Nhưng tôi chẳng còn cách nào hơn ngoài những con zéro cho hẳn mỗi khi chấm bài. Tôi mong sao cho hẳn không được lên lớp cho bỏ ghét.

Mà quả thật vậy. Kỳ thi đệ thất Minh thi hỏng. Tôi mừng rỡ hả hê vì trả thù được Minh. Trái lại hẳn không buồn mà còn vui mừng thỏa mãn nữa. Cứ trông đến gương mặt hí hửng của hẳn là tôi muốn phát điên lên được, muốn tống vào mặt hẳn vài cái tát cho hẳn biết thân. Vì hẳn mà tôi bị tai tiếng ở đây không ít.

Sự vui mừng của tôi không được bao lâu thì vụt tắt, khi nghỉ lại tôi giựt mình kinh hãi. Minh không được vào đệ thất, hẳn có quyền học lại một năm lớp nhất nữa. Còn gì khó chịu



cho bằng nhìn gương mặt mà mình ghét cay ghét đắng ấy trong suốt một niên khóa. Tôi bấn lên vì lo sợ, tôi nghĩ nên lo cho hẳn được vào đệ thất thì mới tổng được của nợ này đi. Thế là tôi âm thầm lo lắng cho Minh, tìm đủ mọi cách chạy chọt cho hẳn, mặt dù cuộc thi đã xong và đã công bố kết quả. Suốt mấy ngày bận rộn người tôi bơ phờ trông thấy.

Tôi tìm đến Tâm bạn học cùng khóa với tôi vì hẳn có chân trong ban giám khảo cuộc thi vừa qua.

Thấy dáng điệu ủ rũ của tôi, thẳng Tâm đưa ra một loạt câu hỏi :

— Cậu xin vớt cho ai ? Trai hay gái ? Tên gì ? Bà con xa gần ra sao ?

Tôi buồn rầu.

— Chẳng có bà con khi khô gì hết. Chuyện bắt-đắc-di mình mới nhờ đến cậu, cậu vớt hộ mình một đũa thôi, muốn gì mình cũng chịu cả.

Tâm lục đồng hồ sơ hỏi :

— Tên gì ?

— Phan-thị Nguyệt-Minh.

Tâm nheo mắt :

— Tên hay quá nhỉ. Rồi hẳn đột ngột hỏi tôi :

— Cậu « cảm » em rồi phải không ?

Tôi ấp úng :

— Không ! Không...phải

Thật tình tôi cũng không biết giải thích làm sao cho Tâm hiểu được hoàn cảnh tôi.

Tâm vừa lục hồ sơ vừa căn nhắc :

— Không bà con, không « cảm » em thì còn xin xỏ làm chó gì cho mệt xác. Cậu có điều gì muốn giấu tôi.

Tôi đành xuống nước năn nỉ :

— Cậu giúp dùm mình đi, hôm nào về ty lãnh lương muốn gì mình cũng chịu cậu cả.

Mắt Tâm sáng lên khi cầm tập hồ sơ của Minh trên tay. Hẳn reo lên :

— Không ngờ mình đoán vậy mà đúng.

Hẳn chỉ vào ảnh Minh dán trong tập hồ sơ đưa cho tôi xem rồi tiếp :

— Mình chịu cậu rồi, con nhỏ xinh quá. Cậu còn dẫu tôi nữa thôi. Không ngờ cậu lại ghê đến thế, mình phục cậu sát đất đấy.

Không ngờ Tâm lại hiểu lầm tôi một cách tai hại đến thế, tôi cố giải thích cho Tâm hiểu nhưng hẳn vẫn lắc đầu :

— Vô lý lắm, mình không tin cậu được.

Tâm có vẻ khoái trá, hẳn cười luôn miệng :

— Chịu lắm ! Chịu lắm. Mình xin chào thua cậu.

Rồi hẳn sấn lại nắm lấy tay tôi lắc lia lịa :

— Mai mốt đây mình phải học theo sách của cậu mới được.

Ở nơi khi ho cò gáy này cứ giả mặt đạo đức hoài chán quá. Mình chịu cậu lắm.

Thấy điệu bộ của Tâm tôi lờ khóc lờ cười. Tôi phân trần với hẳn.

— Cậu lầm rồi. Tôi lấy danh-dự mà thề với cậu đó.

Đây chỉ là một trường hợp đặc biệt, ngoài tôi ra không có ai hiểu được đâu. Liệu cậu có giúp cho mình được không ?



Thấy tôi xuống nước Tâm càng bắt bớ:

— Chỗ anh em với nhau, cậu thú thật mình lo giúp cho, còn cậu cố tình dẫu thì đành chịu vậy.

Tôi định bỏ ra về không thềm cầu khẩn nơi Tâm nữa, nhưng khi nghĩ đến bộ mặt đáng ghét của Minh trong suốt một năm học là một cực hình, điều mà tôi không bao giờ muốn. Tôi đưa mắt nhìn Tâm cầu cứu.

Thấy tôi im lặng Tâm thúc dục:

— Cậu và em đã « có gì với nhau » chưa ?

Tôi đành gục đầu thú nhận là đã « có gì với nhau » rồi.

Tâm cười đắc chí.

— Mình đi guốc trong bụng cậu mà. Nề cậu lắm mình mới vớt cho em đậu đấy nhé ! Hôm nào về Ty nhớ cho mình một chầu nhậu là được.

Tôi như trút đi được một gánh nặng. Thế là tổng khứ được của nợ ấy đi cho khuất mắt, tôi thở phào một cách khoan khoái. Mấy hôm nay phải suy nghĩ và lo sợ vắn vơ mà người tôi gầy đi trông thấy. Thế là xong, tôi đã giải quyết vấn đề một cách ổn thỏa và êm đẹp.

Tin Minh thi hỏng rồi nhờ tôi mà vào đệ thất, được loan truyền đi nhanh chóng trong giới phụ huynh học sinh của trường. Nhất là gia đình Minh đều xem tôi như một vị cứu-tinh, một người mà gia đình hẳn đều mang ơn suốt đời.

Có một điều mà gia đình hẳn cũng đều hiểu lầm tôi một cách tai hại, cho là tôi và Minh đã « có gì với nhau » nên tôi mới lo cho hẳn được vào đệ thất và gia đình hẳn muốn tôi làm rề...

Tin này do thầy B nh đem đến. Hôm đó thầy Bình đến thăm tôi, thầy đại diện cho gia đình Minh đem đến cho tôi một giỏ nào là đậu xanh, đường cát trắng và trứng gà của gia đình Minh gửi tặng gọi là lễ « tạ ơn » thầy.

Tôi lại càng lúng túng trước cử chỉ sẵn đón của thầy Bình. Mọi khi ông đều gọi tôi là « thầy Hải » và kính mến tôi. Bỗng dưng hôm nay ông gọi tôi bằng cháu ngang xương, thật ngon lành và thân mật. Ông khen tôi đủ thứ, nào là tôi còn nhỏ tuổi mà có được một địa-vị thật đáng kể, nào là tôi làm được một việc thật « phúc-đức ». Rồi Ông lại khen Minh thật hiền hậu, đảm đang. Tôi chưa thấy một đứa nào ngoan ngoãn và dễ thương như nó. Ông nói gần xa về việc ông muốn tôi là con cháu trong gia đình ông.

Tôi khéo léo từ chối những đề nghị của thầy Bình lấy cớ vì tôi muốn học thêm không muốn bận bịu đến việc gia đình. Thầy Bình có vẻ thất vọng lắm, thầy thở dài chép miệng.

— Đáng tiếc ! Thật đáng tiếc.

Cứ thế sự hiểu lầm của dân chúng bên ngoài ở trong vùng càng ngày càng gia tăng. Dư luận xôn xao bàn tán về « mối tình » giữa tôi và Minh. Mọi người nhìn tôi với một cặp mắt khát thường, các cô gái quê họ kinh bỉ tôi ra mặt, họ cho tôi đã « quyến rũ » Minh. Bọn thanh niên xỉ vả tôi không tiếc lời, tôi là một tên vô liêm sỉ, núp bóng học đường để làm những chuyện bất lương. Bao nhiêu danh dự và uy tín đều tiêu tạc. Tôi khổ tâm không ít về vụ này.

Cuối cùng tôi xin chuyển chuyển đi nơi khác để tránh tiếng thị-phi của thiên hạ.



Ngày tháng trôi qua thật mau chóng. Sau mấy năm tiếp tục với nghề gõ đầu trẻ câu chuyện của Minh cũng theo thời gian chìm lặn trong quên lãng.

Mùa hè năm sau lại đến. Tự nhiên tôi muốn về thăm lại ngôi trường cũ sau mấy năm xa cách. Tôi không được toại nguyện vì vùng này đã bị mất an ninh, nhiều trận đánh vẫn đang còn tiếp diễn quanh vùng. Tôi đành quay về tỉnh lỵ để tìm nơi tạm trú.

Buổi chiều trong chuyến xe lam trên đường về tỉnh chỉ lưa thưa có vài người khách, tôi ngồi lẫn lộn với vài người đàn bà quê đi chợ về: Ở ghế trước cạnh người tài xế có một thiếu nữ ngồi. Nàng mặc áo dài trắng, mái tóc đen huyền chải dài hai bên bờ vai, chiếc áo dài bó sát vào người trông nàng có một thân hình thật gợi cảm. Tự nhiên tôi muốn làm quen với thiếu nữ trên chuyến xe này. Tuy không thấy rõ dung nhan nàng nhưng tôi cũng khen bừa một câu:

— Em đẹp quá!

Tôi chưa kịp nói hết câu thì thiếu nữ quay đầu lại, nàng buột miệng:

— Thầy!

Tôi giật mình và sửng sốt khi nhận ra thiếu nữ ấy chính là Minh.

Minh đẹp thật, nước da hần trắng nõn nà, gương mặt xinh tươi mơn mớn. Trước mặt tôi Minh là một thiếu nữ hoàn toàn khác lạ, không còn là trò Minh ngỗ ngáo như năm nào nữa.

Minh mừng rỡ tíu tít hỏi tôi.

— Bây giờ thầy dạy ở đâu?

Tôi đâm ra lúng túng trước mặt Minh:

— À! thầy đổi về dạy ở Quảng-nam. Minh còn đi học nữa không?

— Dạ em học đệ tứ trường tỉnh.

Tôi hỏi qua loa về gia đình Minh và những học sinh cũ của tôi. Minh cho tôi biết ngôi trường đã bị chiến tranh tàn phá, học sinh phân tán mỗi người đi mỗi nơi, gia đình Minh dọn về tỉnh để lánh nạn.

Cuối cùng Minh đột ngột hỏi tôi:

— Thầy còn giận em không? Hỏi nhỏ sao em kỳ quá phải không thầy? Em cũng không hiểu sao em lại kỳ cục như thế được. Bây giờ lớn lên em thấy thật có lỗi với thầy nhiều lắm.

Minh nói với một giọng đều đều bình thản như một tin đồn đang cầu kinh sám hối. Trông hẳn thật tự nhiên chẳng có gì e lệ cả. Tôi cũng không biết nên trả lời với lần như thế nào cho ổn thỏa. Trước kia tôi ghét Minh thật, bây giờ khác hẳn, chỉ vì Minh... đẹp và tôi hơi bối rối khi đối diện với Minh. Tôi muốn nói với Minh vài câu thật thân mật nhưng giữa tôi và Minh như có một bức tường vô hình nào đó đã ngăn cách. Tôi vội xua đi những ý nghĩ bất chính đang diễn ra trong đầu. Khi chiếc xe dừng lại để vài người khách tôi mới tìm được câu trả lời Minh:



— Chuyện đã qua rồi, Minh đừng nhắc lại nữa. Thầy không giận Minh đâu.

Tôi vội vàng hấp tấp xuống xe cúi đầu rảo bước để xua đuổi hình bóng Minh đang lớn vờn trước mắt. Tôi cảm thấy Minh ngỡ ngác nhìn theo tôi và gọi :

— Thầy ! Thầy !

Tôi bỏ đi không quay đầu nhìn lại. Tôi nghe văng vẳng một người khách la lên :

— Chạy đi !

Chiếc xe băng mình trên con đường đất đỏ, bỏ lại phía sau một đám bụi mờ.

NGUYỄN TĂNG LIÊN

MỘT BỘ SỬ CŨ GIÁ TRỊ CỦA PHAN KHOANG VIỆT SỬ:

XỨ ĐÀNG TRONG (1558 - 1777)

Cuộc Nam tiến của dân Việt Nam

Sách khổ to dày gần 700 trang. Giá 500\$

Bán tại: Nhà sách Khai Trí 62 Lê Lợi Saigon

Rượu bổ  
QUINQUINA

Quina '9'  
CƠ ACIDE GLUTAMIQUE



*khai vị,  
ăn thêm ngon.*

**BỔ OC**  
bồi dưỡng  
cơ thể



BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

KN 2071.BYT



# Hiu hắt

Thơ ĐÌNH - NGUYỄN

## ● MỘT MÌNH

Võng đưa hiên mát chiều tàn  
Sầu mây ngút giắc ngày đang sang mùa  
Lá vàng hiu hắt hơi Thu  
Nghe ra thương nhớ cũng vừa đầu dây  
Trường rêu thấp chấn song gầy  
Ngoài kia tiếng nắng vừa đầy nỗi mong

## ● QUÁN TRƯA

Tim nhau trong quán nửa ngày  
Tình như bàn ghế không bày đây em  
Bờ cây nắng rụng ưu phiền  
Nhìn bàn tay nỗi buồn im trong hồn  
Bóng xe qua phố ngập ngừng  
Trong hương rượu nhạt nghe chừng quạnh hiu

## ● MƯA

Mưa lên lá cỏ ngậm ngùi  
Thuốc còn diều chót buồn vời theo mưa  
Nghe ra mình lạnh hơn xưa  
Em đi cũng đến mấy mùa rồi đây  
Cao mai tóc tuyết má gầy  
Nghe mưa nhớ lại một ngày u mê



# Đôi thông

Thơ PHẠM-CAO-HOÀNG

1.

dưới gốc thông già  
em ngồi hong tóc  
sầu trong con mắt  
buồn trên lá khô

chim rừng gió núi  
thiên thu là đây  
lá rơi lộp lộp  
đậy trời tang thương

hỡi người em gái  
vì sao em buồn  
hỡi người em gái  
ngàn năm có quên

1.

trắng trời mây bay  
hỡi tên lãng tử  
đời có vui chăng  
hỡi tên lãng tử  
giữa lòng phù vân  
thấy gì hay không

giang hà một giải  
cầu cao dừng chân  
ôi tên lãng tử  
thấy gì hay không  
nước xuôi một dòng  
có buồn hay không

3.

Năm sao trở lại  
đôi thông buồn tênh  
mộ em cỏ xanh.



# Thời sự thế-giới

T U - T R I

Trong những ngày qua nhiều sự kiện quan trọng đã mang lại cho tình hình thế-giới một vài hy vọng giải tỏa căng thẳng quốc tế. Sau hơn 3 năm tích cực hoạt động, Ngoại-giao Mỹ và Nga đã gạt hái được một thành quả tại Trung Đông: Cả Ai-Cập lẫn Do Thái đã chấp nhận kế-hoạch hòa-bình của Ngoại-trưởng Mỹ William Rogers. Tuy viễn tượng hòa bình ở Trung Đông vẫn còn hết sức mong manh trước thái độ chống đối cuồng tín của hữu phái Do-thái và của những người di cư gốc Palestine. Nhưng sự việc cả Do-Thái và Ai-cập đều chấp nhận kế hoạch Rogers chứng minh rõ rệt sự hợp tác giữa Nga và Mỹ tại Trung Đông.

Sự hợp tác giữa Nga và Mỹ còn mang lại nhiều tiến bộ cho cuộc hội đàm giữa hai nước trong các cuộc đàm phán về giới hạn các vũ khí nguyên-tử. Trong khi đó Nga cũng cố gắng cải thiện bang giao với Tây phương bằng cách ký kết một hiệp-ước với Tây-Đức để loại bỏ việc xử dụng vũ lực.

## Do-thái và Ai-cập chấp nhận đề-nghị hòa-bình của Mỹ.

Từ khi cuộc chiến tranh 5 ngày giữa Do-thái và các quốc gia Ả-rập được đình chỉ tới nay, Trung Đông vẫn luôn luôn sống trong tình trạng căng thẳng. Cả hai bên Ả-rập và Do-thái, vẫn luôn luôn tấn công lẫn nhau bằng chiến thuật du kích phá hoại hoặc dùng phi cơ oanh tạc. Tình hình này đã khiến cho cả Nga-sô lẫn Hoa-kỳ đều tỏ ra hết sức lo ngại và luôn luôn đi tìm một giải pháp để chấm dứt tình trạng thù nghịch

đã diễn ra tại Trung Đông từ 21 năm qua. Tại Liên-Hiệp-Quốc, Nga và Mỹ đã trao cho ông Jarring nhiệm vụ thương thuyết giữa Do-thái và các quốc gia Ả-rập. Trong suốt ba năm qua ông Jarring là một người hết sức bận rộn. Ông đã bay hết từ thủ đô này tới thủ đô khác tại Trung Đông để cố gắng thúc đẩy các quốc gia vùng này từ bỏ những hoạt động hiếu chiến. Nhưng tại đây ông Jarring cũng vấp phải một thái độ bất nhượng bộ. Do-thái thì từ chối không chịu trả lại những lãnh thổ Ả-rập mà họ đã chiếm được vào tháng 6-1967 nếu các quốc gia Ả-rập không thừa nhận Do-thái. Còn các chính phủ Ả-rập, tuy luôn luôn đòi lại các lãnh thổ đã mất, nhưng lại không chịu thừa nhận Do-thái. Tái chiếm các lãnh thổ đã mất bằng vũ lực là một điều mà các dân tộc Ả-rập không thể làm nổi vì quân đội Do-thái quá thiện chiến. Nhưng nếu không đòi lại thì các lực lượng tả phái ở bên trong lại chống đối. Ngoài ra nếu lấy lại đất bằng cách thừa nhận Do-thái lại có một hậu quả chính trị nội bộ nguy hại hơn nữa. Vì thừa nhận Do-thái tức là chấp nhận rằng dân di-cư Palestine hoàn toàn mất quê hương của họ. Và họ sẽ có phản ứng mạnh mẽ tại 2 quốc gia Ả-rập là Liban và Jordanie. Các người Palestine đã nhiều lần chặn đứng những hoạt động hiếu hòa của Tổng-thống Ai-Cập, Nasser, và Quốc vương Jordanie, Hussein.



Trước ngõ cụt ngoại-giao này, Ngoại-trưởng Mỹ William Rogers đã đưa ra một kế hoạch hòa-bình gồm có những điểm như sau : Đình chiến 90 ngày để đi tới chấm dứt tình trạng chiến tranh. Do thái trả lại những lãnh-thổ đã chiếm được và Ả-rập thừa nhận Do-thái.

Ngay từ đầu cả hai phe Ả-rập và Do - thái đều cực lực phản đối những đề-nghị của Mỹ. Do-thái thì cho rằng kế-hoạch này làm lợi cho Ả-rập, biến sự bại trận 1967 của Ả-rập thành thắng lợi ngoại-giao : Ả-rập không tổn một viên đạn mà chiếm lại được các đất đai cũ bị mất. Ngược lại Ả-rập cho rằng thừa nhận Do-thái tức là hợp-thức-hóa sự chiếm đất Palestine năm 1949, nhận một tên ăn cướp làm bạn. Hơn nữa với viện-trợ quân-sự của Nga, Tổng-thống Ai-cập Nasser có thể hy vọng chiếm lại các lãnh-thổ bị mất bằng võ lực. Cũng vì vậy mà ông đã sang Nga trong gần một tháng để xin thêm viện trợ.

Người ta đã tưởng rằng Ngoại-giao Mỹ đã thất bại thêm một lần nữa tại Trung-Đông. Bỗng nhiên Tổng - thống Nasser tuyên bố chấp thuận kế hoạch Rogers và một tuần sau, bà Golda Meir, Thủ-tướng Do-Thái, cũng tuyên-bố đồng ý. Đây là một sự kiện vô cùng bất ngờ trong đời sống chính-trị thế-giới. Và người ta cố gắng tìm những động lực đã thúc đẩy cả hai bên đi tới chấp nhận kế hoạch hòa bình mà cả hai đều thấy có nhiều thiệt hại.

Động lực chính có lẽ là áp lực của cả Mỹ và Nga. Trước những viện trợ quân sự của Nga cho Ai-cập và Syrie, Tổng-thống Nixon đã không chịu viện trợ cho Do-thái để buộc nước này phải nhượng bộ. Nga tuy viện trợ cho

Ai-cập nhưng từ chối không chịu ủng hộ chính sách hiếu chiến của Ả-rập. Tổng-thống Nasser đã hiểu như vậy khi ông sang thăm viếng Nga. Hơn nữa kéo dài tình trạng chiến tranh chỉ làm thiệt hại cho Ai-cập vì kinh Suez đã bị đóng cửa từ hơn 3 năm nay nên Ai-cập mất một nguồn tài chánh rất lớn. Ngoài ra Tổng-thống Nasser đã chán đóng vai trò lãnh đạo cuộc phục thù của Ả-rập trong khi các quốc gia Ả-rập khác cũng chẳng giúp ông được gì nhiều. Năm 1967 Syrie đòi đánh nhau với Do-thái trong khi Ai-cập lưỡng lự. Và khi chiến tranh bùng nổ quân Syrie bỏ chạy để Ai-cập phải hứng chịu mọi hậu quả như mất đất, mất 10.000 người, trong khi Syrie chỉ tổn thất có 50 người.

Sự chấp thuận kế hoạch hòa bình Rogers tuy mở cửa cho viễn-tượng hòa bình, nhưng chưa chắc đã đưa lại hòa bình thực sự khi mà tại nội bộ, cả Do-thái lẫn Ai-cập đều gặp phải những chống đối mạnh mẽ.

Hữu-phái Do-thái do ông Menakhem Begin cầm đầu gọi kế hoạch Rogers là một « Munich của Trung-Đông » và dọa từ-chức Tổng-trưởng trong nội-các của bà Golda Meir. Sức chống đối của ông Begin mạnh đến nỗi bà Golda Meir đã phải phát khốc để xin ông nhượng bộ.

Ai-cập cũn gặp một sức chống đối không kém mãnh liệt tại nội-bộ. Ông Sadat, Chủ-tịch Quốc-hội, phản-đối Tổng-thống Nasser và giận dữ bỏ về quê ở. Các người tỵ-nạn gốc Palestine bắt đầu mở chiến dịch phản-đối.

Hòa-bình chỉ có thể trở lại Trung-Đông nếu cả Ả-rập lẫn Do-thái vượt qua được những chia rẽ ở bên trong.



### Có tiến bộ trong cuộc hội đàm giới hạn vũ khí nguyên tử

N oài vùng Trung-Đông sự cải-thiện trong bang giao Nga-Mỹ còn được thể hiện tại cuộc hội-đàm giữa hai nước đề giới hạn các vũ-khí chiến thuật (SALT). Từ khi cuộc hội đàm này được triệu tập tại Helsinki, thủ-đô Phần-lan, tới giờ chính-phủ Hoa-thịnh-đốn luôn luôn cho rằng những tiến bộ của các cuộc hội đàm này tùy thuộc ở thiện chí của Nga để giải tỏa tình trạng căng thẳng tại những vùng như Trung-Đông Việt-Nam v.v.. Cuộc hội đàm này sau đó được tổ-chức tại Vienne, tuy nhiều biến chuyển đã xảy ra tại hai vùng trên có thể ảnh hưởng tới bang giao Nga-Mỹ.

Và thiện chí của Nga đã được chứng tỏ rõ-ràng nên chính-phủ Mỹ quyết định đưa ra một số đề-nghị rõ rệt như số giàn hỏa-viên tối đa của mỗi nước và số hỏa-tiến mà hai bên có quyền chế tạo. Những đề-nghị này, nếu được chấp thuận, sẽ đưa cả hai bên, không những tới việc ngừng chế tạo vũ khí nguyên-tử và hạch tâm, mà đôi khi còn bắt buộc cả hai phải hủy bớt thêm cả những vũ khí đã được chế-tạo quá mức...

Nga đã tiếp nhận các đề nghị này và hứa sẽ cứu xét hết sức kỹ càng. Tuy người ta chưa biết Nga có chấp thuận hay không, nhưng ông Nixon hy vọng rằng những tiến bộ mới trong việc giới hạn vũ khí chiến thuật sẽ được thực hiện trước tháng 11 khi Hoa-kỳ bầu lại Hạ-viện và 1/3 Thượng-viện.

### Hiệp-ước Liên xô Tây-Đức sắp được ký kết

Ngoại trưởng Tây Đức Walter Scheel đã vừa từ Nga trở về với dự-thảo hiệp-

ước Nga-Đức nhằm khước từ việc sử dụng vũ lực trong bang giao giữa hai nước. Theo - hiệp ước này Tây-Đức bằng lòng thừa nhận các đường biên-giới dọc sông Elbe giữa hai nước Đông và Tây Đức và đường biên giới Oder — Neisse giữa Ba-lan và Đông-Đức; Tuy hiệp-ước này chỉ có giá trị tinh thần, nhưng với sự ký kết của hiệp-ước, Tây Đức đã bước vào một kỷ-nguyên mới trong bang giao với Nga. Thật vậy, Nga đã không còn coi Tây Đức như là những tên «nazies nuôi trí phục thù» nữa. Và nhờ có hiệp-ước này Nga được yên trí ở phía Tây để đối phó với Trung Cộng phía Đông. Ngoài ra Nga còn được Tây-Đức vậ trợ kinh-tế để canh tân kỹ nghệ Nga gặp khó khăn ở Sibérie

Nhưng-hiệp ước này lại bị chính ông Ulbricht, Chủ-tịch Đông Đức và tay sai của Nga, chống đối vì hiệp-ước này chứng tỏ rằng ông Willy Brandt đóng một vai trò quan trọng tại các nước Cộng-sản Đông - Âu trong khi ông Ulbricht coi Đông Đức là nước Đức chính thống duy nhất tại vùng này.

Nội-các Tây-Đức đã cho phép ông Willy Brandt ký hiệp-ước này và ông Willy Brandt tuyên bố sẽ chỉ trình Quốc-hội chuẩn y nếu Nga tỏ thiện chí trong việc đi tìm một giải pháp cho vấn-đề Bá-linh. Vì vậy nếu muốn hiệp-ước có hiệu-lực Nga phải đi tới nhượng bộ các quốc gia Tây-phương trong vấn đề Bá-linh. Hiệp-ước Nga-Tây Đức đã đến đúng lúc để tăng cường uy tín cho ông Willy Brandt và đồng thời cũng chứng minh thêm một lần nữa sự cải thiện trong bang giao Đông Tây.



## THỜI SỰ KHOA HỌC

### Ngoại-âm

Sự khảo cứu về ngoại âm đã được bắt đầu từ khá lâu. Đó là một loại âm thanh có một tần-số rất thấp từ 6 đến 19 chu-kỳ trong một giây mà tai người không thể nghe thấy được, cho nên mặc dù âm thanh này vẫn luôn luôn có mặt trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta mà không ai chú ý đến. Ngoại-âm đã có nguồn gốc từ các hiện tượng thiên nhiên như sấm, bão tố, động đất... và được truyền đi rất xa. Hai nhà khảo cứu của Viện Đại-học Illinois là Foyd Dunn và John Green đã chú ý đến liên-quan giữa tỉ-lệ tai nạn xe cộ và tỉ-lệ vắng mặt của các học sinh ở tại Chicago tăng lên trong lúc có những trận giông bão ở miền Trung-Tây nước Mỹ. Cũng theo Dunn và Green thì có một số người, nhất là những người đi biển, thường có linh cảm rất đúng với những sự thay đổi thời tiết đột ngột. Những người này có thể có một sự nhạy cảm đặc biệt với loại ngoại-âm hơn là những người khác.

### Di-truyền học và ung-thư

Một hiện-tượng quan trọng trong lãnh vực di-truyền-học vừa mới được đem ra ánh sáng và hiện tượng này đã làm đảo lộn tất cả quan-niệm cổ điển về cơ-chế của sự di-truyền.

Từ trước tới nay, người ta đều cho rằng DNA là cơ-cấu chính của sự di

truyền. Những tín-hiệu di truyền được truyền đi từ những phần-tử DNA qua sự trung gian của những phân tử RNA và từ đó protéine được tổng-hợp để tạo nên vật-chất. Bây giờ, trong một vài trường hợp, cơ-chế di-truyền đã đi ngược lại. Sự tổng hợp protéine bắt nguồn từ RNA thay vì DNA, và chính RNA sẽ tạo nên các DNA thích hợp để dùng vào công việc vận-chuyển các tín-hiệu di truyền.

« Giả-thuyết mới mẻ này đã được bác sĩ Howard Temin, một nhà sinh-vật-học phân-tử của trường Đại-học Wisconsin nêu lên 6 năm về trước. Ông gặp phải nhiều sự bài bác của các đồng-nghiệp vì đã không chứng-minh được một cách cụ-thể giả-thuyết của mình. Cách đây 2 tháng, Temin đã thành công trong thí-nghiệm chứng-minh cho giả-thuyết của ông. Hơn nữa, thí nghiệm này lại được sự xác nhận của Sol Spiegelman, Giám-đốc Trung tâm Nghiên-cứu Ung-thư của Viện Đại-học Columbia, một trong những người tăm tiếng nhất trong lãnh vực sinh-vật-học thí-nghiệm của Temin căn cứ vào sự-khien một số siêu-vi-trùng RNA (RNA-virus) khi đột nhập vào tế-bào bình thường đã điều khiển tế-bào này sản xuất ra một loại DNA mới, thích hợp với nó và chính loại DNA mới thành lập này sẽ lại điều khiển sự hoạt động của tế-bào. Như vậy Temin đã chứng minh được sự đảo ngược của cơ-chế di truyền cổ điển.



Những loại RNA-virus trong thí nghiệm của Temin đều là những loại có khả năng gây ra bệnh ung-thư. Ông cũng thử tìm lại đặc điểm này trên các loại virus không gây bệnh ung thư khác, nhưng không có kết quả. Ông hy vọng

là thí nghiệm trên có thể dẫn tới một phương - pháp mới để trị bệnh ung-thư và một vài căn bệnh di truyền khác.

TỬ DIỆP

## THỜI SỰ VĂN-NGHỆ

### Tiểu-thuyết thế-giới.

Trung-tâm ấn-phẩm quốc-gia Ba-tây dự-định phát-động một chương-trình mang tên «Tiểu thuyết thế giới» và xin được cung cấp 5 tác phẩm loại tiểu-thuyết của Việt-Nam với điều kiện: Tác-giả không đòi quyền sáng tác của mình và chấp thuận cho Trung-tâm dịch ra Bồ-đào-nha ngữ. Việc lựa chọn 5 tác-phẩm Việt-nam để gửi đi cho Ba-tây trên đây do Nha Văn-hóa thuộc Bộ Văn-hóa phụ trách và người ta rất tò mò đợi xem kết quả của sự chọn lựa này.

### Sứ điệp thơ Việt-nam

Trong khi chờ đợi tác-phẩm V.N. dịch ra Bồ-đào-nha ngữ, người ta cũng đã thấy nhiều tác-phẩm V.N. dịch ra các ngoại-ngữ khác, như truyện của Cung Giũ Nguvên : Le fils de la Baleine, Der Sohn des Walfischs đã được dịch ra Pháp và Đức ngữ, truyện của Thế Phong, Nguyên vũ dịch ra Anh, ngữ thơ của Vũ Hoàng Chương dịch ra Pháp ngữ, Đức ngữ và Anh ngữ...

Riêng về nhà thơ Vũ Hoàng Chương, ông đã có 5 tập thơ dịch ra ngoại ngữ và tập mới nhất «Tân thi» do Cô S.Kuhnen de la Coeuillerie — một nhà thơ Bỉ — dịch ra Pháp ngữ mang tên

là «Nouveaux Poèmes» gồm những bài thơ của ông từ 1963 đến nay. Sau khi tập này được xuất bản, phê-bình-gia Achille Cavens đã viết trên 2 nhật báo Bỉ, La Métropole và La Flandre Libérale, về tác phẩm trên đây một bài nhan-đề là «Sứ điệp Thơ Việt-nam» (Message poétique Vietnamien). Nhà phê-bình văn học nghệ-thuật của 2 nhật báo trên đã cho là tập thơ «Nouveaux Poèmes mang một tính chất «thuần túy» hiếm thấy, từ cảm hứng đến ngôn - từ. Ông viết rằng «Cảm-hứng này, có nguồn gốc trữ-tình, cá-biệt, mà lại phối-hợp những đề-tài phổ-quát của con người nói chung — (những đức-tính căn-bản về sự khoan-dung, về lẽ công-bình, về hòa-bình, và tình-ái) — thường khi gắn liền với những giọng suối bất-tuyệt của cái Đẹp — (thiên nhiên, đồi Acropole ở Hy-lạp và bình-nguyên Roma, niềm bí-mật của Trăng, vẻ duyên dáng của Mùa Xuân...) — lại còn thấm đượm tinh-thần của Phật-đà, hiện-thân của đức từ-bi nghiêng xuống toàn-thể các sinh-vật, và tất-nhiên cũng phản-ảnh một thái độ trước sự đe-dọa của cơ-khí đang tràn-lan, trước những hãi-hùng ghê-tởm của Chiến-tranh, nó đang gieo tang tóc cho dân-tộc Việt, đang làm cho phụ nữ phải rõ lệ đau tủi trên sự vắng mặt



hay sự thiệt-mạng của muôn ngàn kẻ «chính-nhân (1)»

Tràng-Thiên trong bài nói về xung quanh các hội-nghị Văn-bút ở Đai-Bắc và Hán-Thành có bức mình là Việt-Nam không có ai được mời là thượng-khách của Văn-bút ; đó là do Văn-bút địa-phương không tiến cử, giới thiệu trước. Một hội-viên Bút-Việt, dự hội-nghị trở về, có ý-kiến là một trong những thượng-khách V.N. sau này của Hội-nghị Văn-bút quốc-tế chắc phải là nhà thơ họ Vũ, vì ông thực xứng đáng với danh-dự đó.

### Buông súng

Bùi-Đặng (tên thật là Bùi Đăng Khuê), tác giả truyện dài « Cúi mặt », sau khi bị thương trong một cuộc hành quân ở Quảng-ngãi, đạn xuyên qua bụng búng đi một miếng gan, nay đã được giải ngũ vì quá yếu. Đồng thời

anh cũng được gọi trở về hành nghề cũ là dạy học. Cho tới nay như vậy là anh đã 2 lần gần kề cái chết, một lần Việt-Cộng bắt giữ một năm rồi mới được giải cứu và một lần bị trọng thương. Được hỏi nay buông súng trở về đời sống nhà giáo, anh mong muốn gì, Bùi Đăng cho biết : ước muốn gần gũi nhất là được dạy học ở gần nhà (khu-vực Gia-định) để tiện cho gia đình săn sóc sức khỏe. Nhà văn, nhà giáo, thương binh chẳng đòi hỏi chính quyền một « khoảng đất cắm dùi » nào, mà chỉ có một nguyện vọng nhỏ bé trên đây đã được trình bày với Bộ Giáo-dục thì hẳn là anh sẽ được toại nguyện chẳng khó khăn gì.

### THU-THỦY

(1) Bản dịch của nhà xuất bản Nam-Chi tùng-thư.

Quân Mông-cổ làm cách nào vượt qua Vạn-lý-trường-thành để chiếm Trung-Quốc ? Họ làm thế nào để trầy quân trên rặng núi Pamir cao 4000 thước và vượt qua sa mạc Tử-thần để đánh tan đế-quốc Hồi ? Họ tổ chức và huấn luyện những đại-đoàn pháo binh như thế nào ? Chiếc cung, đôi giày và con chiến mã của họ ra sao mà các sử gia cho là yếu tố chiến thắng ? Và, từ một tên du mục hiền hành, tại sao Thành-Cát-Tư-Hãn nổi cơn phẫn nộ đến mức gây cảnh núi xương sông máu làm kinh hoàng cả lịch sử nhân loại ?

Đề có thể giải đáp những câu hỏi trên, mời bạn đọc quyển :

## THÀNH - CAT - TƯ - HÃN

của Nguyễn-Trọng-Khanh

— Một cuốn sách xây dựng công phu với những sử liệu đặc biệt như : *Mông-cổ bí sử*, *Đế quốc đồng cỏ* của Viện Đại-học Hambourg... và hình ảnh của Viện Bảo tàng Moscou...

### TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành

Địa chỉ : 21 Nguyễn-Thiện-Thuật Sài-gòn — Đ.T : 92.017



# Sách báo mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc.

— **Niko : Kazantzaki** của Phạm Công Thiện, do Phạm Hoàng xuất bản và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 446 trang gồm 2 phần lớn : Phạm Công Thiện viết về Nikos Kazantzaki và phần dịch tác phẩm Ascèse của nhà văn Hy-lạp. Phần Phụ lục có mấy đoán văn của tác-giả và bài nói chuyện với tập san " Văn ". Tập thứ 3 của Bộ sách " Nhà thơ nhà văn nhân loại " Giá 400đ.

— **Hát lang thang**, tuyển tập 16 bài tình ca và phận ca của Nguyễn Tùng, nhạc và lời inro nét đẹp và rõ ràng, do tác giả ấn-hành để tặng thân-hữu.

— **Thơ Minh Viên** của Minh-Viên do Hòa-Mã xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 90 trang. tập thơ thứ 2 của tác giả, gồm 35 bài thơ chia làm 2 phần: Mưa vào tâm sự và Đêm Việt-Nam Giá 140đ.

— **Trí nhớ, hoang vu và khói** tập truyện của Hoài Khanh do Cadao xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 112 trang gồm 4 truyện : Cho lòng thờ than ; Thanh phố đi rồi ; Thấp một ngọn đèn ; Trí nhớ hoang vu và khói. Trình bày rất trang nhã. Bán đặc biệt. Giá thường : 110đ.

— **Lỡ bước sang ngang** tập thơ của Nguyễn Bình do Hoa Tiên xuất bản và gửi tặng. Sách dày 72 trang, tập thơ nổi tiếng từ thời tiền chiến nay tái bản tại Saigon dùng làm tài liệu tham khảo văn-chương.

— **Qua hình bóng khác** truyện của Du Tử Lê, do Khai Phóng xuất bản và tác giả gửi tặng. Truyện dài thứ tư của tác-giả dày 130 trang, bìa tranh Nguyễn hữu Nhật, phụ bản Lê thị Chương Dương. Bán đặc biệt.

— **Essai de contribution à la solution de la guerre au Viet**

nam của Hoàng minh Tuynh, do tác giả viết từ giữa năm 1968 và đã cho ấn hành nhân dịp ngày Hòa-bình Thế-giới (1-1-1969) nay tái bản in roéo khổ 19 5x26 dày 34 trang có thêm phần phụ lục về lời kêu gọi của Đức Giám mục Don Helder Camara, nhân cuốn sách của T.T. Nhất-Hạnh. Tập tiểu-luận đã đề cập việc ngưng oanh tạc Bắc Việt và việc mở rộng chiến tranh Đông-Dương mà tác giả cho là kết quả đương nhiên của cuộc chiến tranh V.N.

— **Nghệ-thuật tham nhũng và hối lộ** của Toan Ánh do Hoa-Đặng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 242 trang gồm 3 phần chính : Tham nhũng dưới thời Pháp thuộc, tham nhũng sau Pháp thuộc đến ngày đất nước chia hai và tham nhũng ngày nay Giá 200đ.

— **Bài quyền Thái cực đạo** của Lạc Hà do Tú sách Võ Thuật xuất bản và nguyệt san nghiên cứu Võ thuật gửi tặng. Sách dày 170 trang gồm 3 phần : Khái quát, Kỹ thuật, và Phụ lục, có rất nhiều hình ảnh và đồ-thị biểu diễn các đòn thế. Giá 180đ.

— **Quản trị xí nghiệp** nguyệt san của Hội quản trị xí nghiệp V.N. do Kỹ sư Khương Hữu Điều Chủ nhiệm và Dượng sĩ Đặng quốc Cơ Quản lý. Tòa soạn : 1B, Ngõ thời Nhiệm Saigon. Số 1 (6/70) 56 trang khổ 21x27, gồm nhiều bài nghiên cứu về quản-trị-gia và quản trị xí nghiệp v.v.. của các doanh gia, quản-trị-gia chuyên nghiệp. Giá 150đ

— **Tự quyết** nguyệt san đòi quyền dân tộc tự quyết do Trần Tử Huyền Chủ nhiệm và Trần Hư Nhân Thư ký Tòa soạn. Tòa soạn và trị sự : 61 Lê văn Duyệt Saigon. Mỗi số dày 80 trang khổ 14x21 gồm những bài của Thanh Sơn, Thạch Bách Nguyễn Bình Tuyên, Bùi chánh Thời v.v... và các sinh viên Đoàn văn Toại Nguyễn văn Thắng và Tô thị Thủy về cuộc tranh đấu vừa qua của S. V. H. S. Giá 40đ.